

VĂN HỌC

tạp chí sáng tác
nhận định văn nghệ



BƯỚC QUA NĂM THỨ NĂM

SỐ 40 THÁNG 5 NĂM 1989

VÀI GHI NHẬN VỀ NGÀNH XUẤT BẢN TẠI VIỆT NAM

Thế-Uyên

1

Ngay từ ngày 1 tháng 5 năm 1975, Đảng CSVN đã công bố ngay chính sách của họ đối với sách vở báo chí của miền Nam. Họ đưa ra một tiền đề rất quyết liệt và dứt khoát: tất cả sách vở báo chí của VNCH trước đây đều là *văn hóa thực dân mới, phản động và đồi trụy*, cần phải tiêu diệt ngay lập tức và tận gốc rễ. Không có một ngoại lệ nào cả. Đối với ngành ấn loát, Đảng cho rằng tất cả những nhà in lớn nhỏ đều là tài sản của chính quyền VNCH và của CIA, phải tịch thu ngay lập tức: trong nội ngày mùng 1 tháng 5 năm đó, bộ đội đã đến tịch biên và niêm phong toàn bộ các nhà in của miền Nam. Những biện pháp này làm các nhà xuất bản và chủ nhà in bị mất toàn bộ sản nghiệp 24 giờ sau khi bộ đội vào thành phố, trong khi những nhà tư sản, các ngành kinh doanh khác còn được tồn tại tới năm 78 mới bị các biện pháp tương tự.

Tất cả các tiệm sách đương nhiên cũng bị niêm phong, không được bán ra thêm bất cứ một cuốn nào, dù là tự điển Pháp Việt hay Hán Việt. Những chủ tiệm, chủ nhà xuất bản nào tuân theo đúng thông cáo của Ủy ban Quân quản, làm bản kê khai số sách tồn kho thì sau này còn vớt vát chút đỉnh. Những nhan đề sách và các tác giả bị cấm đoán đích danh được chính quyền mới công bố trong một nghị định dài: các nhà sách và nhà xuất bản phải nộp cho chính quyền địa phương những cuốn đó để thiêu hủy. Những cuốn không có tên trong danh sách này, tiệm sách và nhà xuất bản mới được mang bán cho các chàng ve chai để thu lại một số tiền tượng trưng... Đó là đối với các tiệm sách và nhà xuất bản và nhà in. Còn đối với đại chúng, Đảng phát động nhiều lần những chiến dịch lớn để căn quét

mọi sách xuất bản trước tháng 4, 75 còn tồn trữ tại các tư gia. Những cán bộ của chiến dịch làm ăn hăng say quá mức nên dân chúng sợ hãi, đem ra nộp hết sách cũ. Chỉ còn một số nhỏ yêu sách, quý sách thì đành phải chôn dấu, cất kỹ như vàng bạc châu báu vậy - và số lượng sách giữ lại được theo kiểu này không còn bao nhiêu.

Về đối ngoại, Đảng bế quan tỏa cảng rất kỹ. Mặc dù ngay từ những năm 78 và 79, Đảng CSVN đã cho Việt kiều các nước có đặt bang giao với Việt-Nam được về thăm quê hương, nhưng kiểm soát hành lý của họ về phương diện văn hóa phẩm rất kỹ - như Quan thuế các nước Tây phương kiểm soát vũ khí chất nổ và ma túy vậy.

Một Việt kiều bị khám thấy mang lén dollar xanh hoặc vàng trên người, thì chỉ bị cảnh cáo, tịch thu và phạt tiền. Thế thôi. Nhưng nếu bị khám thấy mang lén về Việt-Nam một tờ báo ngoại quốc thì sẽ gặp nhiều rắc rối. Nếu là sách báo bằng ngoại ngữ Anh Pháp thì tội còn coi là nhẹ. Nếu là sách báo Việt ngữ, thì chắc chắn sẽ bị bắt giữ, xoàng ra cũng vài ba ngày để điều tra. Sự bế quan tỏa cảng này nghiêm ngặt đến nỗi lấy thí dụ như tờ *Khoa Học Phổ Thông*, tạp chí khoa học thuần túy của chính quyền Sài-gòn, muốn đặt mua những tạp chí như *National Geographic* cũng không được phép. Làm cho biên tập viên của tạp chí này phải dùng biện pháp tức cười để có tài liệu mới: họ dặn những công nhân phụ trách vệ sinh trên các chuyến phi cơ đáp xuống Sài-gòn là hãy thu nhặt và dấu kín tất cả những sách báo hành khách bỏ lại trên ghế ngồi, mang về bán lại cho tòa báo với giá cao.

Tất cả những biện pháp càn quét sách báo và bế quan tỏa cảng về văn hóa tư tưởng ấy đã được áp dụng chặt chẽ trong nhiều năm, nhằm tạo dựng một khoảng vườn không nhà trống, một sa mạc hoang vu cho Đảng du nhập văn hóa đỏ của họ từ miền Bắc vào, mục tiêu cải tạo tư tưởng dân miền Nam đến tận gốc rễ.

2

Vì trở ngại giao thông, cuốn sách đầu tiên của văn hóa đỏ được bày bán ở Sài-gòn chưa phải là sách in tại miền Bắc, mà là cuốn *Thơ Tố Hữu* do một cơ sở nào đó của Mặt Trận Nguyễn Hữu Thọ đứng ra in và phát hành. Phải đợi đến tháng 7, 75 mới có sách của miền Bắc chở vào tới nơi.

Tại miền Bắc không có nhà in tư nhân cũng như nhà xuất bản tư nhân. Thậm chí đến máy quay roneo, máy sao tài liệu, máy chữ...cũng chỉ các cơ quan chính quyền mới được phép có và sử dụng. Tuy thế đảng CSVN không hề lập một Cục Xuất bản mới một nhà xuất bản duy nhất như một

số người Việt ở hải ngoại đã làm tướng. Dĩ nhiên Đảng có một nhà xuất bản chính thức của đảng, gọi là nhà xuất bản *Sự Thật* chuyên xuất bản những sách kinh điển của chủ nghĩa, các sách biên khảo của các lãnh tụ Đảng như Hồ Chí Minh, Phạm văn Đồng, Lê Duẩn, Trường Chinh. Những sách của nhà xuất bản Sự Thật này thường để giá chính thức, thường là rất rẻ so với giá sách khác, nhưng bán rất chậm. Lý do rất giản dị: ai cần phải học những kinh điển mới đi mua. Đại chúng ít ai bỏ tiền ra mua những sách đó.

Về văn học, chính quyền CSVN có một nhà xuất bản chính thức, đặt tên là *Văn Học*. Như tên gọi, nhà xuất bản in ra những tác phẩm văn học nghệ thuật thông thường, từ truyện ngắn truyện dài truyện dịch tới biên khảo về văn học và nghệ thuật. Dĩ nhiên đây là nhà xuất bản lớn nhất của chế độ Cộng-sản, sản xuất ra khoảng phân nửa số sách được lưu hành trong nước. Phần nửa còn lại do các nhà xuất bản của các *ban ngành đoàn thể* và các đoàn thể ngoại vi của Đảng, thí dụ Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên Cộng sản...

Giới thanh niên có nhà xuất bản *Thanh niên*, phía phụ nữ có nhà xuất bản *Phụ nữ* giới công nhân có nhà xuất bản *Công nhân*. Trong chế độ CS, ngành Công an nắm giữ khoảng 50% quyền bính về cai trị (các cơ quan chính quyền thông thường chỉ chia nhau 50% quyền hành còn lại) nên dĩ nhiên họ phải có một nhà xuất bản riêng biệt gọi là nhà *xuất bản Công an*... Dĩ nhiên mỗi nhà xuất bản này đều chuyên về một loại sách riêng. Nhà Thanh niên thì xuất bản những cuốn, gồm cả sáng tác lẫn dịch của Nga và Đông Âu, mà Đảng cho rằng vừa hợp với thanh niên, vừa đào tạo cho thanh niên tinh thần mới của *con người mới xã hội chủ nghĩa*. Nhà Phụ nữ thì in những cuốn có nhân vật chính là phụ nữ, hoặc những cuốn được cho là hợp với phụ nữ. Nhà xuất bản Công nhân cũng vậy: toàn những sách về Công nhân và các công trình xây dựng như đập nước, kênh đào, khai hoang... Nhà xuất bản Công an dĩ nhiên in những cuốn loại trinh thám gián điệp rồi, và dĩ nhiên người hùng trong truyện đều phải là Công an cả.

Ngoài những nhà xuất bản chính trên, ngoài bắc còn có một nhà xuất bản nữa, coi như một hệ phái của nhà Văn học, là nhà xuất bản *Tác phẩm Mới*. Như tên gọi, nhà này in những cuốn sách tương đối cởi mở nhất, ít bị chi phối bởi giáo điều chính thống nhất, và do đó thường là những sách dịch của các nước không Cộng sản tại trung Mỹ và Nam Mỹ.

Dĩ nhiên ngoài Bắc cũng có những nhà xuất bản chế độ nào cũng có, thí dụ như nhà xuất bản Giáo dục chuyên in sách giáo khoa, nhà xuất bản *Khoa học* chuyên về sách biên khảo khoa học... Nhưng dù mang tên gọi là gì, do ngành nào phụ trách thì cũng đều là những nhà xuất bản của chính quyền, do các đảng viên trực tiếp lãnh đạo và điều hành. Những người

không có phe đảng, không có quyền tham dự vào việc duyệt sách cùng điều hành của các nhà xuất bản.

3

Về ấn loát Cho tới tháng 4, 75 ngành in ngoài Bắc cũng chịu chung tình trạng lạc hậu như mọi ngành có liên quan với khoa học kỹ thuật khác ngoài Bắc ngoại trừ ngành khoa học kỹ thuật quân sự (Nga Sô bao giờ cũng cử chuyên viên sang huấn luyện cách thức sử dụng những vũ khí tối tân được viện trợ cho quân đội chính quy). Các nhà in ngoài Hà nội (đa số các nhà in tập trung tại thành phố này), ngay cả nhà in lớn nhất của Đảng là nhà in *Tiến Bộ* vẫn còn dùng lối in *typo* (thợ lấy những chữ rời trong các học xếp thành từng khuôn, mỗi khuôn là một trang, khi đủ 16 trang thì xếp lên bàn của máy in để máy in chạy từng tờ một). Khoảng nửa năm sau 30 tháng 4, 75 Trường Chinh mới biết ở miền Nam ngành ấn loát đã chuyển sang in offset từ lâu. Trong một buổi đến thăm nhà in Tiến Bộ, ông ta ra lệnh cho cán bộ phải hiện đại hóa ngành in ngoài Bắc. Lệnh này cũng dễ thi hành thôi: các cán bộ đã tịch thu toàn thể nhà in miền Nam nên họ chỉ việc chuyển chỗ một số máy in offset loại tốt về Hà-nội. Có thể nói nếu không chiếm được miền Nam thì Hà Nội vẫn tiếp tục dùng kỹ thuật in sách từ thời Nam Phong tạp chí của Phạm Quỳnh... Chế độ bề quan tòa cảng của Đảng CSVN thành công đến nỗi người dân, thậm chí đến cả cán bộ đảng viên, đều không biết chút gì về thế giới bên ngoài lãnh thổ Việt Nam.

Tuy kỹ thuật in miền Bắc lạc hậu, chậm chạp như vậy, nhưng bù lại, họ làm rất kỹ, nhất là vấn đề sửa lỗi. Hầu hết sách của họ không có bản đính chính những chỗ đã in sai, và những trang in hư in mờ đều bị loại bỏ. Về chính tả, thường là chính xác hơn sách của miền Nam trước đây. Nhưng dĩ nhiên điều đó cũng không bù lại được cách trình bày quá tẻ nhạt, khô khan, ít màu sắc, từ trang trong tới bìa ngoài. Bởi thế trong năm 75, các cán bộ văn hóa của CSVN luôn luôn lên tiếng tố cáo là các nhà xuất bản "Mỹ nguy" đã lạm dụng đường nét màu sắc lòe loẹt để thu hút độc giả.

Về tiệm sách và phát hành. Về địa hạt này, miền Bắc khác hẳn miền Nam. Ở miền Nam, tiệm sách coi như thuộc địa hạt kinh doanh của tư nhân, sạp báo cũng vậy, ai muốn làm thì cứ việc làm, lời ăn lỗ chịu. Các nhà tổng phát hành sách báo của miền Nam, từ Nam Cường tới Sống mới, đều là của tư nhân, do tư nhân điều hành. Về địa hạt này, chính sách của Đảng khác hẳn.

Ngay trong tháng 4, 75 tất cả những tiệm sách của miền Nam đều bị đóng cửa, và các chủ nhân được yêu cầu chuyển sang nghề nghiệp khác.

Đảng thay thế bằng một loạt *tiệm sách giải phóng*. Những người được phép mở các tiệm sách loại này đều được tuyển chọn trong các gia đình cán bộ đảng viên. Các sạp báo, các kiosque sách báo cũng vậy. Dân thường tuyệt đối không được làm nghề bán sách bán báo, và tình trạng này đã tiếp tục duy trì đến tận lúc này. Những Việt kiều hải ngoại về thăm quê hương, thăm bà con hay du lịch cần ghi nhớ sự kiện này để tránh nói những lời chê bai Đảng trước mặt mấy cô hàng sách - cũng có những cô xinh đẹp tươi cười - vì thường nếu họ không là cán bộ thì cũng thuộc gia đình cán bộ... Trong một vài năm đầu của thập niên 80, chính quyền Sài-gòn có cho tư nhân được buôn bán sách cũ một thời gian ở một con đường nhỏ. Sách được mua bán nơi đây phải là sách chuyên môn kỹ thuật thuần túy, cùng lắm là kinh kệ của Công giáo Phật giáo. Nhưng chợ sách tư nhân này quá ồn ào phát đạt nên cũng bị Đảng dẹp tiệm khá nhanh. Trong vụ dẹp bỏ chợ sách cũ tư nhân, cũng có nhiều sự kiện hoặc chua xót hoặc tội nghiệp. Thí dụ như có hai thanh niên ít học có một sạp sách tại nơi này đã bị đưa ra tòa xử khổ sai chung thân chỉ vì hai em có bày ra vài cuốn sách của Mao Trạch Đông. Khi hai đảng CS bất hoà, đánh nhau to, hai em không để ý để thiêu hủy kịp thờ, mấy cuốn sách của họ Mao nên bị lãnh án nặng như vậy.

Về cơ quan phát hành dĩ nhiên Đảng cần thận tối đa. Cả miền Nam chỉ có một cơ quan phát hành sách báo mà thôi. Trụ sở Trung ương đặt tại đường Nguyễn Huệ, nơi có *Đêm Màu Hồng* trước tháng 4, 75, lấy tên là *Phahasa*. Cơ quan này được phụ giúp bởi một vài cơ sở phụ dung khác, nhưng đều do đảng viên nắm giữ then chốt. Dân thường chỉ được tuyển làm công nhân viên. Vì Phahasa đặt ngay đường Nguyễn Huệ, là nơi có nhiều người ngoại quốc lui tới nên về hình thức được trình bày coi được mắt hơn bất cứ tiệm sách nào của Việt-nam. Ngoài sách báo, cũng có một khu bán dụng cụ âm nhạc (đàn Tây ban cầm, sáo...), băng nhạc (sau mười mấy năm, Đảng chỉ sản xuất được cho dân khoảng chưa tới 10 tape nhạc). Kế cận gian này là gian bày bán sách ngoại quốc. Tên gọi là như vậy, nhưng thực tế chỉ bày bán sách Nga ngữ và một số tự điển Anh ngữ. Sách Nga ngữ thì miền Nam ít ai biết đọc đã đành mà tại miền Bắc cũng thế (sinh viên Việt-nam đi du học tại Nga đều học qua thông ngôn nên tốt nghiệp về nước cũng không biết tiếng Nga). Còn các tự điển thì chỉ là hàng trưng bày, dân thường không được phép mua. Về Pháp ngữ thì chỉ có một tạp chí duy nhất Spounik, tương tự như Reader's Digest nhưng mỏng hơn, và thực ra cũng chỉ là ấn bản Pháp ngữ của tạp chí này ở Nga mà thôi.

Thỉnh thoảng tại Phahasa cũng có bày bán sách của nhà xuất bản *Cầu Vồng*. Nhà xuất bản này đặt tại Moscow, có những ngành chuyên in những

sách Nga dịch sang một ngôn ngữ khác của Khối Cộng sản. Người Nga tự chọn lấy những tác phẩm, cho người dịch rồi tự mình in lấy tại Moscow, in xong mới trao cho các chính phủ đàn em. Việt-nam đương nhiên được hưởng ưu tiên. Sách in đẹp như loại bìa cứng của Mỹ, các truyện được lựa dịch tương đối được độc giả Việt-nam hoan nghênh. Giá sách để lại rẻ nữa. Nhưng trên thực tế những sách của nhà Cầu Vồng đa số thuộc về các gia đình cán bộ: số lượng sách quá ít, không đủ để phổ biến trong đại chúng.

4

Trong những năm đầu sau 75, sách giải phóng bán rất ế. Các tiệm sách vắng ngắt. Lý do tại nội dung của sách. Trong mấy tháng đầu, dân miền Nam cũng đã hăm hở bỏ tiền ra mua sách, ít nhất cũng để xem thú văn hóa văn nghệ đỏ ra làm sao. Nhưng rồi họ chán rất nhanh vì sự đơn điệu, vì tính cách tuyên truyền thô sơ của sách. Lấy thí dụ như sách của nhà xuất bản Thanh niên: cuốn nào cũng như cuốn nào đều cùng chung nhau một cách dựng truyện, cùng chung một diễn tiến, và cùng một cách thức kết luận. Thanh niên nào trong truyện cũng đều hăng hái tình nguyện đi bộ đội, đi thanh niên xung phong cả. Khi đã là bộ đội thì đều nhất định xin ra tiền tuyến, và khi bị thương thì vết thương chưa khỏi cũng nhất định đòi ra trận ngay. Bác sĩ cấm không cho xuất viện thì trốn... ra mặt trận chiến đấu nữa. Dĩ nhiên truyện tình yêu và người yêu thì coi nhẹ như sợi lông sợi tóc. Nếu có đi thanh niên xung phong thì đòi đi tít sang Si-bia lạnh 50 độ dưới 0 mà làm việc. Dĩ nhiên trong truyện cũng có vài nhân vật xấu, nhưng đến đoạn kết thì các nhân vật xấu đều bị các bí thư Đảng khám phá ra và trừng trị thẳng tay... Trong các truyện của nhà xuất bản Phụ nữ thì còn tệ hại hơn: đang yêu chàng, sắp lấy chàng mà Đảng bảo phải bỏ để đi lên biên giới trồng khoai mì, là nàng nào cũng cho chàng de, xách ba-lô lên đường ngay lập tức. Dĩ nhiên có trai gái thì phải có truyện tình, nhưng truyện tình cũng rập khuôn một kiểu: ăn nói lạnh nhạt, chỉ cầm tay nhau thôi - hôn môi là không hề có - và khi có mâu thuẫn giữa quyền lợi của Đảng và chàng thì nàng bao giờ cũng chọn theo Đảng...

Những sách của nhà xuất bản Công-nhân thì cũng không hơn gì, và đôi khi còn tệ hơn. Nhà hay dịch sách của Nga và trong một truyện dịch dài cỡ 300 trang được cán bộ đảng Việt-nam đề cao, bà con mua về đọc thì ngán ngời. Vào truyện tả một bác công nhân nhà máy thép đang đi ra đi vào hầm hực vì ghen tuông. Độc giả đã tưởng phen này sắp có truyện ly kỳ đáng coi, xoàng ra cũng là truyện cô vợ trẻ của bác công nhân đã ngoại tình với một thanh niên con địa chủ đẹp trai chẳng hạn. Đọc tiếp, bà con mới biết là bác đang ghen với... một bác công nhân khác. Bác này

vì không có nhà nên tối ngủ lại trong xưởng, nhờ thế đúc thêm được cho xí nghiệp được 2 mẻ thép nữa (không có bonus, overtime gì cả). Bác kia đam ghen chỉ vì tại mình có nhà có vợ con nên tối đến phải về, *không được* làm nhiều vậy. Câu truyện điển tiến còn dài cả hai trăm trang nữa, nhưng đọc giả miền Nam, trong đó có người viết bài này không đủ can đảm đọc tiếp để xem cái bác công nhân anh hùng xã hội chủ nghĩa Liên-Xô đã làm thế nào bỏ nhà bỏ vợ bỏ con để *được* đổ thêm nhiều mẻ thép nữa cho Đảng vĩ đại và quang vinh...

Dĩ nhiên nhân dân miền Nam cũng đã có thời kỳ tìm đọc những tác giả nổi danh thời tiền chiến như Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Tô Hoài, Nguyễn Hồng, Chế Lan Viên, Thế-Lữ... Nhưng để rồi đã thất vọng tràn trề. Nguyễn Tuân theo Đảng không còn là Nguyễn Tuân nữa, đọc không vô. Nguyễn Hồng hay Tô Hoài thì cũng vậy. Mặc dù bút pháp họ ít thay đổi, kỹ thuật vẫn khá cao, nhưng nội dung những điều họ viết cũng rập khuôn nhau, như đã mô tả trên. Các nhân vật của họ, mặc dù là người Việt-nam mang các tên Mít ổi Xoài, nhưng từ cách thế suy tưởng, cách thế nói, phản ứng và hành động đều theo một công thức đã được định sẵn. Họ không còn là nhà văn sáng tác. Những điều họ viết ra tương tự như công trình của một máy điện toán đã được soạn thảo sẵn, việc của họ chỉ là ngồi điền khuyết các chi tiết theo một công thức nhất định. Đọc, nản không thể nào tưởng được... Miền Bắc thường lớn tiếng tự hào là họ có một nền *văn chương hiện thực* xã hội chủ nghĩa, nhưng thực ra họ chỉ có một nền văn chương thuộc loại khoa học dự tưởng, đầy tính cách hoang đường. Họ đưa ra những nhân vật kiểu *alien*, chả giống gì với con người thật trong xã hội có thật mà nhân dân đang sống trong từ Bắc chí Nam...

Văn chương mà như thế thì đọc giả phải chê thôi. Dân miền Bắc chê trước, dân miền Nam chê sau. Rút cục những tên tuổi lớn của thời kỳ văn học trước 45 cũng bị xếp loại ngang hàng với các nhà văn do đảng đào tạo sau này. Nghĩa là không là thi sĩ mấy thì cũng nhà văn tô hình tô màu trên những bức tranh Đảng đã vẽ sẵn các đường nét. Giống như trẻ con mẫu giáo ngồi tô màu vào tranh có sẵn trong sách tập đọc tập viết tập vẽ vậy. Có thể nói miền Bắc, kể từ khi có Đảng cầm quyền không có văn chương thực sự, họ chỉ có những sách tuyên truyền viết dưới hình thức thơ và truyện mà thôi.

Nếu nhân dân có chú trọng tới các nhà văn này, thì chỉ vì đôi khi họ ca tụng họ nịnh hót Đảng quá hay. Thí dụ như với Tô Hoài tả công trình xây lăng Bác chẳng hạn. Xưa kia Tô Hoài chỉ nhân cách hóa các loài vật, bây giờ ông nhân cách hóa cả gỗ đá. Đọc những trang nhà văn này tả hòn đá trong giòng suối hoang lên tiếng hân hoan vì đã được chọn làm vật liệu xây lăng, người đọc miền Nam nào cũng ngậm ngùi, thương cho cả hòn

đá, lẫn Tô Hoài. Dân miền Nam cũ ai cũng biết đến bài thơ ca tụng và khóc Staline. Nhưng ít ai biết đến bài thơ Xuân Diệu ca tụng Mao Trạch Đông. Bài này khá dài, do tác giả làm khi được cử đi tham quan Trung quốc. Xuân Diệu đã tả rằng tại tỉnh Hồ-nam - quê hương của Mao Trạch Đông - cái gì cũng tốt đẹp tới đa. Thậm chí đến những cây lúa mọc lên dày đặc đến độ khi đến mùa lúa chín, đoàn xiếc trung quốc đã đến trồng thấp người cao tới tám tầng trên những ruộng lúa vàng mà các cây lúa không hề đổ rạp. Làm sao đổ cho được vì lúa quá tốt, hạt lúa quá nhiều ép sát nhau dày đặc như tấm thảm làm bằng bông. Tám tầng người chứ hơn nữa cũng không ăn nhằm gì... Nghệ thuật nịnh hót là một nghệ thuật cũ ngang hàng nghệ thuật làm điểm của phụ nữ, nhưng đến Xuân Diệu vận dụng, thì công nhận vẫn là siêu đẳng, xứng đáng với câu "hậu sinh khả ửy". (Cũng may Đảng cũng độ lượng với những nhà văn theo mình: khi hai đảng CS Việt Hoa đánh lộn to, đảng CSVN cũng không nỡ mang bài thơ này ra kết tội Xuân Diệu).

Đối với người Việt đi từ 75 trở về trước, đọc đến đây rất có thể có một số sẽ coi thường những nhà văn nhà thơ đó. Còn những người Việt-nam đã sống dưới chế độ của Đảng từ 5 năm trở lên thì thường chỉ thấy ngậm ngùi thương hại. Bà con ở Việt-nam, dù ở Nam hay Bắc, đều hiểu rằng các nhà văn nhà thơ đâu có muốn viết ra những bài văn thơ như vậy. Ai đã sống trong chế độ CS một thời gian đều biết là Đảng bảo sao, hãy làm vậy. Công khai cưỡng lại sẽ bị khép tội "chống đối", hoặc "phản động", sẽ bị đưa cái tạo tư tưởng từ ba tới bảy năm. Bà con đều hiểu rằng nếu để cho tự do một chút, những Nguyên Hồng, Tô Hoài, Nguyễn Tuân đâu có viết như thế.

Những người chưa có kinh nghiệm sống với đảng CSVN thường hay hỏi rằng tại sao các nhà văn thơ đó lại chịu viết ra những điều mà họ không tin, không muốn viết như vậy. Câu hỏi này chỉ có giá trị trong một xã hội mà quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do cư trú, và nhất là tự do được chọn nghề, kể cả nghề thất nghiệp... được tôn trọng ở mức tối thiểu. Thí dụ giả thử Nguyễn Tuân từ chối không viết theo những chỉ thị, khuôn mẫu do Đảng đưa ra thì cái gì sẽ xảy ra? Trước hết, ngoài tài viết, Nguyễn Tuân còn có *skill* nào chẳng? Nếu ông biết sửa ống nước, sửa xe hơi thì còn khá. Nếu không có chuyên môn nào cả, nếu không chịu làm nghề viết, thì ủy ban Nhân dân TP Hà-nội sẽ xếp ông vào diện đi kinh tế mới ở chân núi Hoàng Liên Sơn hay Cao Bắc Lạng ngay... mà được đi khai hoang ngay đã là may. Nhiều trường hợp, khi từ chối viết, vẽ hay làm thơ cho Đảng, thì sẽ bị Công an câu lưu trước đã, xem có chân trong tổ chức phản động nào không đã... Thòi quân chủ ở châu á, có một tội gọi là *khi quân* được qui định như sau: khi vua gọi tới ai ra làm quan, nếu người đó từ chối, thì

sẽ bị khép tội khi quân, xử tử như không. Các danh sĩ thời xưa khi được lệnh vua vời như vậy đều sợ toát mồ hôi, nếu không nhận thì cũng phải đau đầu mới nghĩ ra một bức thư từ chối khéo léo, viện dẫn lý do mẹ già sức khoẻ là chính yếu. Đỗ danh sĩ nào dám viết trên văn bản rằng "tôi chê ông là hôn quân bạo chúa, không thèm hợp tác". Trong chế độ Cộng sản, tội khi quân kiểu ấy đã được tái lập từ lâu và chỉ biến đổi tại miền Nam sau 1980.

Về tác quyền: tất cả các nhà xuất bản đều là của Đảng và Nhà nước, tác quyền dĩ nhiên phải trả đảng hoàng, như trả lương cho công nhân viên. Mỗi nhà văn có thể có hai nguồn lợi tức. Nếu họ có dám nhận một chức vụ trong hội nhà văn, một tờ báo thì họ được trả lương theo chức vụ này - ai cũng biết lương công nhân viên chức trong chế độ CS thấp như thế nào rồi, thường không nuôi được bản thân ba bữa cơm một ngày. Nếu họ có sách được xuất bản, dĩ nhiên sẽ được hưởng tác quyền.

Tác quyền sách trong chế độ CS không được trả theo phần trăm giá sách đề ngoài bìa như tại VNCH trước đây hay tại các nước Tây phương Đông phương không CS. Đảng CSVN trả tác quyền bằng cách đếm chữ trong sách mà trả tiền. Thí dụ cuốn sách gồm 50,000 chữ thì nhân con số này với giá biểu một chữ, thí dụ như 0.50 đồng/1 chữ. Giá biểu một chữ thường rất thấp, đã thế còn trả theo lối *bình quân*, nghĩa là coi nhà văn nào cũng như nhà văn nào, Nguyễn Tuân hay một bộ đội mới viết cuốn đầu tiên, thì cũng cùng một giá biểu. Sách in 3000 cuốn hay 30,000 cuốn cũng chỉ trả cùng một giá căn cứ vào số chữ của sách.

Khoảng năm 82, nhà Văn học cho xuất bản một tuyển tập truyện ngắn của Thạch-Lam đặt tên là *Gió đầu mùa*. Vì ba người con của nhà văn này đều ở Mỹ, bà Thạch-Lam đã mất từ lâu, nên nhà Văn Học quyết định trao quyền thừa kế tác quyền cho người cháu là nhà văn Thế-Uyên, lúc đó còn ở Sài-gòn. *Gió đầu mùa* in 20,000 bản, giá đề ngoài bìa là 11 đồng. Nếu trả 10% theo như lệ thời VNCH thì tác quyền sẽ là 22,000 đồng. Nhưng Đảng áp dụng chế độ đếm chữ trả tiền nên tác quyền Thế Uyên được lãnh chỉ là 3,900 đồng, nghĩa là chưa được 1%. Quí ra dollar theo hối xuất hồi đó thì tương đương với khoảng 37 dollar US. Cũng cần ghi thêm là 20,000 cuốn *Gió đầu mùa* được dân chúng đua nhau mua đọc, chỉ trong hai tuần đã bán hết. Đến năm 1987, nhà Văn học cho tái bản lần nữa, lần này in 30,000 bản. Người thừa kế mới không biết là ai, nhưng với lối đếm chữ trả tiền như vậy, tác quyền Thạch Lam sẽ là khoảng 55 tới 60 US dollar là tối đa. Số tiền thấp nhỏ, nhưng có còn hơn không.

Xét chung, lối trả tác quyền theo lối đếm chữ trả tiền ấy đã mang lại cho các nhà văn một lợi tức rất là thấp. Người cầm bút đa số phải tìm cách khác, nghề khác phụ thêm, kể cả ra chợ trời buôn bán lật vật. Hậu quả là

vừa bị khống chế về tinh thần, về cách thức viết lẫn nội dung những điều muốn viết, vừa lợi tức quá thấp, người cầm bút tại Việt Nam mấy chục năm nay có số phận thật bất bết so với các ngành nghề khác trong xã hội. Nhất là so với ngành Công an. Chế độ CSVN quý trọng một Công an hơn một nhà văn nhiều, xét về bất cứ phương diện gì. Và dĩ nhiên khỏi nói cũng có thể đoán biết xã hội nào mà ông Công an hay Cảnh sát oai hơn ông nhà văn nhà báo thì chế độ đó đương nhiên đi vào con đường suy thoái về không những kinh tế mà còn cả về phẩm giá làm người.

Về số lượng sách ấn hành:

Tại VNCH trước đây hay tại các nước không CS, số lượng sách in ra cho mỗi cuốn hoàn toàn do nhà xuất bản tư nhân ấn định, căn cứ vào mĩ lực của độc giả là chính. Cuốn nào có thể bán được nhiều thì in nhiều, bất kể thể loại. Tại chế độ CSVN, vấn đề in nhiều hay ít hoàn toàn do các tiêu chuẩn về chính trị và tuyên truyền. Cuốn nào Đảng cho là quan trọng thì sẽ in nhiều, đôi khi với giá đề rất rẻ.

Về số lượng in cho mỗi cuốn, thì đúng là giấc mơ cho các nhà xuất bản VNCH trước đây, hay tại hải ngoại hiện nay. Cuốn nào in thấp nhất cũng là 3000, nhiều nhất có thể lên tới 30,000 hay hơn nữa, trung bình cũng là từ 8000 tới 15,000 - muốn nói gì thì nói, dù sống trong cảnh khó khăn tới đa, dân Việt nội địa thích đọc sách hơn dân Việt hải ngoại nhiều.

Sách in ra thì nhiều như vậy, nhưng Đảng lại keo kiệt với nhà văn. Keo về tác quyền như thế nào thì chúng ta đã biết. Nhưng đáng còn keo với nhà văn về số lượng sách tặng giành cho mỗi tác giả: chỉ có 10 cuốn mà thôi. Trước tháng 4, 1975, nhà xuất bản tặng ít sách cho tác giả nhất là nhà Khai Trí, cũng là 30 cuốn. Tại Hoa-Kỳ, nhà xuất bản Xuân-Thu tại California tặng cho tác giả 50 cuốn.

Nhà văn nào cũng nhiều bạn bè, cho có 10 cuốn thì đau khổ cho các tác giả quá. Đi mua thêm thì không có tiền.

Nhưng xét chung, mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhiều như vậy, không phải là miền Bắc không có nhà văn có tài. Ngoài các nhà văn nhà thơ tiền chiến, thế hệ sau cũng có một số nhà văn viết được. Thí dụ như Nguyễn Ngọc, Phan Tử, Nguyễn Khải... Nhưng tác phẩm của họ, thật ít ỏi, có thể xếp vào loại đọc tạm được... Xét chung, về văn hóa sáng tác của miền Bắc không thể so với văn học sáng tác của Việt nam Cộng Hòa trước đây.

Nếu có điều gì đáng khen về văn hóa đó của miền Bắc, thì chỉ là xét về những sách biên khảo, nhất là về khảo cổ, về sử, thì tương đối cũng không đến nỗi quá bất bết. Nói một cách khác, công trình biên khảo nào có tính cách tập thể, đòi hỏi công sức của nhiều người viết, thì miền Bắc

khá vững xét về phương diện chuyên môn - về nội dung và phương pháp suy luận sử dụng, lại là vấn đề khác.

5

Đó là xét chung tình hình xuất bản Việt-nam nội địa cho tới những năm đầu của thập niên 80. Sau đó, khoảng 1983 trở đi, mọi sự bắt đầu có thay đổi, mỗi ngày một rõ nét.

Những nước CS đầu tiên nhận thấy chủ nghĩa Mác-Lê-nin là bất lực và lỗi thời về phương diện kinh tế là những nước CS của Đông Âu, điển hình là Ba-Lan, Hungary, Nam-tu... Tại các nước này, chính các đảng viên tiến bộ đã mang chủ nghĩa Mác Lê ra xét lại, cái gì thấy còn xài được thì giữ lại, cái nào lỗi thời, không hợp thì bỏ đi, hoặc cải tiến theo mô thức của Mỹ, Pháp. Mới đầu Nga Sô còn cố gắng cản con đường này, bằng cả bạo lực nữa. Nhưng rồi với thời gian qua dần, chính Nga cũng nhận thấy người có lý không còn phải là mình nữa. Krouchev lên, hạ bệ Staline, chính thức đưa ra đường lối xét lại. Mao Trạch Đông không chịu, tiếp tục tuân theo giáo điều của chủ nghĩa cũ. Nhưng rồi thực tế lại đã hùng hồn chứng minh chủ nghĩa của Mao, hay Mác-Mao, cũng lạc hậu quá rồi, còn theo đuổi chỉ đưa dân Trung-Hoa đến chỗ đói nghèo và lạc hậu mà thôi.

Phe đổi mới xuất hiện tại Trung quốc, đưa Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền, đưa ra chủ trương mới, thường được gọi văn hoa là "tứ hiện đại". Đường lối này đã được áp dụng tại Trung Quốc như thế nào và đưa đến kết quả ra sao, chúng ta đã biết khá rõ. Đó là một thay đổi thật sự, trọng đại, một sự quay một vòng ngoặt mục về mọi phương diện ngoại giao, chính trị lẫn kinh tế. Những người Việt ở hải ngoại, nếu biết đọc một ngôn ngữ nào khác tiếng Việt, đều đã thấy rõ hiện tượng này.

Như vậy, tính cho tới 1983, thì trong tất cả các nước CS cổ cựu, chỉ còn có ba đảng CS là còn theo chủ nghĩa Mác-Lê-Nin cũ kỹ. là đảng CS Cuba, Bắc Hàn và... Việt Nam. Phe bảo thủ Trường Chinh Đỗ Mười cầm cự tới cùng, nhưng rồi cũng phải lui bước vì thực tế đã quá hùng hồn chứng minh là muốn dân khỏi đói rách, đất nước và dân tộc không tụt lui lại thế kỷ 19, thì chỉ có cách mạng chủ nghĩa cũ ra mà xét lại, đổi mới chúng đi về mọi phương diện.

Mãi tới cuối năm 1986, qua Đại hội 6 của Đảng, phe đổi mới chính thức nắm được quyền bính, dù chưa trọn vẹn. Dĩ nhiên không phải dùng một cái là Nguyễn Văn Linh nắm được chức Tổng bí Thư Đảng: phe đổi mới đã hình thành, và mạnh dần từ trước đó, tại miền Nam của Việt Nam. Sự đổi mới, sự xét lại chủ nghĩa đã được áp dụng từ từ, trong từng địa hạt.

Trong đó có địa hạt của ngành xuất bản.

Nhưng cũng cần phải chú giải ngay là sự thay đổi này xảy ra trong những yếu tố kinh tế, vật chất trước hết. Ngoài Bắc quá nghèo, cái gì cũng nghèo hết. Nga Sô có viện trợ thật đấy, nhưng toàn viện trợ về quân sự những hỏa tiễn Sam nọ Sam kia, Mig 23 hay 27, chiến xạ T.54 hay 58 đầu có mang ra ăn thay cơm được. Còn đồng rúp của Nga đầu có mang ra xài trên thị trường quốc tế được. Còn về lương thực và hàng hóa thì chúng ta đều biết: lúa mì, Nga còn phải đi mua của Mỹ, Canada và úc cho dân ăn: về hàng hóa tiêu dùng thì Nga quá bết bát, sản xuất chưa đủ cho dân nội địa xài, không đưa ra xuất cảng cho ai được. Sau hơn mười mấy năm sau 1975, thứ hàng hoá Nga duy nhất dân Việt được thấy ở Việt Nam là bột giặt.

Miền Nam tương đối khá hơn nhiều. Một phần nhờ những gì đã còn lại của VNCH trước đây, một phần nữa nhờ sự viện trợ tư nhân và nhân đạo của Việt kiều giành cho bà con bạn bè quê nhà, miền Nam có cơ sở có vốn liếng để tồn tại với mức sống cao hơn hẳn, và nhất là để phát triển kinh tế. Sự kiện này làm nảy sinh hiện tượng *cơ sở 2*. Bất cứ cơ quan ngành nghề nào của chế độ cũng phải chia đôi hết. Cơ quan cũ, cơ sở cũ ở ngoài Bắc, ở Hà nội thì bây giờ mang số 1. Còn cơ sở 2 thì đặt tại miền Nam, nhất là Sài gòn.

Nhà xuất bản Văn học chẳng hạn, cũng tuân theo qui luật kinh tế này. Nhưng cơ sở 2 đặt tại Sài gòn vừa có máy in tốt, vừa gần nhà máy giấy, đã có thợ tốt lại còn có nhiều vốn. Hơn thế nữa, xí nghiệp hay cơ sở kinh doanh nào thì cũng vậy, bao giờ cũng ráng đặt cỗ xưởng sản xuất gần thị trường tiêu thụ nhất: dân miền Nam nói chung thích đọc sách hơn dân miền Bắc, đã thế còn sẵn tiền mua sách hơn.

Hậu quả là đến sau năm 85 thì hầu hết sách của nhà Văn Học đều do cơ sở 2 tại Sài gòn xuất bản. Các nhà xuất bản khác cũng vậy, chỉ khác nhau về tỷ lệ thôi. Sài gòn không những đã vẫn là trung tâm kinh tế mạnh nhất nước, mà còn là trung tâm văn hóa chính luôn. Hà nội chỉ còn giữ lại quyền hành chính trị, nhưng quyền hành này mỗi ngày một suy giảm. Tình trạng này đương nhiên đưa đến những thay đổi trong ngành xuất bản. Trước hết phe Đổi Mới chấm dứt chế độ bao sân (ở Việt Nam kêu là bao cấp) cho nhiều xí nghiệp quốc doanh. Xí nghiệp nào làm ăn lỗ lã chính phủ không bù tiền ra nữa. Các nhà xuất bản đương nhiên phải tìm cách nương tựa vào độc giả thực sự, tuân theo luật cung cầu dần dần. Bây giờ mà còn toàn in sách truyện tuyên truyền kiểu cũ, ai thèm mua. Nhà xuất bản xập tiệm mấy hồi. Nhưng phe Đổi Mới mới chỉ nắm được quyền hành từ từ. Từng chạng một...Cái ngày mà tạp chí Playboy và tiệm ăn Kentucky Fried Chicken được phổ biến ở Sài gòn như tại Bắc Kinh hãy còn xa. Các nhà

xuất bản biết vậy nên cũng đón đón mà đổi thay thôi. Ai đã từng ở Việt nam sau 75 khoảng năm năm đều biết, dù là đảng viên, nếu ngả về Tây phương quá nhanh thì sẽ bị khép tội hữu khuynh (bảo thủ quá thì bị khép tội là theo Mao, giáo điều, cũng vất vả lắm), đi cải tạo từ ba tới bảy năm là thường.

6

Các nhà xuất bản nói chung mở đầu mọi chuyển hướng bằng cách in sách dịch nhiều hơn, và cách lựa sách để dịch cũng rất khéo léo. Những người giám đốc đều bảo nhau tham khảo danh mục sách dịch của các nhà xuất bản chính tại Moscow: Nga Xô đã lựa dịch cuốn nào của Anh, Pháp, Mỹ... thì Việt Nam dịch theo. Nếu có ông Trung ương đảng nào nhận tại sao dịch cuốn này không dịch cuốn nọ thì cứ chìa danh mục đó ra mà biện minh: Liên Xô đã dịch từ lâu, nay ta mới lựa dịch... Nghĩa là phải *kiếm bùa* cho chắc ăn. Nhưng phương pháp này cũng có điều khôi hài là tại Việt nam thiếu gì người giỏi Anh hay Pháp. Vậy mà đã có thời kỳ các nhà xuất bản dịch truyện của Mark Twain hay Guy de Maupassant qua ấn bản Nga ngữ.

Dân miền Nam chế và cười quá: một lần dịch đã là phiên, hai lần dịch xuyên hai ngôn ngữ là điều tối kỵ, có sợ Liên Xô thì sợ vừa vừa thôi chứ... Dần dà, với sự mạnh dần của phe Đổi Mới, các nhà xuất bản mới sử dụng lối dịch bình thường của miền Nam xưa. Nghĩa là sách Anh cho người giỏi Anh ngữ. Mặc dù có sự tiến bộ này, chủ trương lựa sách để dịch cũng còn hạn hẹp lắm, còn tuân theo nhiều giáo điều thời Staline và Mao Trạch Đông.

Giáo điều căn bản nhất của Staline và Mao Trạch Đông là cho rằng tư duy của nhân loại, văn học của nhân loại tiến đến đỉnh cao nhất là vào thời sinh tiền của Mac, Lê nin và Mao. Nghĩa là cuối thế kỷ 19 đầu thế kỷ 20. Sau những người đó nhân loại không còn tư duy được nữa và văn học cũng không tiến thêm được nữa. áp dụng vào địa hạt văn học, đảng CSVN cho rằng nếu có tác phẩm nào đáng giá của Tây phương để dịch, thì là những tác phẩm xuất bản từ 1930 trở về trước. Bởi thế, đối với văn học Pháp, Anh hay Mỹ. Đảng chỉ cho dịch những tác phẩm cổ điển của Dickens, mấy chị em Bronte, Victor Hugo, Guy de Maupassant, Mark Twain, Jack London... Và ngay đối với những tác giả này, nhà xuất bản cũng chỉ được phép in những cuốn nào tả cuộc sống của các nước Tây phương dưới kia cạnh sâu thẳm, đen tối, đầy áp bức.

Đã hạn chế như thế Đảng cho rằng chưa đủ, còn áp dụng chính sách trả thù trong văn chương. Theo quan điểm văn học thông thường của Đảng, thì những tác phẩm của Pearl Buck hay Jonh Steinbeck được coi là

tiến bộ, chấp nhận được. Nhưng Đảng vẫn cứ cấm không cho dịch vì các lý do như sau: Với Pearl Buck, Đảng chê vì nhà văn này trong thời kỳ đệ nhị thế chiến, đã viết sách khen Tưởng Giới Thạch chứ không khen Mao Trạch Đông. Mặc dù về sau này hai đảng CS anh em Việt Hoa đánh nhau tới bởi, nhục mạ nhau thậm tử, Đảng vẫn cứ duy trì việc cấm sách Pearl Buck.

Còn đối với nhà văn John Steinbeck thì giản dị lắm: trước 75, đã có lần nhà văn này sang thăm và uỷ lạo quân đội Mỹ chiến đấu tại Việt Nam.

Thời gian càng qua, việc dịch sách càng phát triển. Sách dịch bán rất chạy. Thí dụ như cuốn *Thằng gù tại nhà thờ Đức Bà...* của Victor Hugo hay *Tâm hồn cao thượng* của nhà văn ý Amicis (Đảng vẫn cấm phổ biến bản dịch của Hà Mai Anh, coi như sách ngụy) thì bà con hai miền Hà nội và Sài gòn phải biết *móc ngoặc* mới mua được. Chính sách mỗi ngày một dễ hơn, sách bán thì chạy, lời nhiều, khuyến khích các nhà xuất bản thừa thắng xông lên. Càng về sau bà con càng được đọc những tác phẩm dịch khá hơn của ngoại quốc. Thí dụ như nhà văn Nam Mỹ được giải Nobel văn chương Marquez chẳng hạn, nhà văn học (xin nhắc lại là cơ sở 2 ở Sài gòn) đã cho dịch và xuất bản khá nhanh những tác phẩm chính của nhà văn này, như *Ông đại tá chờ thư*, *Trăm năm cô đơn...*

Khó người khó ta, dễ người dễ ta, Đảng CS cũng dần dà bớt khắt khe với các tác phẩm tiền chiến (trước năm 1975). Dù các Thế Lữ, Xuân Diệu, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn Tuân đã theo Mặt Trận Việt Minh từ 1946, các tác phẩm xuất bản trước năm này của các ông vẫn bị cấm dài dài, suốt bao nhiêu năm. Phải đợi tới thập niên 80, một số tác phẩm của những nhà văn này mới được Đảng cho phép in lại. Thí dụ Tuyển tập Truyện ngắn Thế lữ, Tuyển tập truyện ngắn Nguyễn Công Hoan, Nam cao, *Bị vợ* của Nguyễn Hồng...

Trong địa hạt biên khảo, nhất là về văn học sử, Đảng CS cho phép các nhà giáo, nhà biên khảo được phê phán ngay thật hơn xưa. Cho tới năm 1980, thì Tự lực Văn đoàn là một tập đoàn phản động, tay sai cho đế quốc Nhật, Nguyễn Tường Tam thì bị vu cáo là ăn cắp hai triệu đồng của chính phủ... Bấy giờ thì những sách biên khảo có ngôn ngữ như vậy đã bị loại bỏ, Nhất Linh, Hoàng Đạo đã được coi như những người Việt yêu nước, nhưng hơi ngu một tí vì... không biết đi theo Đảng CSVN!

Những cuốn văn học sử được in sau sau 1980, kể cả những cuốn giáo khoa dùng để giảng dạy trong các trường trung học, dù đã trả lại vị trí xứng đáng hơn cho Tự lực Văn đoàn, nhưng chính sách trả thù vẫn cứ còn áp dụng: nhà văn Khái Hưng vẫn chưa được phục hồi, lý do chỉ vì nhà văn này trong thời Quốc Cộng phân tranh năm 1946, ông đã phụ trách tờ Ngày

Nay quyết liệt chống lại Đảng CS (Trước đây, vẫn có giả thuyết cho rằng chính đảng CSVN đã ra lệnh thủ tiêu nhà văn này ở Nam định năm 46 hay 47...)

Sự cởi mở về văn học này có hậu quả bất ngờ nhất là chính nền văn học Nga Xô cũng được hưởng ké. Trước 80, những sách Nga được dịch đa số là những sách được Staline trước đây chấp thuận và khuyến khích, rồi lại các Trường Chinh Tố Hữu duyệt ưng cho xuất bản tại Việt nam. Toàn những sách đọc chán như thế nào, chúng ta đã biết ngoại trừ Maxime Tolstoi (những cuốn viết trước 1917), tập *Con đường Đau khổ* của Alexis Tolstoi (xin đừng lộn với Lev Tolstoi, tác giả *Chiến tranh và Hoà Bình*, *Anna Karenine*...) Bấy giờ nhiều cuốn khá hơn được lựa dịch, kể cả những cuốn trước đây Staline chê như *Sông Don êm đềm* của Choloikov (giải Nobel văn chương). Những tác giả Nga trước kia bị chìm ngay tại chính nước Nga nay cũng được lựa dịch sang Việt Ngữ, thí dụ như Aimatov (một nhà văn thuộc cộng đồng thiểu số da vàng ở Nga). Dĩ nhiên những tác phẩm này khá hơn nhiều, hình ảnh người đảng viên diễn tả mô tả trong các truyện không lấy gì làm khuôn mẫu, tình tiết diễn tả cũng nhiều chi tiết không đẹp cho chế độ, nhưng dĩ nhiên cũng vì thế trình độ nghệ thuật cao hơn, quyến rũ người đọc hơn (Riêng về Aimatov, nếu trong tương lai có được giải Nobel văn chương thì cũng không có gì đáng ngạc nhiên).

Nhưng dù Đổi Mới hay theo Mao theo Staline, tiêu chuẩn lựa sách ngoại quốc vẫn hạn hẹp về nội dung theo một tiêu chuẩn nhất định. Thí dụ như sau 83 thì sách Nhật bắt đầu được dịch, nhưng các tác giả như Kawabata hay Mishima hoàn toàn bị gạt ra. Đảng vẫn bắt nhà Văn Học chỉ được lựa những cuốn, thứ nhất là rắng càng trước 1930 bao nhiêu càng hay, thứ hai là nếu phải lựa sách sau năm này, tiêu chuẩn cũng là dịch những cuốn thuộc loại tả chân xã hội. Một độc giả Việt Nam mới lớn lên ở nội địa, chỉ được đọc văn chương Nhật qua những dịch phẩm này, để có cảm tưởng nước Nhật là một nước nghèo đói lạc hậu và trụy lạc.

Cũng như đối với Hoa Kỳ vậy. Hầu hết sách văn học cũng như biên khảo chỉ biết xã hội Mỹ khoảng đệ nhất thế chiến trở về trước. Mọi sự thay đổi của Hoa Kỳ về sau này về mọi phương diện, Đảng cương quyết không cho nói tới. Trên thực tế thì Đảng cũng chẳng cấm nổi, nhưng trên sách báo thì cố gắng cản được tới đâu hay tới đó.

7

Chính sách đổi mới áp dụng vào xuất bản và sách báo mới chỉ thể hiện rõ qua sách dịch. Đối với địa hạt sáng tác, chỉ thấy bộc lộ qua các bài trên báo còn quá sớm để có những truyện viết theo tinh thần cởi mở hơn. Gần

đây các cơ quan truyền thống của Đảng này đề cao với các ký giả ngoại quốc một vài tác giả mới của miền Bắc, thí dụ như Nguyễn Mạnh Tuấn, coi như tiêu biểu cho sự thay đổi và cởi mở.

Không biết các ký giả ngoại quốc đó có tìm thấy gì mới trong các sách của nhà văn này hay không, còn đối với dân miền Nam, kể cả đối với các đảng viên cán bộ gốc miền Nam thì họ không tiêu thụ nổi ông nhà văn này. Dân trí thức cũ hay gọi đùa Nguyễn Mạnh Tuấn là *Nhà văn thực dân* đó bởi vì trong hầu hết tác phẩm của mình, nhà văn này bao giờ cũng cho rằng mọi sự suy sụp kinh tế, chính trị hay an ninh, đều lỗi tại sự ngu dốt của đảng viên cán bộ gốc Nam hết. Truyện nào của anh sau cùng cũng kết luận bằng cách cho một người hùng là cán bộ gốc Bắc kỳ đứng ra can thiệp, giải quyết mọi sự cho có kết thúc tốt đẹp. Bị bà con miền Nam chế nhạo về cái tinh thần Bắc Kỳ quốc này, trong cuốn truyện dài mới nhất bán chạy và gây ồn ào là *Cù lao Tràm*, nhà văn này nhượng bộ một tí bằng cách cho nhân vật chính là gốc Nam, nhưng tìm ra phương cách giải quyết tốt đẹp mọi sự bằng cách ra miền Bắc... học tập kinh nghiệm!.

Đó là đối với cán bộ đảng viên gốc Nam. Còn đối với nhân dân miền Nam thì Nguyễn Mạnh Tuấn coi thường, coi như đám dân mán mọi thô sơ truy lạc, không một cái gì có thể thương được, xài được. Còn đối với quân nhân công chức chế độ cũ thì cách thể nhắc tới của tác giả này giống như cách thể của các nhà văn Mỹ chủ trương ủng hộ chế độ nô lệ nhắc tới dân da đen ở miền Nam nước Mỹ trong thế kỷ 19. Đọc, tức bực như bị bò cái đá vậy. Bực tức như người Việt trước đây đọc cách sách của nhà văn Pháp Jean Larteguy hay người Việt gần đây coi những phim Mỹ quay về chiến tranh Việt Nam vậy.

Kể từ khi phe Nguyễn Văn Linh lên cầm quyền, thái độ của Đảng cũng bắt đầu thay đổi đối với nền văn hóa văn học của miền Nam trước 1975. Thí dụ như đối với Nguyễn văn Trung. Mới ngày nào Đảng cho một bầy Công an áo vàng dữ dằn ào vào nhà giáo sư nhà văn này để lục soát rồi còng tay ông này mang đi nhốt vì hai tội: tay sai đế quốc Mỹ do CIA cài lại " và " nhân viên của Tỉnh báo Sở của bè lũ Bắc kinh xâm lược"... /n ào đến độ nhiều năm sau khi giáo sư Trung đã được thả về, một phái đoàn giáo sư đại học Mỹ tới thăm Sài gòn đã phải đòi Đảng phải cho gặp mặt, dù chỉ vài phút và không nói chuyện cũng được, cốt chỉ xem ông còn sống thực và được thả ra thực sự hay không. Bây giờ thì tình hình đã khác: cuốn biên khảo về câu đố Việt Nam, một tác phẩm biên khảo văn học thuần túy của Nguyễn văn Trung đã được xuất bản, tại Sài gòn, và bởi một cơ sở hai, tất nhiên.

Cũng cần ghi chú thêm là ngoài Nguyễn văn Trung, cũng có nhà văn cũ được in tác phẩm, thí dụ tiêu biểu là trường hợp Trần Phong Giao,

nguyên thư ký toà soạn tạp chí Văn ở Sài gòn trước tháng 4, 75. Ông này được in lại một vài truyện dịch đã xuất bản từ trước 75.

Dĩ nhiên đó mới chỉ là những trường hợp lẻ tẻ, chưa diễn tả được gì nhiều. Hầu hết các nhà văn của chế độ cũ còn sống tại Việt Nam đều tiếp tục im lặng. Một phần vì chính Đảng chưa cho quyền được viết lại, một phần vì nếu có được viết lại, thì cũng chưa thể chấp nhận viết trong một cái khung, cái lồng quá hạn hẹp như hiện nay.

Mọi sự còn tiếp tục đổi hay. Trong tương lai, ngành xuất bản và văn học của Việt nam nội địa sẽ ra sao, chúng ta còn phải chờ xem mới biết được. Còn với tình trạng như hiện tại, nếu xét riêng về sáng tác văn học, thì quả thực Việt Nam nội địa chưa qua mặt nổi Việt Nam hải ngoại.

Thế Uyên
tháng 3, 1989

hạ đỏ, có chàng:

phùng xuân trung

cựu...học sinh bắc kì

tới hỏi:

võ thị như mai

cựu áo trắng trường trúc vàng, trung kì
thân chúc 2 bạn cả đời thương nhau.

mớ bạn cũ ở Lê Văn:

- hạnh b • phh
- lê nguyên • b lài
- tú • trình • lê trà

TRONG NHÀ NGOÀI PHỐ

NHÀ CỤ

Căn phố ngay mặt tiền. Khu lao động thôi. Nhưng cũng vẫn có thể là một cửa tiệm ngon lành. Vậy mà, hai cánh cửa sắt, ngày đêm kín mít. Lốp sơn đã tróc, lộ da, rỉ sét, nham nhỏ.

Cũng quanh khu phố, vẫn một số cửa hàng buôn bán. Hợp tác xã tiêu thụ phường, luôn luôn nằm sát bên ủy Ban nhân dân phường. Công ty dịch vụ Quận. Cửa hàng bách hóa, cửa hàng kim khí điện máy. Mấy năm gần đây, đầu phố, giữa phố, cuối phố mọc lên những cửa hàng ăn uống. Tiệm phở công tư hợp doanh, tiệm bánh cuốn cũng công tư hợp doanh luôn. Mấy cái sạp bún riêu, bánh xèo, xôi vôi đẹp, bày cách bán chui, bán gánh.

Bà cụ, đã tám mươi, chủ căn hộ số 48. Bao lần cán bộ phường, cán bộ các hợp tác xã tới gõ cửa, đề nghị này nọ. Căn phố tốt quá mà. Nào:

- Cụ ơi. Căn phố này để không uống quá. Cụ hợp tác với địa phương đi. Cửa hàng ăn uống? Thôi, tuổi tác già nua rồi, thấy cảnh say sưa nhậu nhẹt, chẳng nên nề. Tiệm thuốc tây? Tiệm đồng hồ? Cửa hàng bách hóa? Bà cụ điếc điếc lác lác:

- Chùng này tuổi, sống rày chết mai. Làm ăn gì nữa. Họa thằng con trai tui nhà nước khoan hồng cho về, nó tính gì thì tính.

- Rồi anh cũng về thôi cụ. Chính sách nhà nước khoan hồng, rồi ai cũng được về. Có điều, về sớm hay muộn cũng do có cái tạo tốt, và gia đình có chấp hành tốt ở địa phương không nữa, cụ ạ.

- Nếu tình nguyện đi Kampuchia đánh nhau tui cũng đi nữa là, miễn thằng con tui được về. Bị tui già...

- Nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ quốc tế dành cho thanh niên. Cụ già rồi, ai bắt cụ đi? Có điều, mong cụ chấp hành tốt ở địa phương thôi. Bà cụ nghe ngắc, cười nhạt.

- Tui chấp hành tốt lắm chứ. Tui già được miễn đóng tiền lao động thì phải mua công trái. Đóng tiền tiết kiệm, tiền góp sổ mua nhu yếu phẩm phường. Nào phường khóm quyền góp các nghĩa vụ. Ông thanh niên nào đi nghĩa vụ cũng góp tiền cho nhà nước làm lễ tiễn đưa. Tiền cứu trợ lụt lội, thiên tai, yểm trợ chiến sĩ, anh hùng lao động, anh hùng bộ đội, anh hùng...

Cán bộ cũng phải sốt ruột với cụ, ngắt:

- Cụ ơi, đó là nghĩa vụ của nhân dân ai cũng đóng góp chứ riêng gì cụ. Nói là nói căn nhà này, cụ để không đau hui quá. Cụ nhường cho phường mặt tiền. Phường sẽ xuất vốn sửa sang lại bày mặt hàng. Cửa tiệm buôn bán đông vui mà cụ vẫn ở.

Bà cụ còn lạ gì câu: Gia đình vẫn ở. Buôn bán đông vui. Đó, cái tiệm giò chả Phú Hương. To ơi là to. Chiếm hai căn, cao ba tầng lầu. Lúc đầu Cách Mạng chỉ mượn một căn thôi, mở cửa hàng bán đồ phụ tùng xe đạp. Phần bán giò chả né một bên. Phần bán phụ tùng xe đạp khuyến khích thêm, mặt hàng kim khí điện máy. ép dần ép hồi, phần giò chả vắng qua cái chái nhỏ bên cạnh. Năm ngoái, dịp Tết, sai thằng cháu nội đi mua kí giò lụa. Bà cụ dặn đi dặn lại phải mua cho được giò Phú Hương. Thằng cháu nội độc nhất ở với cụ, đi suốt cả buổi sáng, tới trưa mới mò về:

- Bà ơi, cháu tìm hoài. Đi hết cả đường Hiền Vương cũng không thấy tiệm giò chả Phú Hương.

- Việc gì phải đi hết đường Hiền Vương. Cạnh góc Pasteur đó thôi. Nè, bên này cây xăng, nhìn xéo qua là thấy. Mấy không thấy cái chái nhỏ sao? Họ đâu còn bán ở căn nhà cũ nữa.

- Dạ. Thì tháng trước cháu ghé mua bánh giò cho bà đấy thôi. Dọn sang cái chái nhỏ cạnh tiệm Tịnh Tâm trai, bán đồ chay đó bà. Cháu còn đi ngược lên phía mấy tiệm phở, chẳng thấy đâu nữa.

Mãi lúc gặp bà ấm Tích. Bà cụ Bắc kỳ di cư này, chỉ mê ăn cơm gạo thơm với chả lụa Phú Hương, chấm nước mắm đặc biệt Phú Quốc, mời vỗ lế:

- Làm gì còn Phú Hương nữa. Nó cướp hết nhà cửa rồi. Mới đây, thằng rể tôi mua về một khoanh giò. Nói là nó đi trên đường Trần Quý Cáp, nay gọi là Nguyễn Văn Tần, gần nơi ca nhạc chợ Đũi chợ diếc gì đó. Thấy có một quầy nhỏ đồ giò chả Quế Hương. Thằng rể tôi nhào vô mua liền. Đến lúc ăn, chỉ bột là bột. Thằng rể tôi tức mình hôm sau trở lại tiệm coi. Mới hay là tiệm đồ chữ giò chả Phú Hương to tổ bố, dưới có giồng chữ vàng nhạc thết: Tiệm giò chả quốc doanh. Thiệt đúng là quán lừa gạt. Ai biết cái nhà Phú Hương trôi dạt nơi nào.

Bà cụ ăm Tích, chạy khỏi miền Bắc, di cư vào nam hồi 54. Họ lần tảo làm ăn thật. Cả nhà, vợ chồng, con cái chật chiu có mấy năm đã tậu được căn phố lâu. Cách mạng vào, đã cố giữ được một thời gian. Sau mấy tháng con đi vượt biên được. Bị làm dữ. Muốn yên, đã nhường mặt tiền cho Phường đặt trụ sở Mặt Trận Tổ Quốc. Nhà rộng, dài. Lấn dần, nay một tí, mai một tí. Hai ông bà già, hai đứa con gái, một chàng rể, kể cả hai đứa cháu ngoại nữa, còn được một khúc bếp. Chia ngang chia dọc có hai phòng nhỏ xíu. Rồi cái cửa thông lên nhà trên được xây bít kín. Cả nhà đi lối sau, ra con hẻm.

Chừng này tuổi rồi, đầu phải con nít nữa mà bị phình. Bà cụ một mực:

- Tôi nay lú lẫn quên trước quên sau. Sợ ồn ào. Thôi chuyện gì cũng đợi thằng con nó về, nó tính.

Cứ vậy, lâu lâu bà cụ được động viên. Thời gian đầu, phải nói là họ áp dụng biện pháp mạnh, cứng như sắt thép. Cụ qua khỏi cũng nhờ một phần ở đứa con dâu. Bối nghĩ mà giận, mà cũng thương cho nó. Đàn bà có tí nhan sắc, thời nào cũng hồng nhan đa truân. Nói cho ngay, cũng tại cái thằng phó phường tấn công tới tấp quá. Nó có vợ con đang hoàng, con dâu của bà, lợi dụng qua lợi dụng về, già nhân ngãi, non vợ chồng, cũng để giữ sự an toàn và dựa thế làm ăn. Căn phố được yên trong thời kỳ khốc liệt, nhưng đứa con dâu thì càng ngày càng truân chuyên đoạn trường. Lỡ chân hoài không gượng được nữa, con dâu bà đã đi làm ăn xa, nghe đâu, buồn hàng chuyến trên tàu Thống Nhất. Thằng cháu nội ở với bà cụ. Thỉnh thoảng, chị ta cũng về thăm con. Lần nào cũng có quà cáp, may sắm cho thằng nhỏ. Chị ta còn khẩn khoản.

- Mẹ cho phép con gửi ít tiền để thằng Nhân mua phụ thêm quà thăm nuôi. Bà cụ không có ý kiến. Chuyện tình nghĩa giữa mẹ con, chồng vợ, nó còn biết nghĩ tới là được rồi. Bà cụ chẳng giàu có gì để bao bọc mẹ con nó. Phải hiểu, mấy năm trời cơ cực chống chọi một mình. Thằng đi tù, để cho vợ có bao nhiêu. Số tiền thất lưng của bà cụ, của thằng con, đổ hết để mua căn nhà. Trước một năm, nợ chưa dứt, Cách mạng đã tới.

Nhưng van có ông Trời đó thôi. Thằng Nhân, từ ngày chiếm được một góc đường của con phố, bày đồ nghề vá xe đạp, nó kiếm ra lắm. Thổ địa ở đất đó thiệt tốt, nếu không, bà cháu cũng bầm dập. Có tiền, nó đưa cho bà cụ, dẫn:

- Bà giữ. Tết này con đi thăm ba con một chuyến ngon lành.

- Đâu mà nhiều vậy, con?

- Trúng liên liên bà ơi. Lễ sinh nhật Bác Hồ. Quốc Khánh, Giáng Sinh, xong ngày quán đội nhân dân. Dân Sài Gòn hết biết, cứ ngày lễ là đổ ra

đường. Tha hồ sửa. Tha hồ chém. Con phải kêu thằng Lai nó phụ mà không kịp...

- Thằng Lai nào?

- Bà không biết đâu. Thằng này bụi đời. Bà biết không, nó là đệ tử của con. Con lên sư phụ rồi nhen.

- Mả bố mày. Mày chơi với mấy thằng đầu đường xó chợ, có ngày nó cho ăn dao, ở đó mà đệ tử với sư phụ.

- Khỏi đi bà. Con cũng vá xe góc đường, cũng đầu đường xó chợ. Hơn nữa, con lại là sư phụ... Có nó, bữa nào đi thăm, nó thay con, đỡ mất khách.

Bà cụ hỏi:

- Đạo này mày lên, ba mày có hỏi mẹ mày nữa không?

- Có bà. Cái kể bà dạy cháu đó. Mẹ cháu đi buồn, đựng xe cút một giờ. Ba cháu hỏi bao nhiêu lần thì cái giò đâu có mọc lên được. Mà mẹ cháu cũng kỳ, tham buồn bán đường xa, bỏ bê hết. Đàn bà gì mà kỳ...

- Thế mày có thương con mẹ mày không?

- Thương chó. Kể ra thì bà cũng kỳ, nhưng con thương lắm.

- Mày nhảm ba mày có thương nhiều không?

- Thương lắm, bà. Thương mà...

Giọng thằng nhỏ xiu như thổi. Bà cụ hấp hèm con mắt. Bà nhìn lên bàn thờ ông chồng. Luôn luôn thấp đỏ cây nhang trước khuôn hình chụp đã vàng úa. Ông cụ áo dài, khăn đóng, mắt sáng như cười.

- ờ, chỉ có ông vui được thôi. Ông ơi.

- Dùng...

Bà cụ giật bắn người. Nhận ra thằng cháu vừa đốt một viên pháo lẻ, bà nhảy tung tung.

- Thằng cha mày. Con nhà...Mày làm tao bay hồn bay vía. Mày...

Thằng nhỏ, vừa mới xụ cái mặt nói thương má, đã cười nham nhở:

- Bà yếu bóng vía quá. Con dợt trước cho bà quen, mai mốt người ta đốt pháo long trời lở đất. Pháo thiệt vui, con thích Tết.

- Tao cấm mày mua pháo về nhà. Tao không chịu được. Mày vui, tao không vui.

- Sao bà không vui hoài vậy? Bao giờ bà mới vui?

- Bao giờ à. Bao giờ tao gặp thằng cha mày. Tao đốt, đốt pháo cháy nhà luôn cũng được.

- Thôi bà ơi, cháy nhà ghê lắm. Bà không nhớ bà khóc sập trời lở đất hôm cháy ở bên hàng kim khí diện máy đó chứ. Gần Tết cháy nhiều lắm

bà ơi. Cháy kho vải, cháy nhà máy giấy, cháy kho lương thực. Máy hôm nay, chỗ con sửa xe đạp cứ phải dẹp hoài cho mấy ông vùi rỗng lấy nước...

- Năm nào chả thế. Cứ nấu nướng, rồi đốt pháo. Mày coi đó mà đốt pháo. Cháy nhà nghe chưa?

Thằng nhỏ cười, ra điều nó hiểu biết còn hơn bà nội nhiều:

- Ở đó mà pháo. Bà biết không, tụi cán bộ nó ăn cấp hết đồ nên đốt nhà đốt cửa hàng, kho hàng để phi tang.

- Tao chẳng muốn nghe chuyện tụi nó nữa. Tao bỏ chạy từ Bắc vào đây. Nó cũng theo đấy thôi. Thoát không nổi. Bà già rồi, chỉ thương thằng con, thằng cháu.

- Bà ở nhà, con đi sửa xe đây. Bà nhớ đóng cửa kỹ. Ai kêu cũng không mở nghe bà. Cướp dữ lắm. Cháu kể ba nghe chưa? Mới chết bà già tiệm thuốc tây công tư hợp doanh bên đường Bùi Viện.

- Sát bên vách mà tao có nghe gì đâu? Chuyện ra sao? Bà cụ tò mò.

- Bà cụ Tùng đó, nội. Nhà bà cho tụi được sĩ hợp tác làm ăn với nhà nước. Tối thứ bảy tuần trước, đóng cửa rồi mà không biết sao cướp nó lọt vào núp sẵn trong nhà. Bà cụ ở có một mình, giữ nhà, nửa đêm nó giết chết bà cụ, chôn hết thuốc tây trong tiệm sạch sẽ. Sáng thứ hai người ta tới mở cửa tiệm mới phát giác, bà già đã nguội ngất rồi.

- Trong kinh nói thời của quỷ vương...

- Quỷ với ma. Kinh với sách. Người ta không hà! Con đi làm nghe nội.

Trước khi đập hai tấm cửa sắt, nó còn cao giọng:

- Nhớ cảnh giác, nội. Nội khóa cửa bên trong cho ăn chắc.

- Thằng cha mày, hỗn. Dạy cả nội nó nữa.

Bà cụ chửi, mà ngón ngoèn cười. Lắc đầu, tắc lưỡi. Cái thằng, thiệt...giống thằng bố nó. Mới bấy nhiêu...

Mới bấy nhiêu. Cụ khựng lại. Lẽ ra nó phải đi học, như những đứa khác. Có lần, cụ đem chuyện này than thở. Thằng bé cười:

- Học cũng vậy mà nội. Nội có nghe chuyện chị hốt rác Nguyễn Thị Thêu không? Hốt rác cũng anh hùng lao động. Mới đây còn đại biểu quốc hội của thành phố. Báo đăng tùm lum, còn in hình nữa. Bà Ba bán thuốc lá cạnh chỗ con sửa xe nói mai mốt, sở vệ sinh thành phố sẽ thành Trung ương. Mấy ông bà hốt rác lên lãnh đạo hết trơn.

Nó ngồi ở lẽ đường chuyện gì cũng biết. Còn bà cụ ở riết trong nhà, có đi đến đâu. Còn khối chuyện. Cứ ngồi một mình, thằng nhỏ về là dẫn cụ đi khắp phố bằng câu chuyện. Chuyện công an gác đường kiểm xuất hú tụi, cà phê buổi sáng, tới gói thuốc lá, tiền hụi về nạp bà xã.

- Góc đường con ngồi sửa xe nội. Có hai chú công an đối nhau gác ở trục giao thông. Xe đi ngang, lúc bị thổi vì ồm của quá sát. Lúc thì ồm của quá xa. Chưa vui bằng mấy chú lấp ló núp sau gốc cây, hoặc xe bánh cuốn của bà Tư, rình thổi. Xe đi ngược chiều dính hết. Cháu cũng phải phụng điều mấy ống dài dài. Xe hư cú quăng đại mà tiền mua phụ tùng, tiền sửa cứ cười trừ. Nhiều lúc còn cà chớn: Ê nhỏ, mua mấy điều thuốc hút chơi mày. Không phụng không điều là có chuyện.

Thằng nhỏ còn kể, sửa xe bên lề đường, thuê vẫn đóng, đuổi vẫn đuổi. Rồi mấy ông bộ đội, chuyên môn vác cái xe trên vai, tới sửa. Đã sửa để yên đi, mấy ông lấy cái kềm, lấy cái vít, cứ ư ư làm phụ, rồi tán chuyện. Chuyện mấy cha dấm dớ thấy mờ. Sửa xong xe, đưa mấy cục đường đen hay dăm điều thuốc lá Tam Đảo ra, cười trừ.

Nghe nói chợ hoa đã bày, vẫn ở đường Nguyễn Huệ. Nơi này thì bà cụ còn nhớ. Trước giải phóng, bà còn khỏe, còn nhanh nhẹn. Con trai, con dâu, bé cả thằng bé này nữa. Cụ cùng với tụi nó, đi chơi chợ hoa. Đông ơi là đông. Bố thằng Nhân, biết cụ thích quất. - Để mẹ nhớ vườn quất ở quê. Nó mua bốn năm chậu. Một nhánh mai gài thiệp chúc tết. Còn chục hoa lay-dơn đỏ thắm, phải có bông gì đỏ đỏ lấy hên năm mới.

Giờ này, hẳn cũng như bà, thằng con nơi trại tù, nhớ nhà chết mất. Đã hai mươi bốn, thằng cháu nội còn ráng làm thêm. Hai mươi bảy hết hạn thăm nuôi Tết. Thằng bé chờ ngày cuối. Nó cẩn thận đã đi đăng ký xe đồ.

Còn cái chợ hoa. Bao năm rồi, bà không nhớ nhỉ? Năm nay lại nhớ. Bà định bụng, lát khuya thằng cháu nội về, phải bắt nó nói về cái chợ hoa. Và nhắc nó, bó hoa lay-dơn đỏ cho ông nội. Mối quên, suýt thì tiêu ma món ruốc thịt. Bà cụ lại loay hoay trong bếp. Làm cho xong món mặn thăm nuôi. Rồi chờ cửa thằng cháu.

*

Bà Ba bán thuốc lá lâu lâu lại nhìn thằng nhỏ, cười:

- Hôm nay trúng mảnh mỳ. Tao đếm có tám chiếc.

Thằng Lai, dân bụi đời. Thằng này đã làm thợ phụ cho thằng Nhân bốn tháng nay, trả lời:

- Tám chiếc thiệt. Nhưng gặp hai con nhỏ cà chớn. Xe bể lốp, không có tiền cú sửa bừa. Có xu nào đâu.

- Rồi tụi bây để cho nó đi?

- Làm gì nó. Kêu công an thì nó cũng ngủ đồn một đêm là cùng. Mà chắc gì, mấy thằng chả thấy con gái...

Nó nhỏ toẹt một bãi nước miếng xuống đất. Anh chàng công an chẳng nghe đâu. Bận túi bụi. Thối. Phạt. Thối. Phạt. Riết một, anh ta tới gần thằng Nhân:

- Lấy điều thuốc mầy.
- Dì Ba, đưa dùm điều thuốc.

Thằng Nhân hất mặt về phía dì Ba. Lẹ làng, dì rút một điều ba số. Dì bung tay. Xoẹt, bùng ánh lửa.

Lại roẹt. Thối. Phạt. Dì Ba kêu thằng Nhân:

- Từ chiều tới giờ, năm cái cán rồi nghe mầy.
- Nghe. Lát nữa tính. Mà dì Ba...
- Biết rồi. Tao biết.

Thằng Lai chửi. Đ.m, cười. Biết rồi. Cái giọng của dì Ba, sành sỏi thiệt. Dì Ba phải biết chứ. Mấy tên công an lấu cá, mình cũng phải lấu cá hơn mới sống được. Dì Ba phe mình mà. Cách mạng lên, dì Ba hoan hô mỗi miệng cũng bán thuốc lá. Chi bằng, bắt mánh với tụi nhỏ, coi bộ ăn chia sòng phẳng ả. Hợp đồng với tụi nhỏ, đơn giản thôi. Thuốc lá ba số có cán ả. Cán Luân Đôn, Xanh ga po đảng hoàng, sản xuất từ Chợ Lớn. Có thằng còn bày đặt cầm bao thuốc lá nhìn: - Coi, dỏm không? Dì Ba giọng vô thường vô phạt:

- Biết đâu. Hàng tàu đó cha. Thấy đúng chữ xanh ga po đó thôi, thiệt dỏm có trời biết.

- Đúng hàng tàu. Có chữ

Dì Ba làm thỉnh cho ăn chắc. Nhưng gặp khách sộp, mới quen lâu ngày, dì Ba lại nhanh nhẩu lòi từ đáy thùng lên:

- Đây mới hàng tàu. Thầy Ba

Chị có thùng bán thuốc lá, cũng khó ăn khó nuốt một mình. Gác ở góc đường, thối còi không hở miệng. Tiền phạt nhét đầy cái túi da, nhưng bỏ ra mua một điều thuốc còn khuya. Lát lát. Dì Ba. Dì Ba. Từ ngày có thằng Nhân bày đồ nghề, tự nhiên nó gánh hết cho dì.

- Đưa điều thuốc con mèo coi, dì Ba.

Thằng Lai quẹt hai tay vào quần. Cái đầu tóc vàng của nó như bị ai vò rối tung lên. Mặt mũi nó lem luốc. Chỉ đôi mắt xanh lè là lảo liên.

- Ông nội tui. Mới nứt mắt, ngày cả bao thuốc. Mày rồi cũng lũng phối, vào Hồng Bàng thôi con ơi.

La cho có. Dì Ba vẫn ném cho thằng Lai điều thuốc. Thằng Lai còn đưa tay ngoắc ngoắc. Dì Ba chửi:

- Vừa thôi cha. Cha tới đây mà mời được không?

- Dì Ba ác.

- ừ. Tao ác.

Thằng Lai sợ dì Ba giận, cười cầu tài. Dì Ba đâu có ác. Chính dì nắn nỉ thằng Nhân cho nó phụ xe kiếm sống đó thôi. Trước đây, cả hè phố này coi thằng Lai như cùi hủi. Nó phá làng phá xóm hết ai chịu nổi. Phường phát hiện bắt nó mấy lần. Nó đã cùi đâu sợ lỗ. Đánh nó, nó trơ lì: - Mấy cha đánh chết dùm con đi. Thả ra là đi ăn xin, đi phá làng xóm. Nó lì vậy, phường cũng ngán luôn. Gửi vào trại giáo dục thiếu nhi, vài ba ngày đã thấy nó trốn về tới. Bắt nó về phường, giam giữ hai ba ngày, phải hầu hạ cơm nước, quỹ của phường đâu có chịu chi. Dì Ba thương nó, cho nó ăn hoài. Có lẽ trên đời này hai người mà nó biết thương, biết nghe lời là dì Ba và thằng Nhân.

- Lai. Phụ làm đi chớ. Hút hoài.

Thằng Lai dúm diếu thuốc đang cầm tay vào miệng thằng Nhân. Nó xoay niềng bánh xe đạp, rờ tay lấy ra cái đinh lớn xuyên qua vỏ, dơ lên cho cô chủ xe coi:

- Thấy chưa. Cái đinh to tổ chẳng. Lỗ bự...

Nó đưa hai ngón tay lên:

- Gấp hai, nghen.

Thằng Nhân lắc đầu. Thiệt thằng Lai ba đá ba búa. Thích chí gì mà còn cười rộ lên. Thằng Nhân như có chút bực bội, nó chà mạnh chỗ thùng ruột xe đạp, rồi quét keo. Dì Ba ngủ gà ngủ gật, mở mắt:

- Thôi cha, ồn ào quá.

Dì Ba, quen miệng, ai cũng kêu cha. ừ, thì lớn đầu, tóc bạc dì vẫn mờ côi mà. Dì đâu có ai. Thằng Nhân bỗng nghĩ tới nội. Nội già quá rồi. Chớ không, kiếm cho nội một chỗ bán thuốc lá. Ngắm cảnh đường phố, cảnh đổi thay, nội cũng bớt sầu đời. Không biết nó đã kể hết chuyện chung cư này cho nội nghe chưa nhỉ?

Chung cư này ngày trước là một bin đình. Phòng ốc, thiết kế xong kiểu cho Mỹ thuê thì giải phóng. Khu này nhanh chóng được biến thành hộ tập thể. Không dễ đâu. Phải gốc bự, cán bộ cao. Từ ngày nó tới đây, xe hơi cứ đổ lê đường xoành xoạch, ông nào cũng ăn mặc chỉnh tề. Có ông, hồi đầu đi xe đạp, tới sửa xe, bơm xe hoài. Thoáng cái, đối tượng, mặt đỏ hồng, có cái bụng phệ đi đằng trước rồi. Họ ở với nhau chẳng vui gì. Lâu lâu, nghe chửi xéo chửi xiên nhau. Đôi khi xấp lá cà, ông này rút súng, bà kia cong cớn xấn quần. Rác rưởi trên lầu cao cứ liệng xuống như bom. Quả bom nào cũng thối hoặc toàn đầu tôm đuôi cá. Trước hàng hiên cờ quạt bay phất phới, ngày lễ có khác là chen thêm vào một lá cờ đỏ sao vàng.

Di Ba thường nói: Đổi thay quá rồi. Thì đó, tới một chút thôi, căn phố trước kia là một tiệm may sang nhất đường. Cách Mạng, căn phố đóng cửa, bỏ không vài tháng. Chủ mới tới, một cỗ bộ đội mập mạp lùn lùn. Trước, cổ mặc toàn quần áo xanh hoặc đen. Loại áo bốn túi, y chang hình vẽ mấy cỗ bộ đội trên cái bảng lớn tường, dựng ở mỗi góc đường, dưới lá cờ loang máu, búa liềm chéo nhau. Hình như cỗ bộ đội này chỉ có hai bộ quần áo với một cái túi vải.

Ông nhà báo ở chung cư, mỗi lần đưa khách xuống đường, mua điều thuốc mời nhau nơi sạp di Ba, gặp cỗ bộ đội, chào về thán phục, rồi nói với bạn về cô ta nào cái gì mà anh hùng, nêu gương liêm khiết. Nào là bài học lịch sử. Nghe ghê quá. Nhưng nay kìa, nhà cửa như có phép lạ. Xe hàng vô de ra. Đêm khuya lác, cả xe cam nhông trở tới, de dít. Cả đồng vô xe hơi. Cả tấn giấy báo. Căn phố thành một cửa hàng buôn bán đẹp nhất phố. Cả lô đàn em, từ sáng tới tối lằng xằng. Xe hơi, xe cúp kiểu mới nhất, choán chật ních lòng lề đường. Cô nữ bộ đội anh hùng thay đổi từ đầu tới dít. Đủ thứ áo sống kiểu cò ra gì. Đã biết mùi quán ăn sang trọng. Đàn em, chiều chiều, áo áo quần quần, tụ lại đó, phân tán tại đó. Lúc tắt bật mảnh mung. Lúc phởn phơ ăn nhậu. Lúc bay bướm, lá lướt đưa nhau tới vũ trường. Thăng Nhân nghe xì xào rằng bà má của nữ tướng từ dưới quê lên, nhập hộ khẩu. Chẳng mấy chốc, trút bỏ vai trò bà má Hậu Giang, cất khăn rằng. Đổi lột bằng những bộ hàng thuê rua, lãnh đạo đám bày tôi trung kiên. Còn nữ anh hùng, đã cưới được tấm chồng, trang trại để cho bà má. Đi lính công tác cao hơn, ngon lành hơn. Ông nhà báo, nay đổi giọng:

- Nữ soái duyên hải đấy. Bây giờ cô ta coi suốt Vũng Tàu Côn Đảo. Cô chỉ ghé tai, sai đàn em búng tách ngón tay một cái. Lệnh kiểm tra tàu. Thủy thủ hết vía, sơ sơ thủ tục vài ba cây thôi. Ai mà dè...

Di Ba hay ti tê kể. Nhưng thằng Nhân sành đời quá mà. Đâu có lạ gì. Ông nhà báo cũng vừa vác về một chiếc xe cúp mới tinh đó thôi. Có điều, thằng Nhân ghét cay ghét đắng bọn đàn em, tôi tớ của chị bộ đội anh hùng. Cũng nhập hộ khẩu, ngụ trong ngôi nhà đó, gọi bà má Hậu Giang bằng má ngọt xót, một tên đàn em, đàn ông không ra đàn ông, đàn bà không ra đàn bà. To cao, béo phệ mà trắng bóc. Ăn mặc diêm dúa như mấy đứa con gái bên vườn bông. Hấn có cái xe hơi sơn màu đỏ chói, cứ nhè ngay sát góc đường, chỗ thằng Nhân vá xe mà đậu. Choán đường, mất khách nhiều quá. Thằng Nhân năn nỉ mấy lần:

- Chú Hai. Chú Hai thương cháu, đậu xe tới một chút cho cháu sửa xe kiểm ăn.

Hấn nạt:

- Ai cho mày sửa xe ở đây. Quân du côn. Tao biểu tụi phường nó hốt, cho mày đi lao động luôn. Ranh con.

ác lai ác báo. Thằng chả, mới hôm qua đây thôi, làm trò cười cho cả khu phố. Số là ở gần chỗ thằng Nhân sửa xe có tấm đan. Đã lâu đời rồi, xe cộ chạy qua, hay bị xóc, kêu lộc cộc. Khoảng mười một giờ đêm, lúc đó, mấy chú công an gác trực giao thông đã nghỉ từ khuya rồi. Đang dẹp đồ nghề, thằng Nhân thấy một chiếc xe ba gác trở tới. Một người đàn ông ngồi trên xe nhảy xuống, cùng với người đạp xe, nhanh nhẹn khiêng tấm đan, bỏ lên xe chạy mất. Cũng vừa lúc thằng cha tiệc tùng đầu về. Nóng thấy mụ nội mà quần bò, áo bờ lu đông. Còn đeo kính trắng nữa. Mỗi đêm hắn thường gửi xe ở một ga ra gần, đi bộ về. Cỏ xe đó mà đậu ngoài trời, năm phút là phụ tùng dãn ngoài sạch sẽ. Thằng Lai cũng đã bẻ được của chả hai lần kính chiếu hậu, bán, phì phèo thuốc lá. Thằng chả đi tới, thấy hai đứa, mặt vác lên trời. Bỗng ối một tiếng. Thằng Nhân há hốc mồm:

- Ê. Thằng chả rơi tọt xuống cống.

Dì Ba đang ngủ gà ngủ gật, mở mắt la hoảng:

- Cái gì? ở đâu vậy?

Hai đứa chỉ tay. Hắn đang lồm cồm bò lên. Quần rách, kính vỡ, chân cà thọt. Thằng Lai nhăn nhó ôm bụng lấy để khỏi bật cười thành tiếng. Dì Ba lật đật đứng dậy:

- Ông có sao không? Trời đất. Tấm đan mới đó, mất tiêu đầu rồi.

Dì phân bua:

- Mới đây thôi. Mới chiếc Honda chạy qua, xóc kêu cái cộc. Biến như ma quỷ. Ông...ông có sao không?

Giọng thằng chả yếu xìu. Không sao mà cả nhắc mãi mới tới được nhà. Cả hai đứa, lúc đó mới tha hồ mà cười. Cười rũ cả người xuống. Dì Ba nạt:

- Mấy đứa này. Người ta té mà cười được. Tụi mày...

La cho có chuyện. Chớ miệng dì Ba cũng muốn cười. Bây giờ, nhớ lại, thằng Nhân còn cười nữa. Dì Ba:

- Cái thằng điên. Khi không cười.

Đường vắng dần. Thằng Lai ngáp lên ngáp xuống:

- Còn một cái, mày làm đi. Tao đi chút.

- Mày đi đâu.

- Ông còng cả cái lưng. Thì đi loanh quanh. Ra chợ hoa.

- ừ. Nhưng mày dẹp bớt đồ nghề lại dùm. Mày coi, tanh banh. Gớm, mấy cái ông này, của chùa chẳng?

Một anh bộ đội lượm cái ống bơm, bơm lấy bơm để. Một thằng nhóc khác sầm soi đám đồ nghề tìm cái kèm. Thằng Lai hét:

- Nhanh lên. Mấy cha bề hội đồng cũng bề vừa vừa. Bề quá chết con gái người ta.

Nó bậm môi, đưa cái đá gần sát đít anh bộ đội, đang chống hông. Nó dừng chân nửa chừng, giục cái ống bơm:

- Đủ rồi cha. Súc đầu mà bơm hoài.

Thằng Nhân cũng xong chiếc xe. Nó nhỏ toẹt bãi nước miếng, nhều vào đầu van, rồi xoa tay vào quần, dựng xe lên:

- Xong rồi. Có ba chục đồng một lỗ vá. Chị ba lỗ.

- Làm gì những ba lỗ.

- Cái đinh nó kéo ba lỗ. Hồi nãy đã chỉ cho chị coi, cái đinh to tổ chẳng.

- Cất cổ.

- Tết nhứt chị ơi. Mấy chị đi chơi, sắm Tết. Còn tui, một góc, vá hoài, vá hoài, cục muốn chết.

Nó cười cầu tài. Thằng Lai đã thu lượm mớ đồ nghề, cho vào cái thùng sắt đựng vỏ đạn cũ.

- Tao đông mầy.

- ừ. Mày đi đi.

- Ê, được sao mày. Mày dẫn túi cho tao với chứ. Khuya khoắt, tao thức nhớ cha nhớ mẹ. Tao phải có thuốc mầy ơi.

- Thằng ba trợn. Mày mà cũng biết nhớ cha nhớ mẹ.

- Nhớ chứ dì Ba. Nhiều lúc tui cũng nhớ tùm lum, nhớ coi ai là cha ai là mẹ. Bộ dì tưởng tui dưới đất chui lên.

- Mày chui ở lỗ đít ấy. Bớt hút đi cha. Tết hết tiền ăn đừng gọi tao.

- Dì ơi, cha mẹ gọi hoài đầu thấy, gọi dì là thấy liền, hi hi...

Dì Ba há hốc mồm. Dì cảm động. Thằng Lai chạy băng cái, đã mất tiêu bên kia đường. Thằng Nhân thở ra. Chấp gì nó. Nó đầu đường xó chợ. Dì Ba thường khuyên nó đăng ký con lai. Nó lác. Phái đoàn tới làm việc về con lai, ở mấy khách sạn quanh đây chớ đâu. Nhưng bụi đời quen rồi, xa cái hè phố, nó chịu gì nổi. Thằng Nhân, đôi khi thương, rủ nó về nhà ngủ. Nó cười:

- Thôi mày ơi. Lạ chỗ là tao không ngủ được.

Nó cũng biết tưởng tượng nữa. Nó thường nghĩ ra, nó có một bà mẹ người Việt. Cũng còn ở quanh quất đầu đây thôi. Biết đâu bà cũng đang kiếm tìm nó, cũng như nó đang mong, thỉnh linh nó gặp bà. Cảm động phải biết. Hệt như trong mấy tuồng cải lương, hồ quảng. Nó mê cải lương,

nhưng không hiểu sao, cứ tới đoạn người ta khóc thì nó cười hô hố. - Đờ cái thứ lai căng. Người ta chửi nó. Nó càng cười. Khi đựng chuyện, chẳng hiểu nó còn cười được không. Hàng ngày, thằng Lai nhìn thấy đám con lai, trắng bóc như nó, hoặc đen thùi lúi, bu quanh mấy người ngoại quốc trên đường phố xin ăn. Nó bủn môi:

- Đ.m. Mấy thằng Liên Xô nghèo rớt rện. Tốn nước miếng.

Thằng Lai có lý. Ngồi ở góc đường này, bọn chúng biết quá. Mấy cái xe đẩy bán chuối bán thơm dạo, quyến rũ khách Liên Xô nhiều nhất. Mấy ông, mấy bà ngó lờn con mắt. Thèm đến ứa nước miếng. Cầm lòng chi đậu. Ghé, lựa. Tiền cóc cò, chỉ đổi đồ. Trái thơm, nải chuối, bằng hai cái quần lót đàn bà. Lố bút chì, cái giỏ cũ. Mấy bà bán hàng bạc trên đường này, thấy Liên Xô tới là biết xui. Món nào cũng mần mê. Nghe tới giá tiền, thiếu điều muốn nhảy Apolo dọt lẹ.

Có tiếng văng tục tùm lum. Nghe đúng giọng thằng Lai. Phía góc đường bên kia, sát công viên, thằng Nhân đang sùng sộ với một anh xích lô:

- Đ.m. Cuộc xe ngắn có khúc mà chém dũ vậy cha nội.

- Ba bữa Tết, cũng biết điệu một chút chớ.

- Khỏi đi. Đ.m. Kẹt mấy thằng cha chạy mồi hết trơn, bắt nọn nhau.

Tệ thật. Nó nói với Nhân là đi chợ hoa. Lại qua các chợ hoa tối thui bốn mùa bên công viên.

- Thôi lên đi, bà nội.

- Còn muốn lui tới mồi mun thì bớt ăn bạo đi cha. Tụi này cũng biết phải chăng lắm đó.

Thoát cái, chiếc xích lô dọt. Thằng Lai lại khuất vào bóng tối.

Thằng Nhân đã thanh toán xong chiếc xe cuối cùng. Nó không nhận làm tiếp nữa. Mời bà con lên góc đường trên kia, có chỗ vá. Nó gom đồ nghề, khóa thùng. Lấy thêm của đi Ba một liều thuốc, thanh toán tiền nong với đi, nó ngồi vát vèo trên thùng đồ nghề, sáng khoái với những hơi thuốc.

- Cho mượn ống bơm, cháu.

Một chiếc xe xích lô đẩy tới nữa. Nó lắc đầu:

- Lên trên góc đường trên đi chú ơi. Dẹp hết trơn rồi.

Thấy cái mặt buồn hiu của người đàn ông. Nó lại động lòng. Khiếp chưa, ốm đói vậy mà cũng đạp xích lô sao.

- Thôi được. Để cháu cho mượn.

Nó mở khóa, vắt ống bơm cho chú xích lô. Coi kìa, quần với áo rách bươm, da xương gì bày ra hết trơn. Khổ không. Lại hắt xì hơi liên tiếp nữa.

- Bộ chú bệnh. Bệnh mà còn đạp xe làm gì.

Nụ cười người đàn ông hiền hậu. Cả khuôn mặt teo tóp, nhưng đôi mắt sáng quắc, coi bộ thông minh.

- Bệnh cũng phải đi chớ. Lấy gì ăn, cháu. Coi bộ hôm nay bết bát quá, từ chiều tới giờ có hai cuộc, mà xe xẹp hai lần rồi.

- Sao chú không ra chợ hoa. Ngoài đó xích lô chạy đắt lắm.

- Cũng có thử tiến vào. Công an đẩy ra, đòi phạt nữa. Đâu cũng có chỗ hết rồi. Mình dân mới.

- Bộ chú ở đâu lên? Quê hả?

- Không.

- Vậy...

- à, chú mới học tập về.

Hèn chi, người xanh rớt như không còn một giọt máu. Vắt hết sức lực rồi còn đâu. Mỗi lần nó đi thăm ba về, kể cho nội. Nội chùi nước mắt: - Nó vắt hết máu, hết thịt, cũng chưa thả cho. Thằng Nhân thấy có cảm tình với chú này.

- Chú đạp xe bao lâu.

- Mới có bốn tháng. Xe của thằng em, mỗi ngày nó nhường cho mấy tiếng. Thằng Nhân lắng nghe, thấy có tiếng xì xì. Nó kêu:

- Không được rồi. Mấy thằng nó vá ấu cho chú. Để cháu vá lại cho.

Vậy là soạn đồ nghề ra. Chú xích lô loay hoay phụ với thằng nhỏ. Chuyện qua, chuyện về, hỏi riết. Đến khi vá xong xe, thằng Nhân đã rành hoàn cảnh chú Chúc này rồi. Cũng sỹ quan. Học tập cải tạo về. Chẳng còn ai. Vợ con cá ăn hết trơn. ở tạm nhà người em. Cậu em vợ con đùm đê, có mỗi chiếc xích lô làm sinh kế. Thương ông anh cái tạo về, tro tro, cũng nhường cơm xẻ áo. Nhân câu chuyện, nổi máu anh hùng:

- Chú khỏi trả tiền. Cháu vá dùm đó. Chú nói tên trại cải tạo, thì ra cùng trại với ba cháu.

Nói tên. Nhắc chuyện cũ. Chú xích lô cười:

- Vậy thì chẳng phải học tập cùng trại. Trước đây, chú với ba cháu cùng một đơn vị nữa mới chiến địa chớ. nh cũng hay lắm.

- Cháu đang lo đồ ăn thăm nuôi.

- Ngày Tết thế nào cũng thả một đợt. Coi, năm nay, biết đâu ba cháu về.

- Về thì về, Cháu cũng đi thăm cái đã, cháu mới yên tâm.

Nó bỗng mơ mộng:

- Nếu ba cháu về được Tết này thì hay quá. Cháu đã định bụng sẵn. Ba cháu về, hết đi thăm nuôi. Cháu dồn mua một cái tivi cho bà nội cháu. Bà nội cháu thích cái chương trình trong nhà, ngoài phố lắm. Cứ phải sang nhà hàng xóm coi ké hoài. Chú biết Duy Phương không? Ổng đóng hay quá trời, cười thôi là cười. Nghe nói, cứ đóng xong là ổng vượt biên. Bị bắt là được lĩnh về để đóng tiếp liền. Chương trình đó mà thiếu ổng thì như nấu canh không muối vậy chú.

- Chú cũng có nghe nói. Nhưng nhà chú không có ti vi. Chú ở trong hẻm, ba hồi có điện, ba hồi mất. Lúc nào cũng tối om om. Mà khuya rồi, cháu đã về chưa?

- Chú không chạy xe nữa sao? Giờ này người ta đi chợ hoa về...

- Thôi chú về nghỉ. Luôn đường, để chú chở cháu về luôn.

- Thiệt cùng đường không đã. Mất công.

- Thiệt mà.

Thằng Nhân vội ôm hai thùng đồ nghề chạy tọt vào hành lang dẫn lên chung cư. Nó Chuỗi hai cái thùng xuống gầm cầu thang. Ngay bậc cầu thang, còn một khoảng trống vừa cho đi Ba kê cái ghế bố. Sau ngày giải phóng, đi Ba thế chỗ lão chà và gác cửa, không ăn lương, để được nhờ một chỗ nằm che mưa nắng.

- Xong rồi chú.

Nó nhảy tọt lên xe. Chà, êm, ngồi vắt vẻo, gió thổi ve vuốt mặt, khoái thiệt. Xe càng chạy nhanh, lòng nó càng lâng lâng. Hình như đã có một mơ ước nào sắp có thật. Chú Chúc này, sỹ quan cũng chung đơn vị với ba, đã về đấy thôi. Ôi, nếu ba về sớm. Nhà nhất định có cái ti vi. Nghỉ một buổi, cùng nội ngồi coi Duy Phương. Chuyện trong nhà ngoài phố, đóng thì hay chứ thiệt ra có khác cảnh con phố, nơi nó ngồi bao nhiêu đầu. Đi đâu người ta cũng nhắc cái vai Duy Phương đóng anh Hai tân trang. Chôm chĩa, gạt gẫm. Nhưng nói cho cùng, anh Hai tân trang gần gũi với mọi người quá đi chớ. Ngồi ở đó, ngó, bên cửa hàng Kim khí điện máy. Cửa hàng bán vải sợi, cửa hàng thịt tươi sống, đầu mà không có hàng chục hàng trăm anh Hai tân trang, lui tới, để sống. Đi Ba à, hôm nào coi màn Duy Phương, bị công an bắt, còng tay, mặt mũi méo xẹo, là ngày hôm sau, đi than thở:

- Tội nghiệp thằng Duy Phương.

Vậy là coi như có cái ti vi rồi. Thằng Nhân ngược mặt, hỏi:

- Chú ơi, khi nào nhà cháu có tivi, chú ghé coi nghe.

Chú xích lô cười lớn. Chú cười nó nghĩ tào lao chuyện còn ở đâu xa chỗ gì. Thì cứ mơ mộng vậy mà. Gió quá là gió. Mát rượi. Chú chú, cháu cháu, như đã thân tình từ lâu. Qua một tiệm giò chả, nó nói chú Chúc dừng xe lại.

- Cháu phải mua cho nội một cái bánh giò. Nội cháu thích bánh giò nóng thật nóng.

*

Bà cụ còn nhiều thì giờ quá. Làm xong món thịt rước. Sắp vô, dở ra, thứ này thứ nọ vào giò. Thằng Bé lại một mình, sắp đi thăm bố. Tội nghiệp. Mới mười sáu tuổi đầu mà lặn lội ngoài đời. Có cha, có mẹ, như không.

Tụng châu kinh xong. Vẫn còn sớm. Lại mân mê mấy giò đồ, thấy chưa gọn ghẽ. Bao ni lông đất như vàng, cũng phải buộc thêm thôi. Đi đường nó bung ra, thằng bé khổ. Xe nó xóc, rách bung, thứ này lại trộn lẫn thứ kia. Cái gì mà thơm thế này? Cà phê. Đi ở tù, sướng gì mà cà phê, thuốc lá. Nghĩ vậy thôi, bà vẫn bọc thêm bao ni lông. Sơ sài thế, cà phê bay hơi hết, còn ngon lành gì nữa. Cái thằng ngộ thiệt, nghiện cái thứ gì mà uống vào đắng ngắt muốn trộn mất luôn. Rồi thuốc lá, hút như ăn cơm. Lần nào thằng nhỏ cũng đem mấy tút thuốc. Lại còn bày đặt thuốc Lào. Nó giống ông già nó, xa cái điệu không được. Đến chết, cũng phải cho ông đem cái điệu theo...

Ồi dào, sao mà mất giựt lia lịa vậy nè. Chuyện gì nữa đây. Chuyện gì mà lo chó. Già rồi, gân cốt rụi, mất nó giựt là thường. Nữa, tiếng đập cửa gì mà như quân ăn cướp vậy. Bà cụ đứng đĩnh đứng vậy, còn cúi kéo cái giò sát vô góc nhà, mới ra, ghé tai sát cửa.

- Ai?

- Tui đây cụ ơi. Tổ trưởng dân phố.

- Nói to lên. Bà già điếc lác, không nghe.

- Tổ trưởng dân phố. Cụ mở cửa.

- Cái gì? Tổ trưởng à. Tổ trưởng thì...

- Cụ ơi. Mở cửa cháu có chuyện.

- Chuyện gì cũng ngày mai.

- Cụ ơi. Có cái việc thu tiền công trái mà ngày nào cũng tới đập cửa nhà cụ.

- Tôi một bà một cháu. Tiền đâu mà đóng lăm thế. Nói là tự nguyện, bắt tui đóng những ngàn bạc.

- Ai cũng vậy. Bà cụ còn ít, nhà kia lãnh đồ ngoại quốc đều đều, phường bắt đóng tới hai chục ngàn. Có mấy ngàn bạc, trước sau gì rồi cũng phải đóng. Bà cụ đóng phứt cho xong.

- Cái gì thì cũng ngày mai.

Trái với phải. Mấy cái việc quyền góp, đóng tiền sao mà mau mắn, động cửa ngày đêm. Còn những việc khác, như cái đèn đường trước nhà đó, tắt ngúm cả hai ba năm nay, tối om, đựng xe tùm lum, chẳng thấy sửa. Đập cửa nhà bà nữa, bà chửi cho.

- Cụ không đóng, nhà không được mua pháo. Cúp nhu yếu phẩm, thịt heo theo tiêu chuẩn Tết.

Báu gì mấy thứ đó. Bột ngọt không rẻ hơn ngoài bao nhiêu, lại cần thiếu. Thịt heo. Ồ trời. Năm ngoái, thằng Nhân chen rách cả áo, mua được kí thịt, đem về rán mỡ. Gặp thứ thịt bèo nhèo, dai nhách, rán đến khét chỉ được có tí. Nước mắm à. Mấy con mẹ hợp tác xã ăn cắp, trộn nước muối vào. Ăn mặn chết. Để dành kho cá, chừng tuần lễ là nổi bọt, trở mùi, kéo màn mốc. Gạo nữa. ác ôn còn đồ gì đâu. Trộn sỏi, sạn, ngâm nước vào cho nặng cân. Bông cô nhật mờ mắt không hết. Lại còn phong pháo. Pháo chiến thắng gì mà nổ lẹt đẹt như chuột chạy.

Mua phong pháo xóm mới mà đốt cho sướng lỗ tai. Năm rồi, thằng Nhân đem về một phong. Nổ ròn quá, còn xen kẻ tiếng pháo đại như đại bác. Sau tiếng pháo đại cuối cùng, còn bung ra một mảnh vải đỏ có bốn chữ Cung Chúc Tân Xuân. Nó hứa với bà, năm nay, còn mua những pháo Hồng Kông cơ. Có tới năm màu, nổ ác liệt luôn.

Thịt thà. Lo làm gì. Mấy năm đầu, ép quá, ai cũng sợ. Coi cái sổ nhu yếu phẩm như cái sinh mạng mình. Được cái sổ cũng bầm dập chớ. Đóng tiền vô quỹ tiết kiệm. Rồi mua cổ phần, hui chết bất kể. Con giun xéo lắm cũng quắn. Người ta cũng biết khôn ra để được sống. Thịt tưởng khó chớ biết cũng dễ thôi. Thằng Nhân, con trai nhưng bằng mười con gái. Nó biết ngõ ngách. Nó ngồi xe, quen hết mấy bà hàng thịt bán chui, xách hai cái giỏ...

Bà cụ liên miên nghĩ chuyện này hết chuyện nọ, lại có tiếng đập cửa nữa. Bộ cái thằng Tổ trưởng còn quay trở lại chăng? Người đầu mà lì lợm...

- Cụ ơi.

- Ai đó?

- Cháu đây cụ ơi.

Cháu chất gì nữa. Bà cụ gắt:

- Cháu biết cháu nào. Nói tên đi. Đập cửa cũng đập vừa vừa. Cái cửa sắp long mẹ nó ra rồi. Đập hoài. Đập hoài. Giọng bên ngoài cười rộ:

- Thớm đây bà cụ. Dữ quá vậy.
- à. Cậu công an khu vực.
- Dạ, cháu đây.
- Gớm, khuya rồi cậu còn làm việc. Tích cực thế.

- Tích cực gì cụ ơi. Cái nhà 56 đánh lộn, cháu phải vào giải quyết. Cái nhà này kỳ, đập lộn hoài. Một tuần đánh nhau mấy lần, làm phiền quá. Hôm nay, ông chồng còn xách dao rượt bà vợ. Phải đưa ra tổ dân phố thôi.

Nhà số 58, ông chồng học tập về đã hai năm, vẫn lộn xộn hoài. Bà vợ ở nhà không vững vàng, nhà bị xung công một nửa, ngăn bít làm hai. Cũng cái mần như con dâu bà, bị thằng cán bộ cho cái bầu rồi dọt. Đi ở tù về, cứ ru con người ta cho vợ buồn bán tiếp, nuôi cả nhà. Thằng cha chưa diên là may.

- Rồi sao nữa?
- Bắt ông ta ra phường tạm giam. Giáo dục rồi cho về.
- Thế có chuyện gì mà cậu...

- à, cháu đi ngang qua, tiện nhắc bà cụ vụ treo cờ ba ngày Tết. Còn việc dọn dẹp đường phố, cụ gia miễn. Nhưng xin cụ ủng hộ cho đoàn thanh niên công tác phường. Cũng dịp cuối năm, anh em dân phòng canh gác...

- Thôi được rồi. Gớm, cậu kể nhiều qua tôi nhớ không nổi. Để tôi báo thằng Nhân nó đóng.

- Giờ này, nó chưa về. Làm khuya thế.

- Vâng. Làm cả ngày cả đêm cũng chưa nuôi đủ hai miệng bà cháu. Rồi còn đóng góp... đóng góp thôi đủ ba bên bốn bề cậu khu vực ơi.

Chú công an cười lớn, lấp liếm:

- Thôi, cháu về phường giải quyết cho xong cái nhà anh chị này. Cụ nghỉ nhé.

Về cho có chuyện. Cờ với quạt. Bà cụ lại nhớ tới cái nhà anh đánh vợ. Tháng trước, cũng buổi họp tổ dân phố, có đại diện chi hội phụ nữ, đã đem vấn đề vợ chồng anh Hóa ra mổ xẻ, phê bình, xây dựng. Hôm đó, cụ cũng phải khóa cửa đi họp, bỏ không được. Chị đại diện phụ nữ, lớn miệng mà còn dài dòng. Cái gì mà nam nữ bình đẳng, bình quyền. Nghe chẳng hiểu đầu vào đâu. Cách mạng không chỉ giải phóng đất nước, mà còn giải phóng phụ nữ. Giải phóng phụ nữ ra sao ai biết. Bà cụ chỉ nhìn cảnh con gái bà ấm Tích đi sanh, cũng phát ón. Hai bà già tâm sự với nhau:

- Thằng rể tui nó đưa vợ con tới xưởng dẽ.
- Xưởng dẽ. Bộ bây giờ phải tới xưởng dẽ? Xưởng nào vậy?

Bà ấm Tích cười ngất: - Nữa, bà cũng y hệt tui. Lúc đầu cũng vịn vịn thẳng rể. Vợ mầy đẻ mầy đem tới xưởng làm gì. Tui còn tưởng nó điên rồi. Mãi về sau, nó giải thích mới thông ra. Xưởng đẻ là nhà hộ sinh đó bà cụ ơi. Nhà hộ sinh Từ Dũ, Cách mạng đổi tên là xưởng đẻ lâu rồi.

Vậy là giải phóng phụ nữ, thay cái tên nhà bảo sanh thành xưởng đẻ. Còn gì nữa nhỉ? Mấy chục năm, mấy đứa cháu bên nội, bên ngoại, xa gần, ở Bắc vào công tác, ghé thăm, nhìn họ. Bà cụ thấy đứa nào cũng ngán một khúc. Mặt xanh lè như tàu lá chuối, mà cái mông to như cái thúng. Đùi như đùi voi. Mặt mầy dãn dãn. Nói năng thì toàn chính sách, chính vớ.

Cho nên, chỉ một lát, bà lơ mơ ngủ gà ngủ gật. Phê bình, kiểm thảo gì, bà cũng chẳng biết. Đến lúc bà bạn già lay lay:

- Xong rồi. Về cụ ơi.

Bà cụ giật mình:

- Xong rồi hả. Về?

Hai bà cụ dắt nhau đi bộ. Đi mà phải mò từng bước. Đèn đuốc tắt lụi hết, tối om. Con phố này, trước lẽ đường phẳng phiu. Nay lồi lõm như đường đẻ ở nhà quê sau mùa bão lụt. Bà ấm Tích thở ra:

- Khổ cho cái nhà anh ấy. Thà ở trong trại cải tạo còn sướng hơn về. Con vợ quá hư hỏng. Vợ chồng gây lộn, anh chồng bị bắt ra phòng hoải. Ông nhà tôi, mỗi lần nghe chuyện, nói cái nhà anh ấy còn hiền lành, nhẫn nhục. Chém con mề một dao cũng vừa thôi. Cụ ở xa, tôi sát vách tôi biết. Con mụ chửi chồng như chửi con ỏ. Con mụ ý làm ra tiền. Thằng chồng nhịn quá là nhịn.

- Sao không bỏ phút cho xong.

- Bỏ rồi ở đâu? Nhà của anh ấy chớ. Lại còn vấn đề hộ khẩu, vấn đề quản chế. Giấy quản chế một năm, nhưng đã hai năm rồi, vẫn còn chờ ý kiến của Tổ dân phố. Rồi còn phường xét duyệt, coi đã tốt ở địa phương chưa. Trăm đắng ngàn cay bà cụ ơi. Cũng như Hàn Tín luôn tròn thôi cụ.

Bà cụ thở dài. Ai biết tâm sự cụ nhỉ? Đứa con dâu của cụ cũng lỡ một bước đó thôi. Tội nghiệp cho nó, dù không gượng được, nhưng biết ăn biết ở. Cụ thương nó chứ. Thương thì thương trong bụng chớ cũng phải nghiêm khắc thôi. Mà cụ có nghiêm hay không thì chị ấy cũng không dám bển mắng về.

Những ngày cuối năm, nghĩ tới cảnh con, dâu xum họp trước đây, lòng cụ thất lại, ngậm ngùi quá. Hợp đó, rồi tan đó, như chớp mắt. Thằng bé, lâu lâu lại đặt câu hỏi:

- Nội à. Sao mẹ đi hoải, không chịu về đây ỏ.

- ừ. Nó bận buôn bán đường xa, đi tàu thủy, cả ngày đêm, rảnh đâu.

- Làm gì mà không rảnh. Mỗi lần con hỏi, mẹ nói gì đâu không.

Nhiều khi nó trầm ngâm:

- Thỉnh thoảng con gặp mẹ con đi chơi...

Nó bỏ lửng câu. Bà cụ đoán được. Chị ấy đã có nhiều giao thiệp, bầu bạn với đàn ông nào đó. Bà cười:

- Mẹ mày làm ăn, buôn bán, quen biết xã giao nhiều. Con suy nghĩ làm gì.

Nói vậy thôi chứ bà biết thằng cháu không còn nhỏ nữa. Mười sáu tuổi. Giọng nó, từ hai năm nay, vỡ, nói ồ ồ. Lớn, nó càng giống thằng bố nó. Cứ mỗi khi thương quá, bà cụ lại chửi thầm một tiếng, rồi cười một mình.

Đêm nay, nó về khuya quá. Thôi nấu cho nó chén chè. Thằng nhỏ ham ngọt. Lớn ngồng rồi mà lúc nào trong túi cũng có kẹo. Cái kẹo gì mà nhai hoài, còn gọi là cao su. Ăn chén chè, có phải vừa mát, vừa bổ không.

Bà cụ khơi than, nhúm lại lửa. Thêm một châu hương nữa. Chẳng trể vậy đâu, quá nửa tuần hương, nó đã về đến rồi. Cha, bây giờ còn bày đặt hút thuốc lá. Nó về tới, miệng mồm quần áo toàn mùi thuốc lá không. Cái thằng bố nó đâu có biết sớm như nó nhỉ. Thằng bố nó, hai mươi mấy tuổi, lâu lâu hút một điếu thuốc, sắc muốn tắt họng. Tội không, giờ này nó nhớ nhà phải biết. Nó có biết thằng con nó giỏi dần, vất vả không nhỉ?

Bà cụ ngáp dài ngáp ngắn. Mắt hấp hèm quá thôi. Dạo này còn chảy nước mắt sống nữa. Bà cụ đưa tay dụi mắt: Mắt mũi thắm không, lúc nào cũng như khóc.

Lại đập cửa? Có phải không? Bà cụ nghiêng tai nghe ngóng. Con nít phá phách thôi. Không, tiếng gõ mà. Sao mà gõ nhẹ hều, chút chút lại ngừng. Bà cụ bình tĩnh ngồi yên. Nhưng kia, tiếng gõ tiếp. Lần này lại dồn dập. Bà cụ xỏ chân vào dép, vừa nghe ngóng vừa đi về phía cửa. Bà ghé sát tai vào cửa:

- Ai?

Tiếng đập cửa bên ngoài lại im. Lặng yên. Lạ chưa? Bà cụ giận dữ, chửi lớn:

- Con cái nhà ai mất dạy. Cút cha chúng mày đi.

Lại đập cửa. Mả cha chúng. Còn rung cửa nữa. Cái cửa sắt nhà bà sắp bung ra rồi. Sốt ruột chưa. Nó già thua gì bà đâu.

- Có cút không? Con cái nhà ai. Chết với bà.

- Bác ơi, cháu đây.

Gớm, cháu ở đâu mà nhiều thế? Bà cụ vẫn đóng vai trò điếc lác, nhưng tai bà vẫn còn tinh lắm. Bà chờ.

- Bác. Bác.

- Đứa nào. Khuya rồi, đập cửa nhà bà...

- Bác ơi. Cháu đây, cháu ở trại với anh Phát.

- Há. Phát. Phát. Mày....

- Dạ cháu, bác.

- Phát. Mày mày...

Bà cụ lần lừng tìm xâu chìa khóa. Tay sao run quá vậy nè. ở trại thằng Phát về. Có thằng Phát không? Sao chỉ có một giọng. Chùm chìa khóa rơi xuống đất. Bà giận luôn cánh tay của bà. Sao run quá vậy? Lượm lên. Lại rớt. Bà ngồi bệt xuống đất. Hai tay đưa ra phía trước. Lần này phải đứng lên mới được. Cầm chìa khóa, đứng thẳng, mở hoài không xong. Bà cụ giận tay mình quá. Già rồi, bỏ đi rồi. Rốt cuộc cánh cửa cũng hé được. Bà cụ hấp tấp:

- Vậy thằng Nhớn tôi có về đó không?

- Dạ, bác. Để cháu thưa chuyện với bác.

Không có thằng Nhớn. Nhưng cái thằng đứng ngoài sao mà giống thằng Nhớn quá vậy. Cái bộ đồ. Ồi, trời ơi. Quần áo của thằng Nhớn đây. Con vợ nó, may, gửi thằng Nhân đem lên thàng trước. Tệ thiệt. Nó chê à.

- Cậu vào đây.

Quên cả lời cháu dặn không được mở cửa cho ai vào nhà, bà cụ mở toang cửa. Người đàn ông bước vào, e dè. Bộ quần áo rộng quá, hần như bơi ở trong.

- Cháu mới được về.

- Thế, thế thằng con của lão... Với bộ mặt còn thất thần, đôi mắt sâu hoắm. Hần chìa cái túi vải ra, hai bàn tay xanh đay gân, run rẩy:

- Bác. Đây là đồ dùng của anh Phát.

- ủa. Đồ của nó. Nó không về, gửi đồ về làm chi? Chi vậy cậu.

- Dạ, anh không dùng nữa.

- Là chưa. Không dùng. ở tù mà không dùng.

Bà cụ nấn nấn cái túi vải:

Này, lon gui-gô. Ca nhựa. Mấy cái gì linh kinh. Nó, nó...

Tự nhiên bà cụ hoảng hốt. Linh tính. Mắt bà giục giục liên hồi. Người đàn ông như muốn tháo lui:

- Dạ thưa bác. Giờ cháu phải về nhà. Cháu mới xuống xe là tới đây.

- Nó có nhẩn gì không?

- Dạ không.

Hắn nắm lấy tay bà cụ. Cái túi vải rơi xuống đất, vung vải đủ thứ.

- Bác. Bác bình tĩnh nghe cháu nói. Anh Phát bị cây ngã, đè...

Bà cụ há hốc mồm. Cây đè. Rồi sao nữa. Sao nữa chớ. Sao nữa chớ. Bà muốn hỏi tiếp mà miệng cứng đơ.

- Chết.

- Chết.

Bà cụ nhắc lại. Mơ hồ. Chết. Cây đè. Chết. Thành Phát con bà. Sao bà tỉnh queo thế này.

- Bác à. Cháu xin lỗi bác. Cháu không biết làm sao.

Miệng bà cụ vẫn há hốc. Bà nhìn người đàn ông. Bà đưa tay lên, vuốt chiếc áo. Rồi bà rùng mình.

- Trời ơi. Chết.

Người đàn ông xiêu vẹo đưa tay đỡ bà cụ. Bà cụ mê đi rồi chăng? Anh nhìn lên bàn thờ, ảnh ông cụ lung linh theo ánh nến, nụ cười hiền hậu. Sát vách tường, lổn nhổn mấy giỏ xách, đầy nhóc đồ thăm nuôi. Anh muốn khóc nhưng nước mắt, cũng như da thịt anh, đã khô quắt.

*

Tới rồi chú ơi. Cho cháu xuống

Xe chưa kịp dừng, thằng Nhân đã nhảy. Nó đưa tay chào:

- Mạnh giỏi chú. Khi nào cần vá xe, tới cháu.

- Rồi, hèn.

Mãi nói chuyện, để xe chạy lối một đoạn. Mất công băng qua ngã tư. Phải đi ngược lại mấy căn nhà. Nó bước những bước dài, nôn nóng. Phải kịp cho nội ăn cái bánh giò nóng hổi đây.

- Nhân.

Nó hơi giật mình. Ai vậy cà? ủa mẹ nó. Giờ này bà còn đón đường nó chi.

Nó chạy lại:

- Có chuyện gì vậy má.

- Con sắp đi thăm ông.

- Dạ. Đi chuyển chót. Cho ông hồi hộp chơi. Ông mong phải biết.

Rồi nó cầu nhàu:

- Sao má không lên chỗ con làm việc. Má đứng đợi chi tội vậy. Đợi lâu không?

- Không, má mới đến. Má biết con về khuya mà. Tết này má muốn đi thăm ba quá. Nhưng sợ bà nội. Với lại con đã nói dối.

Thằng Nhân cười toét:

- Nhầm nhò gì. Thì nói má mới mọc chân lại.

- Nói vậy thôi chứ má cũng chẳng đi được. Tết này má về quê. Má đi hơi lâu nên má lo cho con.

Nó bỗng thấy hờn dỗi:

- Má mà lo cho con.

- Má lo lắm. Con đâu có hiểu má được. Đây, má có khoảng cho con. Mua sắm thêm, lo cho ba thăm nuôi thật đầy đủ. Còn nhiều, con giữ để dành mà xài.

Bánh không. Nó cầm chặt gói tiền trong tay. Dày cộm, không ít à. Để bà coi, sắp nhiều dịp khoan hồng, ổng về, có nắm đâu bà về không. Giấc mộng mua cái tivi cũng sắp được rồi. Xa xôi gì nữa.

- Rồi qua giêng con mới gặp má phải không?

- Có thể xa hơn nữa. Nhưng lúc nào má cũng thương con. Thôi con về đi kéo nội trông.

Bà còn cúi xuống hun quệt lên mặt nó nữa chứ. Có cái nước gì âm ỉm trên mặt nó. Bà khóc. Lạ chưa, lâu lắm rồi, từ ngày nó vỡ giọng, bà có hun nó nữa đâu. Hôm nay mắc cái chứng chi. Nó rẩy ra khỏi tay má.

- Con về.

Mặt má nó sao mà buồn xo. Đúng là bà khóc. Chuyện gì, má nó cũng nước mắt đi trước.

- ừ con về đi.

Bà đẩy nó. Lạ chưa. Mới ôm chặt, hôn hít. Rồi lại đuổi như đuổi tà. Đi mấy bước, nó quay lại. Má nó vẫn còn đứng trong vũng tối mờ. Nó khựng lại. Sao tự nhiên nhối lên, thương quá sá thương. Mà thôi, nhanh về thôi. Chiếc bánh giò trong tay đã nguội ngắt.

Kia nhà cửa. Đã dọn dờ hết hơi. Nhớ khóa cửa. Không mở bất kỳ ai. Vậy sao cửa ngõ tanh bạch vậy? Bà nội cẩn thận lắm, đâu đã có triệu chứng gì ngễng ngãng. Chuyện gì đây? Thôi rồi. Nó bỗng cơ giò chạy, băng băng qua đường, bất kể xe cộ.

Kẻ cướp vào nhà. Làm sao nó vào nhà, mà cửa ngõ mở toang vậy? Bà ra làm sao rồi. Mặt nó hoa lên. Không sai mà. Tên cướp đứng giữa nhà.

Bà nội nín chặt nó. Phải không? Sao lạnh tanh vậy. Bà còn sống không? Nó nhảy ào vào, quên cả nguy hiểm, nó la lên:

- Cướp. Cướp.

Mùi khét lẹt dưới bếp bốc lên. Rồi tiếng bà nội nó rên khế. Đồ đạc gì dưới chân nội rơi vãi tùm lum. Cả cái bánh giò trên tay thằng Nhân cũng rơi xuống.

Cướp. Tiếng kêu của thằng Nhân bỗng hụt hẫng, cất lưng chừng. Tên cướp quay lại. Một khuôn mặt hốc hác, thê thảm, khuôn mặt quen thuộc của các trại học tập. Nhưng không phải ba nó.

nhã ca

BÁC SĨ TRẦN TIỀN HUYẾN

M.D., F.A.C.S.

- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát (American Board of Surgery).
- Tốt nghiệp Siêu chuyên khoa Giải phẫu đường ruột và hậu môn.(American Board Qualified of Colon and Rectal Surgery).
- Hội viên Hội Bác sĩ Giải phẫu Hoa Kỳ (Fellow, American College of Surgeons).
- Hội viên Hiệp hội Bác sĩ Giải phẫu đường ruột và hậu môn (American Society of Colon and Rectal Surgeons).

CHUYÊN TRỊ VÀ GIẢI PHẪU

- Các bệnh trĩ và mạch lương bằng tia laser ít đau, mau bình phục
- Bệnh đường ruột, ung thư ruột, táo bón kinh niên, ruột dư, sa ruột
- Sạn túi mật, vàng da, đau bụng
- Tầm ung thư ở vú và ngực
- Các loại bướu ở đầu và cổ
- Giải phẫu sửa cơ vòng âm đạo suy yếu do sinh đẻ hoặc tuổi tác
- Tiểu giải phẫu : Cắt qui đầu, cắt bướu ở da, các loại nốt ruồi,
- Suy tầm ung thư ruột và bộ tiêu hoá
- Soi đường ruột.

MAGNOLIA CLINIC

14571 Magnolia St, Suite 207, Westminster CA 92683

By Appointment Only : (714) 898.1177

THEO DÕI VỤ SATANIC VERSES: QUYỀN TỰ DO, TRÁCH NHIỆM, VÀ NIỀM TIN VÀO CHỦ NGHĨA

Đỗ quý Toàn

Salman Rushdie viết một cuốn tiểu thuyết làm cho cả triệu người nổi giận. Trong vài tuần có gần hai chục người chết vì biểu tình sô sát. Mạng sống của tác giả được treo giá hơn 5 triệu Mỹ kim. Theo nhà văn Norman Mailer thì vụ này "giúp chúng ta nuôi sống một tín ngưỡng mong manh...niềm tin vào sức mạnh của chủ nghĩa..."

Chúng ta không khỏi nghĩ đến những nhà văn đã bị lên án tử hình, như Tuệ Sĩ, Trí Siêu. Đã bị hạ sát như Khái Hưng, Phan văn Hùm. Đang bị cầm tù, đầy đọa như Doãn Quốc Sỹ, Thảo Trường, Phan Nhật Nam, Hoàng hải Thủy, Nguyễn chí Thiện v.v. Chúng ta cũng không thể không suy nghĩ về tác dụng của chủ nghĩa, niềm tin vào chủ nghĩa, và trách nhiệm của người sử dụng chủ nghĩa, cũng như quyền của người dùng chủ nghĩa.

Nhưng trước hết, hãy coi Rushdie làm gì nên tội để đến nỗi pháp sư Khomeini lên án tử hình và treo giá cái đầu anh ta hơn 5 triệu bạc, và mấy chục người chết oan - vì lòng cuồng tín của họ, hay vì anh khơi động lòng cuồng tín đó lên.

Salman Rushdie 41 tuổi, gốc hồi giáo, sanh ở Ấn Độ, đi học ở Anh Quốc, rồi vào dân Anh, lập nghiệp ở đó, Ba cuốn tiểu thuyết trước của ông đã gây sóng nổi. Người ta bảo ông đá kích đế quốc Anh, đặt tên là Margaret Thatcher, thủ tướng Anh, là Maggie Torture, chê bai cả bà cố thủ tướng Ấn Độ India Gandhi. Ông là một nhà văn đã gây thù chuốc

oán quen rồi, và sẵn sàng nghe chửi khi viết cuốn tiểu thuyết oan nghiệt *Satanic Verses* (Sấm thi của quỷ Satan).

Trong cuốn truyện, ông đã đụng tới tôn giáo cổ truyền của chính gia đình ông, đạo Hồi, và giáo chủ Muhammad. Mấy trăm triệu tín đồ Hồi giáo trên khắp thế giới coi Muhammad là đấng, tiên tri sau cùng đã truyền lại những lời của Thượng Đế phán cho ông, trong kinh Koran. Trong cuốn tiểu thuyết *Satanic Verses*, Rushdie đã xúc phạm đến Koran, đến giáo chủ Muhammad. Xúc phạm nghĩa là gì? Một người không cố ý xúc phạm thì sẽ nghĩ mình không hề xúc phạm, mình chỉ vô tình làm người khác phật lòng. Nhưng xúc phạm không được đo lường bởi ý định của người gây ra, mà phải đo lường bằng phản ứng của người thấy mình bị xúc phạm. Một người Tàu có thể vô tình gọi một người Mỹ đen là Negro, nhưng người Mỹ đen tự thấy bị xúc phạm. Một người Pháp gọi người Việt là an-nam-mít' thì không được, nhưng người Việt gọi đùa nhau là "mít" thì không sao. Có một thời chúng ta gọi đùa cả nước mình là dân Giao Chỉ, nhưng cũng lúc đó nếu có ông ngoại trưởng Tàu nào, gọi nước Việt là Giao Chỉ thì cả nước ta sẽ thấy bị xúc phạm.

Cứ nhìn vào số người đi biểu tình và những người chết vì cuốn truyện của Rushdie thì ta phải công nhận tín đồ Hồi giáo ở nhiều nơi đã bị tác giả xúc phạm thật. Nhưng kể từ, khi cuốn tiểu thuyết ra đời, tháng 10 năm 1988, đến khi có cuộc biểu tình ở London vào tháng 2, 1989, mới có khoảng 100 ngàn cuốn sách được phát hành, chắc cũng chỉ có mấy ngàn người Hồi giáo cảm thấy bị xúc phạm vì đã đọc sách, đọc trong nhà riêng, trong phòng riêng của họ, hay trong chỗ làm việc, trên xe chuyên chở công cộng. Cả khối tín đồ, Hồi giáo chỉ cảm thấy bị xúc phạm khi câu chuyện trên nổ ra bằng những cuộc biểu tình, được báo chí đưa lên trang nhất, đài truyền hình chiếu trong bản tin, Sự xúc phạm, trở nên trầm trọng vì nó không còn có tính cách riêng tư, nó được phơi bày trước cả thế giới. Giống như một người đàn bà nói: "Con mụ đó nó đi thủ thi với nhiều người là tôi lẳng lơ, quyến rũ chồng nó. Nó nói, lén lút sau lưng thì tôi tha cho. Nhưng nó mà nói thẳng với tôi thì tôi sẽ vện cổ nó ngay!" (Hay ít nhất cũng cho một chưởng!) Mức độ xúc phạm đi, đôi với mức độ công khai của lời xúc phạm. Viết báo, nặng hơn là nói. Viết sách, nặng hơn nữa. Viết tiểu thuyết, thứ văn chương có ý khuyến dụ người ta cả trăm, ngàn năm sau, thì nặng lắm lắm. Cũng vì vậy Cộng Sản Việt Nam đã căm thù Doãn Quốc Sĩ khi anh Sĩ kể chuyện một con Hồ ly tinh độc ác. Đọc đến là họ nghĩ đến giáo chủ họ Hồ, và lo sợ về cái bia miệng mà họ Doãn đã dựng lên. Họ càng nổi sùng, phát điên trong, khi và chính Doãn quốc Sĩ lại an nhiên tự nhận các điều mình đã viết, không sợ hãi, không quanh co.

VÌ ĐÂU NÊN NỔI

Vậy câu chuyện *Satanic Verses* đã làm gì để xúc phạm cả mấy trăm triệu người ta, trong đó có cả các nhà tu hành đạo mạo, các học giả uyên thâm, các bà nội trợ, các em học sinh, các chính trị gia chuyên sách động? Trong cả cuốn truyện, chỉ có hai chương tụng tới giáo chủ Muhammad và kinh thánh Koran. Rushdie đã cho nhân vật mình nằm mơ, trở về thời của một vị giáo chủ, nhà tiên tri Mahoung. Vậy cũng đủ là một tội: cái tên. Từ thời trung cổ, người Thiên chúa giáo ở Âu Châu vẫn lấy tên Mohoung để riếu tên Muhammad. Trong truyện lại có đoạn ở xóm nhà thổ, mấy cô gái điểm tụ đùa cợt gọi mình là phi tần của Muhammad. Tội rất lớn. Người Hồi Giáo vẫn, tôn thờ các bà, vợ của giáo chủ như là các thánh mẫu. Xúc phạm đến các giáo chủ phu nhân cũng giống như xúc phạm đến đức mẹ Maria của Thiên chúa giáo.

Dùng vài tiếng bậy bạ như vậy cũng đủ giết người rồi, nhưng cái tên *Satanic Verses* còn liên can đến một đề tài nghiêm trọng, tụng tới căn bản tín ngưỡng của Hồi giáo nữa. Đạo Hồi dựa trên một niềm tin căn bản, tin rằng giáo chủ Muhammad đã nhận được lời dạy của Thượng Đế, những lời, dạy trong kinh Koran là lời của Thượng Đế. Tất nhiên, nếu ai tỏ ý nghi ngờ niềm tin này, người đó không được đạo Hồi chấp nhận. Không chấp nhận không có nghĩa là phải giết. Nhiều người nổi giận muốn giết Rushdie vì, theo họ nghĩ, Rushdie đã mang niềm tin đó ra riếu cợt, phỉ báng, và khiến người đọc nghi ngờ tánh chất thiêng liêng của giáo chủ. Đáng, giận hơn nữa là những điều Rushdie kể không phải là những sáng tác mới mẻ gì, ông ta chỉ thuật lại những điều được bản tán từ ngàn năm trước, với lối văn thời nay.

Theo tín đồ Hồi Giáo thì đức Muhammad nghe lời sắp truyền của Thượng Đế, rồi đọc cho một thư ký ghi lại. Đến thời Đại Pháp sư Uthman (644-656) mới chép tất cả vào thành một cuốn sách. Bên cạnh thánh kinh Koran, những lời chép trong Ngũ Lục (Hadith) của giáo chủ Muhammad cũng được coi là căn bản của tín ngưỡng, Căn bản của người theo Hồi Giáo là: tin rằng chỉ có một Thượng Đế, Kinh Koran là lời dạy của Thượng Đế mà Muhammad là đáng tiên tri đã được Thượng Đế trực tiếp truyền cho.

Từ thế kỷ thứ 9 đã có nhà bình luận và sử gia tỏ ý nghi ngờ tính cách đích thực của một số đoạn trong kinh Koran cũng như trong Ngũ Lục (Hadith). Nhiều người, như al-Tabari (893-923) đã nêu lên những sự kiện về việc chép kinh, Koran mà bây giờ Rushdie lập lại trong tiểu thuyết *Satanic Verses*. Đến thế kỷ 20 những chuyên gia nghiên cứu, kể cả người Hồi giáo, đã áp dụng các phương pháp khoa học để phê phán tánh cách

dịch thực của một số sự kiện về Kinh Koran cũng như trong Ngũ Lục Hadith. Thiên Chúa giáo đã trải qua. Những chuyên viên về khảo cổ cũng như, ngữ học lịch sử đã tìm hiểu một cách khách quan tánh chất đích thực của nhiều đoạn trong thánh Kinh Cựu Ước và Tân Ước. Thiên Chúa giáo đã vượt qua thời kỳ đó, nhưng Hồi giáo thì vẫn chưa sẵn sàng chấp nhận phê bình và nghiên cứu. Các học giả Hồi Giáo, như Tahahussein, người Ai Cập, đã phải rút lại các sách bình luận của ông (năm 1926) và mất ghế giáo sư ở đại học. Ở các xứ thiên chúa giáo bây giờ tín ngưỡng là một vấn đề của tư nhân, mỗi người với lòng tin của họ. Ở xứ Hồi giáo, tín ngưỡng vẫn bao trùm tất cả các hoạt động xã hội, công và tư, ít nhất đó là lập trường của giới tu sĩ.

Nhiều người chỉ trích Rushdie là ông ta không hoàn toàn sáng tạo những đoạn dụng chạm tới kinh Koran và giáo chủ Muhammad. Ông ta đã dựa vào các sự kiện được các nhà phê bình đời trước nêu lên, trong đó có cả các sách của người Thiên chúa giáo chỉ trích Hồi Giáo từ thế kỷ 19. Từ một ngàn năm trước, Ibn sa'd và al-tabari từng nói đến chuyện giáo chủ Mahmmad có thể đã bị quỷ xúi dục, dù rằng ý kiến này đã bị các học giả Hồi giáo khác bác bỏ. Câu chuyện kể rằng Muhmmad đã bị quỷ Satan dụ dỗ để cho vào kinh Koran những đoạn không phải lời Thượng đế, như việc cho thờ phượng ba vị nữ thần khác. Sau giáo chủ đã tỉnh ngộ và cất bỏ những đoạn đó. Trong một chương tiểu thuyết của Rushdia, nhân vật thư ký của giáo chủ, mang cùng tên Salman với Rushdie, đã không chép đúng lời Muhammad thuật lại những gì Thượng Đế đã truyền. Salman, tên thư ký, đã ngụy tạo, sửa chữa các lời đó, chi tiết này cùng làm các tín đồ Hồi giáo phẫn nộ. Đó là chưa kể Rushdie gọi tên thánh địa Mecca là Jahilia (Nghĩa là Bóng tối), và chỉ trích một số hư tục mê tín mà người Hồi giáo cho là không phải do tín ngưỡng của họ gây ra.

Có hai lối phản ứng của người Hồi Giáo đối với Satanic Verses. Một là lối của Khomeini với các tín đồ nhiệt thành, quyết tín của ông. Họ lên án tác giả đã chối đạo, đã phỉ báng đạo, đáng tội chết: những người xuất bản hay phát hành sách của tác giả đáng khép tội đồng lõa. Lối phản ứng thứ hai là của những tín đồ Hồi giáo ôn hòa, họ không đòi giết Rushdie chỉ lên án cuốn sách đã lập lại những chuyện cũ từ cả ngàn năm nay, đã được bàn tán và đã bị đa số người Hồi Giáo gạt bỏ, bây giờ viết lại để gây sôi nổi, cốt bán sách cho chạy. Theo họ, Rushdie đã bỏ đạo, giờ quay lại chống đạo bằng một thủ đoạn không đúng đắn.

Nếu tất cả người Hồi giáo đều phản ứng theo lối ôn hoà thì không có gì đáng bàn. Cái án tử hình và tiền thưởng mà Khomeini tung ra đã gây chấn động về chánh trị cũng như văn học. Các nhà văn, các hội nhà văn, từ Âu Châu sang Mỹ châu, quyết liệt phản đối việc một lãnh tụ như

Khomeini, nắm toàn quyền ở xứ Iran, thuê người đi giết một nhà văn vì một cuốn sách. Đó là một hành động không văn minh. Những nhà chánh trị cũng lên án hành động đó là không được thế giới văn minh chấp nhận, và nhiều chánh phủ đã trừng phạt Iran về mặt ngoại giao và kinh tế. Các nhà văn còn lên án cả các chánh phủ của họ vì nhẹ tay với Khomeini, phản đối các nhà xuất bản và nhà sách nhất gan không dám in hay trưng bày sách của Rushdie. Bản dịch tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Nhật bị ngưng ấn hành vì các nhà xuất bản sợ. Một số nhà văn Đức hứa sẽ góp tiền in một bản dịch, để bảo vệ nguyên tắc tự do tư tưởng, tự do ngôn luận.

NHÂN QUYỀN TỰ ĐÂU MÀ CÓ?

Vấn đề lớn đằng sau vụ Rushdie - Khomeini là vấn đề tự do phát biểu. Tất cả những người binh vực Rushdie và lên án Khomeini đều nhân danh quyền tự do này. Họ cho rằng mỗi nhà văn phải có quyền tự do viết. Chỉ có độc giả được phê phán. Không thể cầm tù, hành hạ, nhất là lên án tử hình, một nhà văn vì tác phẩm của họ.

Nhưng quyền tự do phát biểu không chỉ dành riêng cho nhà văn. Nhà văn là cái gì mà người ta phải cho họ hưởng một thứ quyền đặc biệt?

Quyền tự do phát biểu là quyền của con người, ta thường gọi là Nhân quyền. Chữ Nhân Quyền ở đây viết hoa để chỉ một danh từ riêng, là những quyền được ghi trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền (Déclaration universelle des droits de l'homme) mà đại hội đồng Liên Hiệp Quốc thông qua vào năm 1948. Bản Tuyên ngôn này ra đời trong hoàn cảnh sau Thế Chiến thứ hai, thế giới Tây phương vừa trải qua cơn ác mộng của các chế độ độc tài Phát xít ý và Quốc xã Đức và chế độ Stalin ở Nga đang đe dọa thế giới. Dưới các chế độ đó cá nhân bị chà đạp vì các chính quyền Phát Xít, Quốc xã và Sô Viết đã nhân danh quyền lợi chung quyền lợi của chủng tộc hay của quốc gia coi cá nhân như là những phần tử nhỏ bé không đáng kể. Bản tuyên ngôn là mức đánh dấu sau cùng của cả chặng đường dài trong lịch sử đấu tranh giữa cá nhân và nhà cầm quyền ở Tây phương, dù là quyền Tôn Giáo hay quyền chánh trị. Những văn kiện đánh dấu sự thăng tiến của quyền cá nhân có thể kể:

1215 - Magna Carta ở Anh Quốc

1689 - Bill of Rights ở Anh Quốc

1776 - Bill of Rights của tiểu bang Virginia (Mỹ)

1789 - Déclaration des droits de l'homme et du citoyen

(Cách Mạng Pháp)

1798 - Bill of Rights của Mỹ Quốc

Nhìn vào lịch sử hình thành quan niệm về nhân quyền chúng ta thấy bối cảnh văn hóa, xã hội của quan niệm này. Nhân quyền phát xuất từ cuộc đấu tranh giữa tinh thần dân chủ, tự do, duy lý để chống lại Vương quyền có tính cách độc đoán và do thần quyền hỗ trợ. Nhân quyền được nảy nở sớm ở các xứ theo đạo tin lành, cùng với tư tưởng duy lý và tự do.

Ngay từ khi bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền được sơ thảo, một câu hỏi đã được đặt ra: quan niệm Nhân quyền chỉ là một sản phẩm của văn hóa Tây phương, hay đó là một giá trị có tính cách phổ biến đối với tất cả các nền văn hóa?

Giáo sư Tạ Văn Tài (Harvard Law School) đã đối chiếu những quyền căn bản nêu lên trong bản Tuyên ngôn, so với luật lệ triều Lê và điển chế triều Lý Trần để kết luận rằng trong lịch sử Việt Nam nhiều triều đại đã đề cao và tôn trọng những Nhân Quyền được Liên hiệp Quốc nêu lên. Cố gắng của giáo sư Tạ Văn Tài thật đáng ca ngợi về phương diện lịch sử luật pháp về điển chế: Vô hình chung, công trình nghiên cứu của giáo sư Tạ Văn Tài cũng góp phần chứng minh rằng quan niệm về nhân quyền là một quan niệm phổ biến, vượt lên trên biên giới giữa các nền văn hoá. Người đầu tiên soạn thảo bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc, giáo sư John Humphrey (Đại học McGill, Montreal), khi đọc bài của Tạ Văn Tài, đã ghi cho tôi một nhận xét của ông. Ông nói rằng nếu từ thế kỷ 15, ở Việt Nam, luật Hồng Đức đã tôn trọng các Nhân Quyền, thì căn bản của quan niệm về nhân quyền quả có tính cách phổ biến, chung cho nhân loại, không phải là một quan niệm riêng của Tây Phương như có người vẫn phê bình.

Một trong những nhà phê bình đáng kể là Raimundo Panikkar, triết gia thiên chúa giáo gốc ấn độ, đã dạy lịch sử tôn giáo ở Harvard và đại học California ở Santa Barbara, chúng ta cũng nên lắng nghe coi Panikkar bác bỏ tính chất phổ biến của quan niệm Nhân quyền như thế nào. *

Sự phát sinh của quan niệm nhân Quyền là từ tiến trình văn hoá và lịch sử Tây phương. Một nền tảng là niềm tin vào khả năng của lý trí để hiểu biết cái gọi là nhân tính (nature humaine) có tính cách phổ biến. Một căn bản khác là ý niệm về cá nhân, cá nhân là một thực thể tuyệt đối và độc lập với những thực thể khác, như xã hội, như vũ trụ. Căn bản thứ ba của nhân Quyền là tinh thần dân chủ, với ý niệm rằng xã hội là một tập hợp tự nguyện của các cá nhân, để phục vụ cho các cá nhân.

Từ hiến chương Magna Carta cho đến bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc và các thỏa hiệp để thi hành bản Tuyên Ngôn, những căn bản trên đánh dấu sự tiến triển trong lịch sử tư tưởng Tây Phương, và sự tiến hóa trong xã hội Tây phương. Trong khung cảnh của tư tưởng

phương Tây đó, cả những lập trường đối lập lại quan niệm Nhân Quyền cũng bắt nguồn từ cùng một gốc rễ văn hóa. Thứ nhất là quan điểm đối lập về mặt Thần học. Theo quan điểm này thì quyền làm người tự nó không đủ vững, nó phải dựa trên một nền tảng siêu linh (thí dụ, Thượng Đế). Con người nếu chỉ là một tập hợp của những nhu cầu thể chất và tinh thần thì không đủ. Nếu có sự xung đột về quyền lợi thì lấy căn bản nào để giải quyết. Quan điểm đối lập thứ hai, gần đây hơn, là quan điểm Mác Xít. Theo họ Nhân Quyền chỉ là quyền lợi của giai cấp thống trị, còn giai cấp bị trị thì không có các điều kiện kinh tế và xã hội để mà, hưởng thụ những quyền trên. Mặt khác, người Mác Xít cho rằng không thể tách rời cá nhân ra khỏi xã hội mà nó đang sống, xã hội có những quyền quan trọng hơn cá nhân. Tất nhiên, theo họ thì chỉ có đảng Cộng sản là đại diện cho quyền của xã hội, giống như giáo hội thời Trung Cổ nắm quyền sinh sát vì đại diện cho Thần quyền.

Các quan điểm đối lập trên đều bắt nguồn từ văn hoá Tây Phương. Panikkar đã dùng nhãn quan văn hoá đa nguyên để phê phán tánh chất phổ biến của quan niệm về Nhân quyền. Theo ông các định đề căn bản từ đó phát sanh quan niệm về nhân quyền đã là sản phẩm của Tây Phương: chủ nghĩa duy lý, chủ nghĩa cá nhân tuyệt đối, cũng như quan niệm rằng xã hội là một cộng đồng tự nguyện để phục vụ cá nhân. Các nền văn hoá khác của nhân loại: Trung Hoa, Ấn Độ, Hồi giáo v.v không chia sẻ những định đề tiên khởi trên.

Nói như Panikkar không có nghĩa là ở các nền văn hoá khác không tôn trọng nhân quyền. Trong diễn trình tiến triển của các xã hội phương Đông, quyền cá nhân cũng được tôn trọng, như trong đạo luật Hồng Đức đời Lê, các chỉ dụ từ đời Lý Trần ở Việt Nam. Nhưng các quyền làm người đó không phát xuất từ cùng những tiền đề của văn hoá Tây Phương. Hậu quả là khi có sự xung đột giữa quyền và trách nhiệm, giữa các nhân và tập thể, cách giải hòa các xung đột sẽ khác nhau. Khi nào có sự xung đột, đó là lúc người ta không thể chỉ bàn cãi, tranh luận về các quyền không thôi, mà phải đi ngược về tận nguồn gốc, căn bản vì đầu mỗi người đáng được hưởng những quyền đó. Nếu các căn nguyên của quyền đã khác thì cách giải hoà các xung đột cũng khác biệt. Vì vậy quan niệm về nhân quyền không thể tách rời khỏi những tiền đề văn hóa của mỗi xã hội.

Một thí dụ về tiền đề văn hóa là quan niệm về dharma (chữ Hán Việt dịch là Pháp). Trong truyền thống Ấn Độ. (Ấn giáo, đạo Jain, và Phật giáo) mà Panikkar nêu lên Dharma có một vai trò tương đương (l'équivalent homéomorphe) như các căn nguyên của nhân quyền ở Tây phương. Dharma mang nhiều nghĩa: luật lệ, công lý, đức hạnh, chân lý, giáo thuyết, bản chất của mọi sự vật, v.v. Gốc của chữ Dharma là động từ dhr, có

nghĩa là nắm lấy, hàm ý duy trì tính chất quán. Từ quan điểm của truyền thống Ấn Độ, Panikkar phê bình quan niệm Nhân quyền của Tây phương như sau:

Nhân quyền không thể chỉ là quyền của mỗi cá nhân. Cá nhân là một phần của cộng thể, gọi là Pháp (svadharma là một biểu hiện của dharma), tư nghiệp của mỗi người chỉ là một phần trong công nghiệp. Hơn nữa, quyền của con người không thể tách khỏi quyền của vạn vật, chúng sinh, cho đến các vật mà ta gọi là vô tri. Cũng vì vậy quyền không thể tách rời khỏi bốn phận, và quyền này không thể tách rời khỏi quyền khác. Vì vậy quyền của mỗi người không có tính cách tuyệt đối.

Trên đây là một thí dụ. Dùng quan điểm văn hóa Ấn Độ nhìn vào vấn đề Nhân quyền. Nhìn từ quan điểm văn hóa Viễn Đông, trong tinh thần Tam giáo đồng nguyên, chúng ta sẽ đặt vấn đề Nhân quyền một cách khác. Tất nhiên, người Hồi giáo sẽ nhìn Nhân Quyền với nhãn giới khác nữa. Đó chính là căn nguyên của cuộc xung đột Rushdie - Khomeini, cuộc xung đột đã làm chảy bao nhiêu máu và mực viết.

NHÀ VĂN VÀ CỘNG ĐỒNG

Khi các tín đồ Hồi giáo biểu tình ở Bardford (Anh Quốc) đốt cuốn sách của Rushdie, dư luận Tây Phương đã tỏ ra bất bình. Thay vì đem sách ra đốt, lẽ ra chúng ta nên mời tác giả tới tranh luận. Rushdie có quyền viết, người đọc có quyền phản đối, rồi bàn cãi "một cách văn minh" với nhau.

Đó là một cách đặt vấn đề theo lối suy nghĩ của Tây Phương, với niềm tin rằng người ta có thể dùng lý trí (có tánh cách phổ biến) để giải tỏa các bất đồng, hoà giải các xung đột "Văn minh" tức là dùng lý trí để sống với nhau. Đó là tiêu chuẩn văn minh của phương Tây. Người Việt Nam theo Tây học cũng thấy lý luận đó là phải, nhất là chúng ta chịu ảnh hưởng của văn học duy lý của Pháp.

Nhưng người Hồi Giáo, khi họ đòi thiêu hủy và cấm cuốn sách của Rushdie, họ suy nghĩ một cách khác. Đối với họ sách là quan trọng. Những gì viết vào sách là chuyện rất quan trọng. Cả tôn giáo của họ dựa vào một cuốn sách. Họ có một tín ngưỡng vào chữ nghĩa (nói theo kiểu Norman Mailer) mạnh như các nhà Nho Việt Nam thế kỷ 19 kính trọng các sách chữ Hán vậy. Cho nên đối với tín đồ Hồi Giáo một cuốn truyện như Santanic Veses đựng tới một đề tài rất quan trọng của họ là đức giáo chủ và kinh Koran, cuốn truyện đó không thể là chuyện chơi. Hoặc chấp nhận nó, hoặc thiêu hủy, không thể trung lập.

Hai quan điểm khởi đầu từ hai gốc rễ văn hoá khác nhau. Đến khi Khomeini đòi giết Rushdie thì một vấn đề khác lại bùng nổ: quyền tự do tuyệt đối của người nghệ sĩ.

Chúng ta dễ chấp nhận quan điểm Tây Phương, ta không quen suy nghĩ như người Hồi Giáo, nhưng chúng ta có thể hiểu được quan điểm của người Hồi Giáo. Ta dễ thấy gần gũi Tây Phương là vì chính người Việt Nam đã từng chịu đựng ách chuyên chế của những chế độ nhân danh tập thể để đàn áp cá nhân. Từ thời các nho gia thủ cựu xưa kia, đến thời các Mác xít gia hủ lậu bây giờ, quyền của cá nhân bị quyền của giới thống trị lấn át. Chúng ta dễ thông cảm với quan điểm Nhân Quyền vì chính ta đã thấy rằng phải bảo đảm những quyền của cá nhân thì mới hạn chế được ách độc tài của nhà nước, nhà nước thời Minh Mạng hay thời Hồ chí Minh cũng vậy.

Tuy nhiên chúng ta cũng hiểu được quan điểm của những người Hồi Giáo ôn hòa, những người đòi cấm Satanic Verses nhưng phản đối án tử hình đối với tác giả. Nhiều dân tộc Hồi Giáo, từ hồi các cuộc viễn chinh của thập tự quân cho đến nay. Thế kỷ vừa qua họ đã chứng kiến các đế quốc phương Tây chiếm chỗ của đế quốc Hồi Giáo Ottoman. Trong hồi ức của cả một tập thể, cuộc tranh chấp vẫn còn đó. Mỗi cá nhân tự thấy nhân cách của mình được định nghĩa một phần bởi nhân cách của cả nền văn hóa Hồi Giáo. Xúc phạm đến tôn giáo cũng là trực tiếp xúc phạm đến họ.

Người theo đạo Hồi nghĩ về vai trò của cá nhân và tập thể khác người Tây phương. Đối với họ biên giới quốc gia không quan trọng bằng ranh giới giữa các tôn giáo. Tất cả những người theo Hồi Giáo thuộc về một cộng thể, dù anh sống ở chân trời góc biển nào anh cũng vẫn chia sẻ quyền lợi và bốn phận của cộng thể đó. Nhiều người Tây phương chỉ trích Khomeini khi ông, từ xứ Iran, ra lệnh lấy đầu Rushdie, một công dân Anh. Hai quan niệm về chủ quyền đối nghịch nhau như trắng với đen.

Theo kinh Koran thì một người bỏ đạo (apostate) đáng xử tội tử hình rồi. Người Hồi Giáo quá khích kết tội Rushdie vì điều luật đó, nhất là Rushdie còn bị coi là phỉ báng đạo. Người Hồi Giáo ôn hòa đã nêu lên điều khoản khác của kinh Koran về quyền tự biện hộ, quyền được bào chữa. Theo họ Khomeini đã vi phạm quyền này.

Cộng đồng nhân loại (gọi là văn minh) không thể chấp nhận việc xử tử hình một người vì người đó bỏ đạo. Loài người đã đi tới thời kỳ mà, vì sự sống còn và phúc lợi chung, các tôn giáo phải độ lượng hơn. Tội của Khomeini chính là tội vi phạm vào quy ước về sự bao dung, độ lượng đó.

Nhưng còn sự xung đột giữa quyền tự do ngôn luận (của tác giả Rushdie) và quyền có phẩm giá và phẩm giá được tôn trọng thì sao? ở Canada những người reo rắc lòng thù hận (hate literature) nhắm vào một nhóm người khác (Do Thái, Da đen, da vàng) bị coi là phạm một tội hình. Nhưng hình luật chỉ nhắm bảo vệ các quyền sống an ninh cho các nhóm đó thôi, chuyện tín ngưỡng bị xúc phạm không thuộc phạm vi của luật. Đây cũng là biểu trưng của tinh thần duy lý Tây phương. Ngay đối với một người Việt, bị người khác xâm phạm tài sản hay đánh đập mình, mình cũng không cảm thấy đáng giận bằng bị người ta lôi ông cha mình ra chửi, Đối với người theo Hồi Giáo, mang giáo chủ họ ra rồn còn nặng hơn bị "đào mồ cuốc mả" ông cha nhiều. Nhiều người Tây Phương cũng tỏ ra thông cảm với nỗi giận dữ của dân theo Hồi giáo. Trong bất cứ một tập thể nào, có những lúc mọi người muốn hy sinh cả danh dự, cả các nguyên tắc, giá trị của riêng họ, để bảo vệ cái mà họ cho là danh dự chung của tập thể. Thánh kinh Koran bao trùm đến tất cả cái sinh hoạt của người theo đạo, vì thế ý thức về tập thể của họ lại càng mạnh mẽ. Nếu muốn so sánh, phải so sánh với giáo hội Thiên chúa giáo thời Trung Cổ. Báo The Economist ở Anh (3 March 89) trong một bài bình luận đã nhận xét rằng: "Những người đốt sách ở Bradford và đập phá ở Islamabad sống cách thời giáo chủ Muhammad một khoảng thời gian ngắn hơn khoảng thời gian từ khi chúa Ky Tô ra đời cho đến thời Torquemada." Torquemada (1420-1498) là một đại phán quan của Pháp đình sử dân phản giáo ở Tây Ban Nha (Inquisition), một tay ông đã ra lệnh thiêu sống mấy ngàn người Do Thái. Thiên chúa Giáo đã vượt qua sự phá hoại của những kẻ cuồng tín như Torquemada, để cho đức bao dung, óc cởi mở được nuôi dưỡng niềm tin của lòng bác ái. Hồi giáo cũng là một tôn giáo của lòng nhân từ, lòng tha thứ. Đó cũng là một tôn Giáo còn trẻ. Tôn Giáo này cũng sẽ vượt qua cơn phá hoại của những kẻ cuồng tín như Khomeini.

Nhưng chúng ta không thể sống ở ngoài bối cảnh lịch sử. Từ hơn thế kỷ qua các nước Tây phương đã thống trị các nước Hồi giáo, đã bóc lột họ về kinh tế, đã mang các tập tục, tín ngưỡng, khoa học, kỹ thuật mới, đến thay đổi cả nếp sống cổ truyền của người Hồi giáo. Đó là một cuộc xâm lăng về văn hóa. Để chống trả lại, phong trào về nguồn của họ là một phản ứng không tránh khỏi quá khích. Vết ám ảnh về cuộc tranh chấp lưu truyền này, người Hồi giáo dễ ngộ nhận rằng việc các nước Tây phương bình vực Rhusdie không phải là do lý tưởng nhân quyền, mà vì là họ chỉ muốn ủng hộ Rhusdie để bôi nhọ tôn giáo cũ của anh ta. Chính Rhusdie đã viết thư cho thủ tướng ấn Rajiv Gandhi rằng: "trong tiểu thuyết này tôi muốn đưa ra nhận định của tôi đối với hiện tượng (Thượng đế) mặc khải (cho giáo chủ Muhammad) và sự ra đời của một tôn giáo lớn."

Các nhà văn Hồi giáo có thể phê bình rằng những gì Rhusdie viết toàn là những chuyện cũ đã được bàn tán từ nhiều năm nay. Rhusdie chẳng qua chỉ đem viết lại, trong vài chương của một cuốn tiểu thuyết, cốt ý làm thành gay cấn, cốt thu hút độc giả của anh mà thôi. Một chủ tâm không có triết lý tôn giáo. Chỉ có lý do thương mại. Mà đem thương mại hóa những câu chuyện về tín ngưỡng của mấy trăm triệu người, như vậy có phải là có trách nhiệm hay không?

Ngay cả những người không theo Hồi giáo, những người đã cực lực lên án Khomeini, cũng nhiều người không coi tác giả cuốn sách *Satanic Verses* là có tinh thần trách nhiệm. Trong thế giới Tây phương, một cuốn phim như "Cơn cám dỗ sau cùng của chúa Kytô" chỉ làm những người mộ đạo bực mình, nhưng không cảm thấy bị xúc phạm nặng nề. Họ biết cuốn phim (hay cuốn truyện của Kazansaki) là chuyện chơi, các tác giả không cố ý xúc phạm. Tinh thần cởi mở ôn hòa đó đã thấm nhuần các xã hội Tây phương từ lâu, nhờ các cuộc tranh luận, cả những xung đột đổ máu, trong mấy thế kỷ qua. Khối người Hồi giáo chưa kinh qua những kinh nghiệm đó.

Rhusdie đã sanh ra trong một gia đình Hồi giáo, đã học về lịch sử đạo Hồi ở đại học tới trình độ Tiến sĩ, không lẽ ông không dè trước các phản ứng của độc giả Hồi giáo? Không lẽ ông không biết rằng đem viết lại các chuyện người ta vẫn nghi ngờ và dè pha về kinh Koran, cho độc giả Tây phương coi, là chích đúng vào vết thương lịch sử của người Hồi giáo, khiến cơn đau đớn lại bùng lên. Khi đặt bút viết nhà văn có nên suy ngẫm về hệ quả của tác phẩm, về tác dụng đối với độc giả, cũng như đối với cả cộng đồng nhân loại quanh mình?

Giả thử Rhusdie hoàn toàn vô tình, không dè trước các phản ứng về cuốn sách, nhưng sau khi vài chục người đã chết vì biểu tình chốn gác của ông, liệu ông có cảm thấy mình có trách nhiệm chăng? Tất nhiên ông có thể đổ lỗi cho bọn lãnh tụ tôn giáo và chánh trị xúi người dân vô tội đi biểu tình, chính họ là thủ phạm. Nhưng ông cũng không thể phủ nhận ông châm ngòi nổ cho cơn điên rồ của bọn cuồng tín đó.

Chính một nhà văn đã từng bị dọa giết vì những người Do Thái quá khích, Roald Dahl, một người Do Thái, chính Dahl đã đề nghị nhà xuất bản nên thu hồi các cuốn *Satanic Verses*, để tránh cho máu khỏi đổ.

Đó cũng là ý nghĩ của tôi. Tiểu thuyết là một tác phẩm của trí tưởng tượng. Có đáng bảo vệ cái quyền tự do tưởng tượng của chính mình để cho người khác phải liêu chết vì tự thấy họ bị điều tưởng tượng của mình xúc phạm chăng? Quyền tự do của một người, danh dự và niềm tin của hàng triệu người khác, bên nặng, bên nhẹ ra sao?

Câu hỏi có thể đặt ra một cách khác: "Bên tình, bên lý, bên nào nặng hơn?" Xét về lý thì quyền tự do phát biểu là quyền bất khả xâm phạm. Cấm đoán một người vì lý do này thì sẽ dẫn tới việc cấm đoán người khác vì lý do khác. Vi phạm tự do ngôn luận, dù viện cớ này hay cớ khác, sẽ có ngày dẫn tới độc tài chuyên chế. Người Việt chúng ta hiểu chuyện này, hiểu cả chuyện cách độc tài chuyên chế sẽ đưa tới sự lụn bại về tinh thần cũng như cảnh nghèo đói, khốn cùng ra sao.

Nhưng xét về mặt tình, thì một người viết văn không thể nào coi quyền tự do của mình là tối thượng, là tuyệt đối. Không thể nào vì cái Nhân quyền trừu tượng đó mà đụng chạm tới lòng tin thấm thiết của cả triệu người khác, và xúc phạm đến danh dự của họ.

Vả chăng Nhân quyền cũng chỉ là sản phẩm của con người, không tự nó có giá trị tuyệt đối. Trong một khung cảnh xã hội khác, một giai đoạn lịch sử khác, người ta có thể nhìn Nhân quyền một cách khác. Còn trách nhiệm của nhà văn thì sao? Các nghề tự do đều có đoàn thể để tự kiểm soát về chuyên môn cũng như đạo lý nghề nghiệp. Luật sư đoàn ý sĩ đoàn giúp xã hội kiểm soát người trong nghề của họ! Nhưng nghề làm văn không thể chấp nhận chế độ tự kiểm soát đó, chỉ vì nghề viết liên quan đến một quyền tự do bất khả xâm phạm. Cuối cùng chỉ có người viết văn đối diện với chính lương tâm của mình, tự kiểm, tự chế nếu cần. Bao lâu nay chúng ta thường nói nhà văn cần có dũng cảm chống lại mọi đe dọa của quyền lực, mọi cám dỗ của danh lợi. Còn một loại can đảm nữa là tự hạn chế quyền tự do của chính mình, vì tình người, vì lòng yêu sự sống, và kính trọng loài người ở quanh mình.

Bàn như vậy kể cũng giống dài, dù câu chuyện Satanic Verses rất đáng bàn, rất đáng nói đến. Bấy nhiêu người chết vì nó cũng đủ để chúng ta thấp một nén hương rồi lòng tự hỏi lòng. Quả như Norman Mailer nói, câu chuyện này dựng lại một niềm tin, niềm tin tưởng vào sức mạnh của văn chương, chữ nghĩa. Nắm một sức mạnh trong tay, trách nhiệm thật nặng nề biết bao nhiêu!.

NIỀM TIN VÀO CHỮ NGHĨA

Chữ nghĩa quả nhiên có sức mạnh. Trong *Thần Thập Rùa Vũ Khắc Khoan* viết "Mã khắc tư cầm bút chia đôi thiên hạ." Dân tộc Việt Nam cũng bị chia đôi, phần ở trong nước, một phần nhỏ ở ngoài, căn nguyên của sự phân chia đó cũng có đôi chút vì ngòi bút Karl Marx. Niềm tin vào sức mạnh của chữ nghĩa, chính niềm tin đó cũng rất mạnh. Những năm 50, 60 ở Việt Nam chúng ta đã thấy bao người ôm hoài bão dùng ngòi bút làm lại lịch sử loài người. Hồ Hữu Tường đề thuyết trung lập chế, Nguyễn

đức Quỳnh lập thuyết để vượt Marx. Những năm 60, 70, cùng với phong trào trở về với *Mẹ Việt Nam* là những cố gắng không ngừng để đào xới trong gốc rễ văn hóa Việt những câu trả lời cho một thời đại mới: Nhất Hạnh, Trần Ngọc Ninh tìm lại đức Phật giữa chúng ta, Kim Định dựng lại chỗ đứng cho Việt nho với triết lý An Vi, v.v. Chúng ta tin ở sức mạnh của chữ nghĩa lắm đó chứ?

Từ năm 1975 đến nay, thành tựu quan trọng nhất của một triệu người Việt ở bên ngoài chẳng phải là sách, báo, thơ, văn đó ư? Từ năm đó, nhất là từ những năm 78, 80, dân tộc Việt Nam đã mở rộng địa bàn sống. Dân tộc đó không còn thu hẹp ở trên mảnh đất tổ tiên truyền lại nữa, họ đã mở mang "lãnh thổ" tới những miền đất mới, mang theo sức sống của truyền thống Việt, mà tiếng nói là một sức mạnh lớn lao nhất! Tiếng nói là sức mạnh đã từng giữ dân tộc đó tồn tại, dù đã có 2000 năm chịu sự tấn công của nền văn hoá Hán tộc, với những giai đoạn mà chính sách, đồng, hóa thật tàn bạo. Cũng chính tiếng nói đã giữ khối người Việt ở nước ngoài kết hợp lại, và giúp họ luôn luôn thấy mình vẫn là một phần của dân tộc Việt. Văn học ở hải ngoại chúng tôi lòng yêu tiếng mẹ và niềm tin vào tiếng mẹ. Đây là một hiện tượng có một không hai. Một triệu người ở bên ngoài đóng góp cho nền văn học của dân tộc nhiều hơn cả những đóng góp của sáu mươi triệu người ở bên trong, vì sáu mươi triệu người đó bị kìm hãm về tư tưởng, về chánh trị, về kinh tế, với một chánh sách bế quan tỏa cảng thật hủ lậu. Niềm tin ở chữ nghĩa đối với người Việt ở bên ngoài là tin rằng với hoàn cảnh tự do của chúng ta, chúng ta sẽ gìn giữ gìn giữ mối của dân tộc để bù lại cho những gì mà người ở trong nước không được phép làm.

Hoàn cảnh tự do còn cho chúng ta cơ hội tiếp xúc với các trào lưu văn học của thế giới. Chúng ta làm việc cho văn học nghệ thuật trong một không khí tranh đua. Thực tình không có gì cần phải tranh đua với những người ở trong nước, vì họ không có tự do để thi triển hết khả năng của họ. Cuộc thi đua lớn chính là ta trên văn đàn quốc tế. Chúng ta đã có may mắn thoát khỏi cái đáy giếng, đã nhìn thấy bầu trời rộng, cho nên chúng ta cũng sẽ rũ sạch được cái "tinh thần tỉnh lẻ" mà người Việt ở trong nước vẫn còn mang nặng. Biết ưu điểm, biết nhược điểm của mình, *không mặc cảm và không ảo tưởng*, đó là những căn bản thuận lợi để nền văn học Việt Nam tiếp tục phát triển trên khắp thế giới.

Nhưng thách thức lớn của người Việt làm văn học, nghệ thuật trong hoàn cảnh tự do vẫn là làm cách nào sử dụng hoàn cảnh tự do của mình để làm trọn sứ mạng đối với văn học dân tộc. Nghĩ đến trách nhiệm của mình, không phải chỉ đối với những độc giả ở ngoài nước, mà với cả dân tộc, cả lịch sử. Chúng ta cần một niềm tin lớn lao hơn vào tiếng nói, vào văn chương, cần sử dụng chữ nghĩa một cách cẩn trọng hơn nữa. Gần đây trên

báo chí đã có người đặt vấn đề sự vắng mặt của bộ môn phê bình văn học. Quả thật đó là một thiếu sót. Từ hơn mười năm qua, những người bình luận sách chỉ nhắm giới thiệu những ưu điểm của thơ, văn, trong chỗ bạn bè. Hình như trong tâm thức của cộng đồng chúng ta, chúng ta rất nương nhẹ đối với nhau, vì thấy cần khích lệ nhau để tạo một niềm tin tưởng chung vào khả năng của cả phần dân tộc ở bên ngoài trong việc xây dựng văn học Việt Nam. Giai đoạn đó bây giờ đã qua. Chúng ta thật sự tin tưởng vào khả năng của người cầm bút hải ngoại rồi. Đã sang tới giai đoạn mà những bài phê bình thẳng thắn sắp xuất hiện, những cuốn sách phê bình đang thành hình. Điều này đánh dấu sự chuyển biến trong tâm thức cộng đồng của người Việt hải ngoại. Tự tin hơn, có tinh thần trách nhiệm hơn, văn chương sẽ đưa tới những thành tựu lớn hơn. Nhờ con mắt soi mới của những người phê bình có ý thức. Không mặc cảm, không ảo tưởng, chúng ta sẵn sàng mở những cánh cửa lớn, những khung trời rộng.

Một tác giả ở hải ngoại nhận được tin người bạn ở trong nước đã ra khỏi cảnh tù. Người bạn cho biết đang đọc cuốn sách của anh, xuất bản năm trước ở hải ngoại. Cảm tưởng đầu tiên của tác giả là vui mừng. Thật không ngờ sách báo lại được len lút truyền vào trong nước nhanh như vậy. Không ngờ mình còn được gần gũi với bạn bè như vậy. Nhưng cảm tưởng thứ hai là một nỗi lo lắng. Sau mười năm tù đầy, một người bạn không chịu khuất phục, bây giờ trở về cầm một cuốn sách trong tay. Rồi một ngày Phan nhật Nam cũng sắp đọc cuốn sách đó. Doãn quốc Sỹ cũng có thể đọc. Tuệ Sỹ cũng sẽ đọc. Người có tự do ở bên ngoài phải viết thế nào cho xứng đáng với những độc giả đó? Phải xứng đáng với trái tim nóng của Phan nhật Nam, nụ cười hiền của Tú Kếu, lòng nhân ái của Doãn Quốc Sỹ, ngọn bút hào hoa của Hoàng hải Thủy... Chính vì họ không được viết mà chúng ta phải kính trọng chữ nghĩa hơn, cũng như tin tưởng ở chữ nghĩa hơn.

*

Đỗ Quý Toàn.

* Panika,Rainmundo- " La notion de Droits Humains est-elle un concept occidental?" - *Diogenes* No.120, 1982 - và *Interculture* No. 82, 1984 trang 3-26 (Montréal, Canada)

THƠ TÌNH KIỂU NGUYỄN SA

Trần Dạ Từ

Nó ở đâu ra. Cái nhe răng
Nó ở đâu ra. Cái trợn mắt
Nó ở đâu ra. Cái gầm gừ
Nó ở đâu ra. Móng và vuốt

Chúng ta đã gỡ gỡ. Đã hẹn hò
Đã ôm ấp. Đã vuốt ve
Đâu thấy có nó

Chúng ta đã yêu đương. Đã sinh nở
Đã ghen tuông. Đã giận dữ
Đâu thấy có nó

Chúng ta đã xụp đổ. Đã chia lìa
Đã nhắm mắt. Đã tưởng tượng
Đâu thấy có nó

Nó ở đâu ra. Sao nó ra vậy
Cụp nó lại. Dấu nó xuống
Bẻ nó. Chặt nó. Dục nó đi

Khó đấy
Làm cách nào bây giờ
Từ từ. Cần thận nhé
Anh hôn em.

Trần Dạ Từ, 1988

VIẾT CHO CÁC CON NHÂN DỊP TRỞ LẠI MỸ MƯỜI LĂM NĂM SAU.

Nguyễn Xuân Thu

Bây giờ thì ba đang sống trên nước Mỹ. Những ngày cuối đông ở đây vẫn còn lạnh. Có nhiều nơi những tia nắng ấm đã bắt đầu lộ dạng nhưng vẫn chưa đủ để sưởi ấm lòng người. Những cảnh hoa đào ở vùng thủ đô Hoa Thịnh Đốn đang im lìm ngủ yên. Chưa có ở đâu ba thấy xuất hiện mùa xuân.

Trở lại lần này sau 15 năm xa cách, ba thấy tâm hồn mình dâng lên những tâm trạng ngổn ngang. Chẳng biết có phải 15 năm biến đầu của một đời người Việt Nam đã chứng kiến đã làm cho ba có cái nhìn còm cõi hơn hay chính cuộc sống xô bồ ở trên đất nước "văn minh" này đã là chất xúc tác nảy sinh ra những ý nghĩ xót xa? hay cả hai?

Chặng đường đầu tiên ba dừng lại là một thành phố nhỏ của một tiểu bang thuộc miền Trung Bắc Mỹ, nơi đây có một thời ba đã sống trong bốn năm. Những ngôi nhà, những trường học, cư xá sinh viên,...hầu như không có gì thay đổi, chỉ có một vài con đường có thêm nhiều mảng vờ. Những cây cối mùa đông xơ xác tiêu điều như độ nào. Các bạn bè cũ tản mác mỗi đứa một nơi. Một số thầy cũ đã vĩnh viễn ra đi. Một số khác không còn dạy học ở đây nữa. Chỉ còn lại hai vị đã về hưu bảy tám năm nay. Một thầy có một người con trai chết trong chiến trận ở Việt Nam. Vợ thầy cũng đã mất hai năm trước. Còn lại một mình, ông đi đây đó để tìm quên trong những ngày ngắn ngủi còn lại. Thầy kia, giáo sư A.W.Eberle, bệnh hoạn quanh năm. Bà vợ lại đau yếu hơn. Người này dúi dúi người kia, nương tựa vào nhau để sống. Ông bà không có con cháu. Tuổi trẻ có thể giới của họ. Chúng không sống gần người già. Giáo sư Eberle tâm sự ở đây chỉ có

người già còn khỏe sân sóc người già đau yếu. Năm năm trước tương đối còn đi lại được, ông đã săn sóc một ông già mấy năm liền cho đến giờ phút cuối cùng của người ấy. Ba chia xẻ nỗi buồn và sự lo sợ tiềm tàng của những người lớn tuổi. Có nỗi buồn nào hơn tuổi già phải sống trong cảnh quạnh hiu?

Rời khỏi Bloomington, ba mang theo một nỗi buồn man mác. Có lẽ đây là lần cuối ba chia tay những vị thầy ít ỏi còn lại của ba. Rồi ba lên các tiểu bang miền Bắc, qua miền Đông, trở về miền Tây. Ba không có dịp xuống các tiểu bang miền Nam. Mỗi nơi gọi cho ba một số cảm nghĩ, buồn nhiều hơn vui, bàng hoàng hơn thanh thản. Nỗi bàng hoàng đến độ kinh ngạc là với một nước Mỹ giàu có nhất thế giới, có một nền khoa học kỹ thuật tân tiến thế mà tỉ lệ tử vong của trẻ em dưới một tuổi quá cao. Những trẻ em bất hạnh này là sản phẩm của những cuộc hôn nhân chớp nhoáng, của những mối tình quá tự do bất chấp hậu quả, của những bà mẹ còn ở tuổi vị thành niên, thiếu kinh nghiệm nuôi dưỡng trẻ sơ sinh và ly khai khỏi gia đình. Tỷ như những trẻ em này có sống sót thì tương lai của chúng cũng ẻo uột và trở thành những công dân không mấy lành mạnh. Đây là một vấn đề nan giải của xã hội Tây Phương. Thế hệ thanh niên Việt Nam ở hải ngoại thuộc lứa tuổi của các con có khuynh hướng chối bỏ mô thức gia đình cũ. Tự do hôn nhân có mặt đẹp của nó, nhưng có nhiều người chưa thực sự thấy mặt trái đáng kinh sợ của tự do hôn nhân! Ba nghĩ một trong những đóng góp của người Việt Nam ở trên quê hương mới là sự duy trì nền tảng gia đình chúng ta đang có. Thế hệ của các con nên gìn giữ những phần tốt đẹp của nền tảng gia đình mình. Ba hy vọng thật nhiều ở các con.

Một hiện tượng khác ba thấy khá phổ thông đang diễn ra khắp mọi nơi, trong hầu hết mọi gia đình Việt Nam, là việc chạy theo đời sống văn minh vật chất thái quá. Trong những năm đầu, cộng đồng chúng ta dồn mọi nỗ lực để ổn định cuộc sống. Có nhiều gia đình chật chiu từng đồng, từng xu để lo chuyện học cho con em. Đến nay cuộc sống tương đối tạm ổn định. Nhiều gia đình quên hẳn mục tiêu chính của cuộc vượt thoát ra đi. Họ nhảy một nhảy quá xa. Từ việc cố gắng ổn định cuộc sống qua việc lẫn xả vào cuộc chạy đua vật chất: khoe nhà đẹp, khoe xe mới, phô trương sự giàu sang quý phái qua những chiếc nhẫn kim cương, qua những đêm tổ chức dạ vũ tại tư gia, v.v... Mỗi con người, mỗi gia đình từ đó trở thành những cái máy, những tên nô lệ của chủ nghĩa vật chất. Tâm hồn không bao giờ có một chút thanh thản. Bill nhà, bill xe, bill điện thoại, bill điện và bao nhiêu thứ bills khác trở thành những ám ảnh thường xuyên. Họ không còn thì giờ để giáo dục đàn con, để dạy dỗ chúng hành diện với nguồn gốc văn hóa của dân tộc Việt Nam. Có nhiều gia đình khi có tất cả thì con mình không còn thuộc về mình nữa. Chúng đã trở thành những đứa con

lai căng, giữa giòng, không có nguồn gốc. Lỗi ấy thuộc về bậc cha mẹ. Không thể qui trách cho hoàn cảnh. Chúng ta cần phương tiện vật chất để sống. Nhưng nếu quá tôn thờ chủ nghĩa vật chất, chúng ta sẽ trở thành tù nhân của chính chúng ta. Chúng ta sẽ mất hướng đi.

Như nhiều lần ba đã nói với các con rằng mục đích và ý nghĩa chính của sự bất chấp mọi nguy hiểm vượt thoát ra đi là để cho thế giới thấy chúng ta không thể sống trong một chế độ mà mọi quyền sống căn bản con người bị chà đạp. Chúng ta thật sự ra đi là để quyết tâm bảo vệ văn hóa Việt nam, truyền thống và tập tục Việt Nam. Đến sống ở xứ người là đóng góp những giá trị văn hóa mà tổ tiên chúng ta đã tốn không biết bao nhiêu gian lao và trí tuệ để truyền lại cho chúng ta. Nhưng tiếc thay, một số lớn đã quên đi mục tiêu cao cả ấy! Chúng ta đã phản bội chính chúng ta. Chúng ta đã phản bội bao nhiêu thế hệ người đã nằm xuống cho lý tưởng chung và phản bội cả những bằng hữu, thân quyến của chúng ta còn ở lại trên quê nhà.

Đọc đến đây có lẽ các con nghĩ rằng chuyến đi Mỹ kỳ này chỉ tô đậm thêm những ưu phiền trong tuổi già của ba. Không. Trong chuyến đi này, bên cạnh những bằng hoàng, kinh ngạc, bên cạnh những lỗ lã của một số người không làm chủ được đời mình, ba cũng đã gặp được một số người thuộc nhiều thế hệ có những ưu tư, tình cảm và suy nghĩ khiến ba không đến nỗi hoàn toàn bi quan ở ngày mai. Tương lai không còn nằm trong thế hệ của ba, của những người chỉ còn có năng lực chính là thốn thức và ưu tư. Tương lai nằm trọn trong thế hệ trẻ, thế hệ của các con.

Đã nhiều lần ba suy nghĩ về suy nghĩ về dáng vóc, tâm tư và lý tưởng của thế hệ trẻ Việt Nam ở hải ngoại. Ba đã cố tìm tòi, cố hình dung. Một người thanh niên Việt Nam lý tưởng ở hải ngoại không thể là mẫu người như John và Jacqueline Kenedy của Mỹ trong thập niên 1960. Lại càng không thể là hoàng tử Charles và công nương Diana của Anh quốc hôm nay. Cũng không phải là những con người trong tuần làm việc cần cù để kiếm tiền trả nợ và cuối tuần cho gia đình giải trí ở các hý trường, vũ trường hay trên các sân banh, sân đua ngựa, đua chó. Mẫu người lý tưởng ba đã tìm thấy ở một số người rất trẻ: Một chị Lê thị Ngoan ở Chicago điển hình của một người đàn bà thông minh, nhanh nhẹn, chính xác, trầm lặng; Một cô luật sư rất trẻ, Wendy Như Nguyễn, trưởng thành trong hệ thống giáo dục Hoa Kỳ, nhưng còn giữ nguyên vẹn tâm hồn Việt Nam. Cô sắc bén và chính xác trong cả hai ngôn ngữ Việt, Anh. Cả hai đều là những mẫu người điển hình của tài năng. Dĩ nhiên còn có bao nhiêu người khác nữa mà ba chưa gặp. Nguồn vui của ba trong chuyến đi này là thấy có những con người Việt Nam bằng xương, bằng thịt có thể làm mẫu người cho thế hệ trẻ của các con noi theo. Đào tạo nên được những con người như thế

không phải là điều ngẫu nhiên. Gia đình chắc chắn đã đóng giữ một vai trò trọng yếu. Ba tin tưởng như thế.

Tuổi xanh trôi qua rồi ba không tiếc. Những đau đớn và sương gió của cuộc đời có làm cho ba xót xa, tê buốt thật. Nhưng nỗi xót xa nhất của ba, như mẹ con có lần ghi lại trong nhật ký, trích từ một câu của một nhà văn nào đó, là "gió mùa đông không lạnh bằng sự bạc bẽo của lòng người." Ba nghĩ và có thể không đúng, là sự phản bội của chúng ta, những người sống trên quê hương mới, là không đóng góp được gì có ý nghĩa cho xã hội mình đang sống, và sự đóng góp có ý nghĩa nhất, theo ba nghĩ, là sống một cuộc đời hợp với đạo lý làm người: Nguồn đạo lý mà tổ tiên Việt Nam đã truyền lại trong mỗi một chúng ta, một nền đạo lý có thể giúp các con sống một cuộc đời có phẩm giá.

Ba tạm ngừng với hy vọng rằng thế hệ của các con sẽ không làm cho ba cảm thấy lạnh lẽo trong tuổi già.

Nguyễn xuân Thu.

Tháng 3, 1989

Nếu bạn đã mỏi mệt căng thẳng trong lao động
Nếu bạn đã quá ngán những cuốn sách khô khan,
Hãy tìm đọc tuyển tập truyện tình:

NGOÀI ĐÊM

của **THẾ UYÊN**

Những truyện tình lãng mạn nhất,
nhưng cũng đam mê bốc lửa gay cần nhất
của văn học hiện đại.
XUÂN THU xuất bản, \$7.00

TRÊN TẦNG MƯA

*Trên tầng mưa ruộng tôi
Thêm thù nghìn rặng chuyển trời
Những góc rạ huyền thạch lâu đời
Những nén đất thô không chằm sinh lực*

*Bao nhiêu năm rồi tội ác lên cỏ cây đất đá
Hoang hương mùa màng
Giọt mưa ôi những giọt mưa bàng hoàng vô lối
Cây xà nu cắm giữa đồng bằng
Cao không đầy một vóc
Đường vũ trụ một chiều đo đạc
Cắm giữa tim hồng dao và mác
Mặt trời mọc lưng sào
Trăm đầu dòng ngược lên núi
Lúc chiều tà người nông phu tự ái
"Lúc về chiều, chiều ơi!"...
Đêm chuông ác thú mở ra
Con quái đản thiện thành
Săn tìm kẻ cô đơn trốn lánh thiên đường
Những tội nhân không chờ dị mộng*

Bao năm rồi thành phố hoang tàn bỏ phế
Những vết da nứt cổ thành rạn đau
Những cánh chùm gởi mọc lan ngoài ghế đá
Hồn trầm cô đơn trần trụi thân nhộng
Suốt bờ lê hôn ám
Me già mở mắt buồn trông
Những em bé thoát thai từ mạng nhện
Lớn lên bằng gai góc
Bằng lau sậy mọc chồn bãi rác
Trận đồ tương lai cuồng nộ phát sinh
Bấy lửa và nọc độc

Trên tầng mưa động tối
Mưa đã câu lưu trên thập giá đời

Hoàng Xuân Sơn
(Trích Phần Nộ)

ÁNH MẶT TRỜI BẮT TẬN

Trần Thị Kim Lan

Qua điện thoại tôi nghe rõ một giọng nói trầm và ấm có pha chút điệu cợt:

Tôi reo vui:

- Ô, anh Juan. Anh đang ở đâu vậy?

- New York.

- Làm gì ở đó?

- Dự một cuộc hội thảo. Tôi là thuyết trình viên. Chiều mai sẽ về Boston. Trang có rảnh không? Mình làm một cuộc hẹn hò lớn. Ha ha ha. Ăn uống một trận ngon lành. Tôi có chỗ này đặc biệt đãi Trang.

- Đi đâu mất công. Tôi nấu anh ăn. Thử món nào của Việt Nam chưa? Ngon nhất thế giới. ỷ chết, thôi không được. Lần sau đi. Quên nữa. Tôi có một cuộc họp, sợ về trễ nấu nướng lu bu mất vui.

- Đừng bận tâm chuyện đó. Trang biết khách sạn Sheraton ở Prudential không? Nhà hàng sang và có nhiều món rất khá.

- Biết chứ. Biết rõ hơn cả khách hàng. Tôi có làm bồi ở đó.

- Thôi đừng đùa nữa.

- Không đùa đâu. Tôi nói thật thiệt mà.

- Thật quá tưởng giả.

- Và giả quá tưởng thật! Ha ha. Anh về Boston có chuyện chi?

- Trang quên là tôi tranh đấu bằng mồm sao? Xin nghỉ bệnh một ngày đi nghe tôi diễn thuyết. Lệnh đó! Tôi muốn Trang nhìn thấy tôi trên diễn đàn. Tối mai có phải làm gì không? Cho tôi được mấy tiếng?

- Tôi thì lúc nào cũng có việc. Nhưng tôi ngán quá. Đi chơi nói chuyện với anh vui hơn. Có điều phải về sớm. Bỏ thằng nhỏ ở nhà một mình tội nghiệp.

- Dẫn nó theo.

- Được không?

- Được quá đi chứ. Minh sẽ làm thành một gia đình nho nhỏ. ầm ỉ! Ha ha ha. Đứng bảy giờ nhè. Tại Shereton phòng số..., điện thoại số...Ghi xuống chưa. Tôi về tới tắm rửa sạch sẽ chờ Trang.

- Tốt. Tôi thích người sạch sẽ.

- Ha ha ha. Khá lắm. Nhớ để bụng đói ăn cho bạn ngon. Bye.

Tôi với Juan thường xuyên tiếp xúc qua điện thoại, nhưng chỉ gặp nhau thoáng qua vài lần. Dịp này tôi quan sát anh kỹ hơn. Juan người cao lớn, da cà-phê sữa đậm. Tất nhiên rồi. Cô bạn thân của tôi bao giờ cũng bị màu đen quyến rũ dễ dàng. Người yêu của nó từ trước đến nay nếu không đen đậm cũng đen nhạt. Có lẽ tại nó trắng quá. Hấp lực tương phản chăng? "Hai cực giống nhau thì đẩy nhau. Hai cực khác nhau thì hút nhau." Bài học vật lý phần đó thật dễ nhớ. Juan có những nét tiêu biểu của các dân tộc da đen. Mút, mũi, miệng, tay, chân đều to. Đáng chú ý ở anh là đôi lông mày rậm thường nhú lại hơn giãn ra. Cái nhìn đôi khi thấy sợ, nhất là lúc anh muốn người khác làm theo ý anh. Tôi cứ tò mò nhìn kỹ một người đàn ông như thế mà không thấy ngượng vì đó là nhiệm vụ của tôi. Bạn tôi từ đảo Guam điện thoại qua gọi cho tôi "sứ mạng" gặp gỡ người yêu của nó để cho ý kiến. Và chắc nó cũng bắt Juan xử điều với tôi. Vậy là hai bên thân thiện nhau theo lệnh của người thứ ba: Loling Hamilton, người đàn bà đáng yêu trong lòng của bất cứ ai biết đến, và là người thân thiết nhất của Juan và tôi.

Juan đón mẹ con tôi bằng nụ cười niềm nở sẵn đón và vòng tay thân tình chắc chắn. Anh vừa máng áo cho chúng tôi vừa vui vẻ hỏi thăm. Thăng bé được anh xoắn xít hơn, hỏi nó thích ăn gì, học hành ra sao, chọc nó cười, chỉ cho cách sử dụng TV về chương trình đặc biệt có các phim đang ăn khách mới nhất. Nó mừng vì khỏi phải lo ngồi chịu trận cho người lớn nói chuyện, cười cười đưa cho tôi quyển vở và cây bút chì thủ sẵn để vẽ cho đỡ chán. Thấy vậy Juan cười lớn, bảo nó giống hai đứa con sanh đôi của anh, lấy ảnh gia đình anh ra khoe với chúng tôi, và vỗ vai thăng bé hỏi:

- Cháu có mê chơi game không? Hai thằng lỏi của Bác cứ buông bài vở ra là ôm riết cái Nintendo. Bác đi vắng như thế này là hai thằng được dịp thức khuya. Hy vọng chiều mai về kịp ăn tối với chúng nó. Cháu biết gì không, tụi nó giống nhau quá Bác nhầm hoài. Hồi chúng còn nhỏ thay tả cho một thằng xong, xây qua xây lại quên mất đã thay cho đứa nào! Ha ha ha. Tối đây ngồi cháu.

Juan vừa nói vừa kéo ghế bành đặt trước TV, ấn thăng bé ngồi xuống, xoa đầu, chúc nó xem phim vui rồi quay sang tiếp tôi.

- ủa, không ai đói sao? Tôi đói lắm rồi đó. Kia thằng con trai Số Một, tắt TV mình đi ăn, con.

Thấy thằng bé do dự vì đang mải mê theo dõi Eddie Murphy trong phim "Coming to America", anh đề nghị:

- Hay là mình cứ ngồi đây gọi bồi mang thức ăn vào phòng.

Cả hai mẹ con tôi đều hưởng ứng. Riêng phần tôi qua một ngày cực nhọc lười xuất hiện chỗ đông người.

Juan ăn ngon lành, ăn háo hức. Vết sạch. Anh nghiêng đĩa cho tôi xem và giải thích:

- Thuở nhỏ nghèo quá lúc nào cũng đói. Ăn như thế quen rồi. Với lại tôi thấy không cần thiết phải giữ ý tứ với Trang.

Tôi cho anh thêm mấy miếng khoai chiên và hỏi đùa:

- Anh không chứa vài miếng cho nền văn minh thế giới sao?

Juan chỉ một chút nước sốt dính trên đĩa đáp:

- Nền văn minh này có khối điều thiếu văn minh. Chứa chừng ấy đủ rồi. Ha ha ha. Nào sang sofa ngồi cho thoải mái. Cà-phê nhé?

Juan tợp một hớp cà-phê. Anh nhăn mặt. Tôi xin lỗi đã đề nghị uống loại cà-phê không còn tinh chất cà-phê. Anh lắc đầu nhưng không có vẻ gì tỏ ra tha thứ cho tôi cả. Rồi đột nhiên anh cúi mặt chìm đắm ở đâu đó. Tôi ngồi im lặng. Một lúc anh gục gặc đầu cười nhẹ, nói một hơi như đang đọc một đoạn văn đã dợt đi dợt lại nhiều lần:

- Vâng, tôi yêu nàng. ánh mặt trời bất tận của đời tôi. Tôi được nàng như bắt gặp châu báu trời cho. Từ khi có nàng tôi thấy tâm hồn yên lành thanh thản lạ. Tôi bớt xả thân vì công việc. Tôi bắt đầu sống từng giây phút tôi đang có. Nàng là tất cả Trang biết không, nàng là một thiên thần giữa cuộc đời xấu xa, một tâm hồn trong sạch mãi mãi còn trinh nguyên. Với tôi nàng là người tình tuyệt vời, người bạn tâm đắc, một đồng nghiệp để nâng đỡ và bổ túc cho nhau... Có những đêm chúng tôi nói chuyện đến hai, ba giờ sáng. Nhìn nhau không chán mắt. Yêu nhau hơn tất cả ngôn ngữ trên thế giới này có thể diễn tả được. Trí tuệ nàng là nguồn kích thích cho tôi hằng say sáng tạo. Chúng tôi gặp nhau trong tình yêu và cả trong lý tưởng sống... Thật là hoàn hảo...

Juan ngập ngừng đôi chút rồi tiếp tục:

- ... Và... và sự nồng nàn, sự nồng nàn của chúng tôi Trang không thể tưởng tượng được đâu, dữ dội lắm.

Anh ngưng nói, ngẩng mặt lên cười, bối rối và tự hào. Tôi nhắc:

- Chúng tôi là bạn thân đã lâu lắm rồi Juan ạ. Hiểu nhau nhiều lắm. Có lẽ nó gặp đúng người.

- Tôi tin thế. Nàng yêu tôi. Một người giòng giỏi hoàng gia yêu một thằng trôi sông lạc chợ như tôi.

Tôi ngắt lời anh:

- Anh nói hơi quá. Quả thật mẹ của Loling thuộc giòng quý phái Tây Ban Nha, nhưng cha nó là người Mỹ mà.

- Vẫn biết thế. Nhưng yêu nàng, tôi thấy tôi chẳng là gì cả. Ôi, nàng thật tuyệt vời. Tôi yêu nàng biết bao nhiêu. Tình yêu đến bất ngờ như giấc mơ đẹp... Và ở tuổi tôi, Trang nghĩ xem, ở tuổi tôi! Lại là một người đàn ông ly dị, một mình chăm sóc ba đứa con. Làm sao tôi tưởng tượng được tôi đang có tình yêu!

Anh xoay người đối diện với tôi, giã đôi chân mày, mừng rỡ khoe:

- Các con tôi yêu mến nàng. Trang có tin nổi không, chúng nó muốn tôi cưới nàng! Cả gia đình tôi đều thương quý nàng.

Tôi không dẫn được tò mò hỏi:

- Nhưng sao hai người chưa lấy nhau?

Juan xuống giọng:

- Tôi thấy tôi không có quyền đem nàng ra khỏi quê hương nàng. Tôi xem nàng như bảo vật của quốc gia. Có mấy người phụ nữ trên đảo nhỏ đó có trình độ thạc sĩ và tận lực phục vụ đồng bào mình? Tôi để nàng quyết định. Nàng đã đau khổ quá nhiều vì cuộc hôn nhân trước - và tôi cũng vậy - nên tôi hiểu. Tôi muốn nàng được hạnh phúc trọn vẹn từ đây về sau. Nhưng tôi sợ. Một kẻ xuất thân từ giai cấp bản cùng như tôi có thể nào đem lại hạnh phúc cho người đàn bà sang cả và cao quý ấy không?

Tôi không dám phát biểu chi hết. Hai nhà xã hội học, hai con người tài trí yêu nhau, tất họ sẽ có cách. Có lẽ sự im lặng của tôi làm cho Juan chợt nhớ cái nhiệm vụ tiếp khách của anh. Anh lại trở nên ồn ào, hỏi thằng bé phim ra sao, giải thích rõ một vài đoạn về tâm lý của vai Hoàng Tử Phi Châu giả dạng thường dân sang Mỹ tìm tằm chân tình nơi một người con gái đẹp. Xong anh rủ tôi điện thoại về Guam. Bạn tôi không có trong phòng làm việc. Chỉ để máy trả lời. Juan nói vào máy:

- Loling, anh yêu em. Anh yêu em vô cùng. Anh hiện đang ở khách sạn Sheraton. Em đoán xem ai đang ở đây: Trang và thằng con trai yêu quý của chúng ta! Tụi anh vừa ăn xong vui vẻ lắm. Anh nhớ em.

Juan trao điện thoại bảo tôi nói vài câu. Tôi nói xong, nhại giọng ồm ồm của Juan đọc lại hai câu thơ của anh. Anh thích chí cười to. Tôi vừa gác máy thì anh lại nhắc lên gọi về nhà riêng của Loling. Tôi nghe anh nói:

- Cô chừng nào về? Bảo với cô là cô rất đẹp và tôi yêu cô. Nhớ nhé.

Tôi hỏi:

- Anh nói với ai vậy?
- Với chị giúp việc trong nhà.

Khi chúng tôi từ già ra về Juan căn dặn thằng bé xin nghỉ học để đi nghe anh nói chuyện. Thằng bé hứa sẽ thuyết phục mẹ nó. Juan mở tủ áo lấy ra một bó hoa dẫu sẵn trao cho tôi và nheo mắt chờ tôi phản ứng. Tôi ngạc nhiên, tỏ ra mừng rỡ và cảm ơn rồi rút cho hợp phép lịch sự của Mỹ, nghĩ bụng sẽ không quên tả lại cảnh này cho Loling nghe. Thật ra trong thâm tâm tôi không vui. Juan làm một cử chỉ đẹp nhưng tôi thấy không cần thiết. Không biết tại tôi hay tại tập quán của xứ tôi ít khi có tiết mục đó. Anh tưởng tôi mừng thật nên hết sức hài lòng, bảo anh cố chọn đúng lứa hoa cho tôi thưởng thức được lâu. Đoạn anh vỗ vai thằng bé dặn dò:

- Bảo vệ mẹ con nhé. Con cũng nên bắt đầu học tiếng Tây Ban Nha đi. Bác đang cất nhà ở Puerto Rico. Hai mẹ con về đó tắm biển. Ngày mai nhé!

Ra ngoài con tôi hỏi:

- Bộ Bác ấy giàu lắm hả má?
- Ừ con. Chỉ cần Bác trả tiền điện thoại chừng ba lần gọi về cho Loling là đủ cho mẹ con mình sống một tháng.
- Bác làm nghề gì vậy má?
- Giáo sư Đại Học. Nhưng Bác làm tiền nhiều nhờ chương trình nói chuyện của Bác trên đài truyền hình. Ngoài ra Bác còn là một thuyết trình viên có tiếng trong và ngoài nước. Thỉnh thoảng Bác tặng cả một số tiền lớn cho các hội từ thiện.

- Lớn lên con sẽ giàu và tử tế như Bác.

- Được vậy má mừng. Hồi bằng tuổi con má chỉ thích nghèo, rằng nghèo là cao quý, giàu là xấu xa. Chắc bị ảnh hưởng những chuyện cổ tích thường ca ngợi người nghèo.

Thằng nhỏ vỗ lể cười to:

- Ha! hèn chi má nghèo!

Tôi bước vào hội trường huyền ảo. Hàng trăm thính giả đang ổn định chỗ ngồi. Những chiếc ghế bọc nhung màu gạch tạo sự trang nhã và sáng sủa trong gian phòng rộng mênh mông. Juan trong bộ đồ lớn cất khéo trông anh quan trọng hẳn. Anh có phong cách của một nhà hùng biện. Cử chỉ rất tự nhiên và bình thản. Cái đầu to và hói phía trước nổi lên giữa những chuyên gia tên tuổi đang vây lấy anh chào hỏi. Thấy tôi Juan vội bước đến đưa tôi vào giới thiệu cùng bạn bè. Nhìn vẻ ân cần trang trọng của Juan đối với tôi, ai cũng nghiêng người bắt tay, giọng đầy cảm kích nói rất hân hạnh được có sự hiện diện của tôi. Tôi chỉ biết mỉm cười, thầm

thông cảm cho sự lầm tưởng của họ. Juan xin kiêu đưa tôi đến chỗ ngồi. Anh kể tai tôi nói nhỏ:

- Nàng gọi tôi sáng nay. Ôi nàng thật là tuyệt. Tôi yêu nàng. Nàng bảo nghe tiếng Trang mừng quá, để máy nghe đi nghe lại những mười bốn bận. Thằng bé đâu?

- Nó có bài thi không đến được.

Tôi ngồi xuống quan sát chung quanh, đưa mắt đọc hàng chữ to, đề tài của cuộc hội thảo: "Sự biến đổi trong nghề nghiệp: "Từ ánh đèn dầu đến tia laser và xa hơn nữa..." Tôi nghĩ thầm: "Chắc ý nói khoa học kỹ thuật đã và đang tiến bộ khá xa, vậy thì những ai có trách nhiệm trong ngành khoa học nhân văn phải thay đổi thế nào cho phù hợp. Chẳng biết có đúng không. Toàn những ý tưởng cao siêu. Chịu thôi. Để coi."

Khách danh dự từ các quốc gia khác lần lượt được giới thiệu lên sân khấu ngồi hai bên. Juan đứng giữa sau bục giảng. Anh thử micro và bắt đầu bằng câu nói: "Các bạn thấy tôi rõ chưa? Tôi đẹp trai quá phải không? Vậy mà có lúc tôi nghĩ là tôi xấu xí!" Mọi người cười rộ. Tiếng cười như chất kích thích đầu tiên truyền vào cơ thể anh. Tiếng anh lớn dần, lớn dần, vang dội cả hội trường. Rồi bỗng như tổ nhập vào anh, anh la hét, gào giong, nhại đủ kiểu nói của từng mẫu người, từng lớp giai cấp trong xã hội. Anh ngoẹo cổ, rún người, nhảy tung lên. Anh lau mồ hôi trán, im lặng bất thành linh, rồi đột ngột chỉ tay vào thánh giả nhấn mạnh từng chữ, lái đi lái lại từng lời quan trọng anh muốn mọi người thu nhận và ghi nhớ. Tiếng vỗ tay hoan hô rầm rập, tiếng cười ồ chốc chốc làm nhộn cả hội trường. Tôi nhìn điệu bộ anh, nhìn người đàn bà đứng cạnh anh đang múa tay, vận dụng hết các cơ trên mặt để ra dấu cho một số thánh giả không nghe được tiếng nói, chỉ một lúc đã thấy rối mắt mất tập trung. Tôi cúi mặt lắng tai nghe chỗ được chỗ không. Phần thì tiếng cười át cả tiếng nói, phần có đoạn tôi hiểu không kịp. Tuy nhiên tôi cũng nắm được một số ý chính. Anh la lớn cho mọi người biết rằng anh xuất thân từ khu ổ chuột ở New York. Mẹ bỏ vợ, anh đã nhiều lần nhìn những đứa trẻ khác và tự hỏi vì sao chúng có thể lớn lên mà không có vết sẹo nào trên thân thể. Anh có tất cả chín vết sẹo. Và anh là người tốt. Dần dần anh được biết con người ai cũng có những vết sẹo, nhưng ở những chỗ khác nhau. Hoặc ẩn hoặc hiện. Anh nói tất cả chúng ta dù thuộc nhóm dân đa số hay thiểu số trên xứ này đều là nạn nhân cả. Chúng ta đã gán cho sự vật một ý nghĩa và chúng ta làm nô lệ cho ý nghĩa đó. Mái tóc quăn quít đứng sững của anh tự nó không có gì sai lầm cả. Vậy mà có một thời anh đã tin rằng chỉ có những mái tóc dợn sóng, mềm mại rũ xuống trán mới thật là đẹp. Anh đã từng đêm ngày mơ ước có được một mái tóc "say sóng" như thế để hất lên nhẹ nhàng khi chơi bóng rổ! Chỗ này anh ngưng nói, hất thử mái tóc hoa râm của anh

cho thánh giả xem. Và lẽ dĩ nhiên tóc anh đứng yên không một chút lay động. Mọi người cười ngất, người cười trước người cười sau, tùy theo hiểu nhanh hay chậm. "Điều quan trọng là." Anh nói tiếp. "làm thế nào chối bỏ sự phủ nhận của kẻ khác về mình hơn là chối bỏ chính mình." Anh tin nước Mỹ cần thêm nhiều bài toán cộng. Có những sự việc phải cộng thêm chứ không trừ bớt. Anh đồng ý là muốn thành công trong xã hội Mỹ không thể nào không giỏi tiếng Anh. Nhưng tại sao chỉ có tiếng Anh thôi? Tại sao chúng ta nói tiếng Anh cộng với kỹ thuật mà không nói tiếng Anh cộng với tiếng Tây Ban Nha, tiếng Anh cộng với văn hóa Trung Hoa hay Việt Nam (Phải nhắc đến Việt Nam chứ. Tôi ngồi lù lù đó mà). Tiếng Anh cộng với....và cứ thế anh kể ra một danh sách dài cần thiết cho nền văn hóa tốt đẹp của Hoa Kỳ trong tương lai. Nói tóm lại, cái gì tốt quốc gia đang có đều phải cộng vào. Điều này áp dụng luôn cho những ai mới đến lập nghiệp ở xứ này. Họ cần phải cộng thêm văn hóa của nước định cư vào cái vốn tình hoa sẵn có của họ. Một cá nhân sử dụng hai ngôn ngữ thì dù muốn dù không đã trở thành một con người đang thể hiện hai nền văn hóa. Và đó là điều kiện tất yếu để hội nhập và thành công trong một quốc gia tạp chủng. Bản thân anh là một chứng minh cụ thể. Từ một đứa trẻ bên lề xã hội, một linh hồn không có đất mẹ nâng niu, anh đã trở thành một thực sĩ của trường Đại Học Harvard và đã tự nâng mình lên vị trí hiện tại. Nhân danh là một thành viên của dân tộc thiểu số trên đất Mỹ anh xin phát biểu: "Hãy cộng chúng tôi vào, hãy cho chúng tôi cơ hội và chúng tôi sẽ chứng minh." Anh dừng lại chờ thánh giả một vài giây suy gẫm rồi nói tiếp: "Cũng xin đừng vì hành vi của một số nhỏ người mà đánh giá chung cả dân tộc họ: "Trường hợp anh nói lên điều đó. Anh có hai người em, một người nghiện ma túy, một người đang trong vòng tù tội. Anh em cùng chung giòng máu, nhưng anh có lý tưởng của riêng anh. Rồi anh tiếp tục thao thao bất tuyệt từ vấn đề này sang vấn đề khác, đưa thánh giả đi vào đường lối suy nghĩ của anh. Phần anh bệnh vực phụ nữ chắc có nhiều thánh giả nam giới không vui. Cứ theo như anh nói thì đàn ông bị mất quá nhiều quyền lợi. Riêng tôi nghe tới đau ruột gan mất tới đó, giống như đang uống một ly xu xoa có nước đá bào. Anh nói có duyên và tôi được cười một bữa thật vui. Anh kết luận buổi nói chuyện bằng câu "Tôi được dịp đứng trên diễn đàn này chia sẻ với các bạn kinh nghiệm sống, tâm tư cùng nguyện vọng của tôi hôm nay là vì tôi quá...X..ÂÂÂ..U." Anh nói chữ "xấu" theo giọng của các ca sĩ da đen, vừa nhấn mạnh vừa kéo dài. Nguyên văn những chữ cuối của anh là: "... because I am..B..AAA..D" Tiếng vỗ tay tán thưởng chờ thật lâu mới dứt. Ông chủ tịch cuộc hội thảo đứng lên cảm tạ, nhắc lại một số thành tích và những phần thưởng danh dự anh đạt được. Ông hướng cái nhìn về phía thánh giả, nhưng nghiêng người đưa tay về phía

Juan trịnh trọng nói: "Ông thật là một bậc cao siêu, Ông Juan Santiago." Lại một tràng vỗ tay nổi lên. Juan đứng lên ngồi xuống cúi đầu chào mấy bận. Mọi người xếp hàng lần lượt nổi đuôi lên sân khấu bắt tay chúc mừng khen ngợi anh. Vài phụ nữ bá cổ, ngả đầu trên vai anh rơm rớm nước mắt. Tôi lẫn vào đám đông ra cửa đứng chờ.

Khi Juan xuất hiện tôi ngạc nhiên thấy sắc diện anh đổi hẳn. Tôi có cảm tưởng như đang nhìn một người nào khác có họ với anh. Cũng dáng dấp đó, mái tóc và khuôn mặt đó, nhưng anh mất cái vẻ linh động bất thiệp. Anh đi lững thững, hai tay buông thõng xụi lơ. Cái lưng hình như cong hơn bình thường. Trông anh giống một người lính kiệt lực trở về sau một trận chiến ác liệt. Nụ cười luôn chực nở trên môi cũng biến đi đằng nào. Tôi bước đến gần, siết mạnh tay anh tỏ lòng biết ơn và cảm thông sự mệt nhọc của anh. Tôi chợt nhớ ra anh có bệnh tim, càng thêm ái ngại. Tôi đề nghị một điều không định trước:

- Tôi đưa anh ra phi trường nhé.

Juan đồng ý ngay. Tôi hơi lo. Tôi mang máng biết hướng ra phi trường Logan nhưng chưa lần nào tự lái ra đó. Rủi chạy sai lane, ra trật một exit là không biết sẽ đi về đâu. Tuy nhiên tôi cũng rán trấn tĩnh lo làm nhiệm vụ của một thánh giả. Bằng giọng nửa thành thật nửa có ý ngợi khen tôi nói:

- Sao anh không cho biết trước là một bài nói chuyện của anh quan trọng hơn những bài thi của thằng bé?

Juan trừng mắt:

- Tôi có bảo mà. Có nghe đâu. Nó cần ý thức về chỗ đứng của nó trên xứ này càng sớm càng tốt.

Tôi xin lỗi.

Anh làm thình, trở nên gắt gỏng, bảo tôi đi nhanh kéo trẻ chuyển bay. Tôi xách cái va ly đầy sách nặng trĩu của anh leo đèo bước theo sau, không còn hy vọng gì được hưởng cái củ chỉ ga-lăng cổ hữu của anh nữa cả. Tôi tự an ủi bằng cánh bênh vực cho anh: "Người ta đang mệt mà ga-lăng nổi gì."

Vào nhà xe anh hỏi:

- Xe đâu?

Tôi chỉ chiếc Subaru sút mẻ lòe cả sét rỉ lỗ chỗ đang phơi mình dưới ánh đèn neon sáng choang. Trông có thật tồi tàn dơ bẩn sau mấy trận tuyết hết ướt lại khô. Juan lộ vẻ ngạc nhiên. Tôi nghĩ thầm bạn tôi chắc quên nói cho Juan biết tôi nghèo hơn nó xa lắc và có tính sợ thiếu nợ không dám mua xe tốt. Tôi rờ máy. Anh giật mình. Ống bô xe bị bể cứ tôi đụng tới là

nó kêu ầm như phản đối. Anh bức bối kéo tấm che nắng không chịu đứng yêu cầu rút xuống mãi làm vướng mắt anh.

Tôi nói:

- Gỡ nó ra kéo sang một bên. Rán chịu nửa tiếng thôi. Xe cũ nhưng máy tốt. Người bạn bán rẻ có mấy trăm bạc.

- Tôi đừng nói xàm nữa. Tôi từ Harlem ra.

- Tôi gỡ gạc:

- Có nghĩa là anh cũng ra khỏi nó luôn. Chữ Harlem chỉ còn trong trí nhớ. Anh bây giờ là một đại trí thức gia giàu có.

- Nói đúng đó. Nhưng tôi đang làm gì đây?

Tôi ngưng. Cái đầu óc phân biệt nghèo, giàu của tôi coi vậy mà trầm trọng dữ, xoá mãi không tan. May là tôi còn có đồng ra, đồng vào. Nếu tôi nghèo hơn nữa thì phải biết. Dám khinh người ra mặt! Một người đang mệt và một người tự ái rầm thì dễ sinh chuyện lắm. Có lẽ cả hai chúng tôi đều nghĩ như thế nên im lặng khá lâu. Tôi lo tập trung vào chuyện lái xe. Thình lình Juan như tỉnh lại, chỉ tay về phía trước ra lệnh:

- Sang lane đi. Nhắm được không? Coi chừng xe. Để yên chân phải đừng xê dịch rà thắng. Chạy nhanh hơn chút nữa. Đến chỗ ngã ba đi về phía trái.

Và cứ thế anh điều khiển cho tôi lái tới tận phi trường. Anh xem đồng hồ thấy còn dư giờ, ngồi nán lại trong xe. Tôi hỏi:

- Anh biết gì không? Lần đầu tiên tôi lái ra phi trường. Sao anh biết đường?

- Hồi trước đi học ở vùng này. Thấy buổi nói chuyện ra sao?

- Thích lắm. Tôi cũng có vài ý nghĩ giống anh nhưng không diễn đạt được như anh.

- Mỗi người một cách. Đừng so sánh.

- Anh Juan này, anh là như thế thì còn sức la được bao lâu?

- Trang không biết. Trình độ hiểu biết của thính giả đa dạng và phức tạp lắm. Phải gây sự chú ý của họ bằng nhiều cách. Phải đánh thức họ dậy để họ suy nghĩ cho chín vấn đề. Các phương tiện truyền tin ở xứ này nó mê hoặc con người bằng mọi hình thức. Những vấn đề có liên quan đến tình người lại ít có cơ hội xâm nhập vào đời sống hằng ngày. Tôi đến với họ có mấy tiếng đồng hồ, phải vận dụng hết khả năng.

- Tôi hiểu. Nhưng cuộc chiến này biết bao giờ mới chấm dứt. Từ từ thôi. Rủi bịnh Loling buồn. Thôi anh lên máy bay rán ngủ lấy lại sức. Tôi sẽ viết thư cho nó kể lại buổi nói chuyện của anh.

- Hứa thì nhớ nhé. Tôi sẽ cảm ơn lắm.

Juan lấy hành lý xong, thò đầu vào cửa xe hỏi:

- Có biết là trên đường về phải trả thuế không?

- Uả, vậy hả?

- Chuẩn bị tiền lẻ sẵn đi. Ra khỏi hầm chạy thẳng, không quẹo theo người ta hiểu chưa?

Thấy tôi cứ ngơ ngơ anh nhắc lại:

- Phải đi thẳng. Nhớ nghe. Quan trọng lắm đấy.

- Anh đừng lo. Tôi lạc hoài. Không sao hết. Lạc mãi rồi cũng tìm đúng đường.

Juan lắc đầu, trợn mắt dặn thêm:

- Trước khi đi đâu phải xem bản đồ. Đi một mình mà liều như thế không nên. Lái xe cẩn thận. Ban nãy suýt gây tai nạn chỉ vì ngập ngừng không biết rẽ lối nào. Cho tôi gửi lời chào thẳng bẻ. Lần sau tôi về dẫn cháu đi chơi.

Tôi, thầm mỉm cười. Tôi thuộc kiểu đàn bà thiếu khả năng định hướng đi. Bản đồ đối với tôi chỉ là những nét ngoằn ngoèo làm rối trí. Không kể những người tưởng mình biết rồi chỉ vẽ lung tung, tôi phục sát đất tất cả những ai biết rõ Đông, Tây, Nam, Bắc dù họ đang đứng ở bất cứ vị trí nào.

Ra khỏi hầm suýt chút nữa là tôi quẹo theo đoàn xe phía trước. Nhưng nhớ đến cái nhìn của Juan, cái nhìn không cố chấp nhưng khó dung thứ cho những sai lầm có thể tránh được, tôi nhất quyết giữ yên tay lái.

Trời hôm ấy thật phù hợp với tâm tình của Juan. Giữa mùa đông lại có một ngày hè. Gió phất nhẹ và ánh nắng rực rỡ lan tràn trong thành phố. Những đụn tuyết lâu tan lấp loé đó đây. ánh nắng và những tia phản chiếu trên tuyết trắng làm tôi nghĩ đến cuộc đời vinh quang hiện tại của Juan, đến "ánh đèn dầu và tia laser". Thật đúng như Juan nói, khoa học đã tiến bộ quá cao mà cách cư xử giữa con người với nhau còn quá thấp. Rồi tôi liền nghĩ đến sự đấu tranh kéo các dân tộc lại gần nhau mà hai người bạn quý của tôi là Juan và Loling đang cố công thực hiện. Tôi bỗng thấy nhớ Loling, nhắm hướng cho xe về phía sông Charles, tìm chút kỷ niệm ngày chúng tôi cùng học một trường.

Nhìn ngắm lại giòng sông của hai mươi năm về trước, tôi thấy hai người con gái đang trò chuyện cùng với nhau, bày tỏ niềm ước vọng của hai người. Cả hai đều mong muốn làm mẹ của một đàn con mười đứa, là'n vợ thật hiền, làm người dân thật tốt. Rốt cuộc chúng tôi không có cơ hội làm vợ hiền vì chọn người hôn phối không thích hợp. Nó không có con, nhận con tôi làm con nó. Tôi bị quê hương day đọa, nhận xứ nó làm xứ tôi. Nó được

tổ quốc tôn vinh, trọng dụng nên tha hồ phục vụ. Tôi mừng cho bạn. Nó đầy nhiệt tình tốt đẹp, xứng đáng được hưởng hạnh phúc. Juan xuất hiện như một phép màu, giải thoát nó khỏi ngục tù của một mối tình vô vọng. Từ lúc có Juan, mỗi lần nghĩ về bạn, tôi không còn cái cảm giác đau đau tội tội cho những chịu đựng trong tình thương của nó. Có điều tôi vẫn hơi lo. Lần này nó gặp đúng người lý tưởng, nhưng cả hai đều có nhiệm vụ khác xem chừng to lớn hơn tình yêu của họ. Ngoài ra còn có bức tường giai cấp vô hình ngăn cách. Juan hồ hào bình đẳng, tranh đấu cho nhân quyền, kêu gọi mọi người xóa bỏ những khác biệt, nhưng bản thân anh còn vương. "Một kẻ xuất thân từ giai cấp bần cùng như tôi có thể nào đem lại hạnh phúc cho người đàn bà sang cả và cao quý ấy không?" Cái điều này thì bạn tôi còn khổ nữa. Nhưng tôi sẽ không nói với nó. Nó hiểu người dễ dàng và nhạy bén về tâm lý, trước sau gì cũng biết được chỗ yếu của Juan. Để làm tròn vai trò "điệp viên" bất đắc dĩ của tôi, tôi sẽ báo cáo với nó những nhận xét của tôi về Juan đại khái như: "Loling thần mẩn, trong cái nhìn của tôi Juan là một người cha tận tụy, người bạn tốt, người lớn gương mẫu cho trẻ con, một người tình đáng mơ ước (cứ năm phút được nghe nói "Anh yêu em" một lần thì coi như bạn an toàn về phần tâm lý phụ nữ!). Trên diễn đàn anh là nhà hùng biện, một kịch sĩ khôi hài (anh ấy bảo phải làm cho người ta cười người ta mới thương, và người ta thương người ta mới nghe mình nói), một nhà giáo dục có lương tâm, và nhất là một chiến sĩ chân thành chia sẻ những kinh nghiệm chiến đấu gian nan của anh cùng thánh giả. Người đó hiện đang yêu bạn vô cùng, yêu đến độ anh đang vui hưởng từng giây từng phút của những tháng ngày hiện có. "Thật là hoàn hảo" Juan nói về mối liên hệ giữa bạn và anh như thế. Tôi chỉ hơi lo là một người dẫn thân vào con đường đấu tranh cho lẽ phải và công bằng như anh có còn đủ sức lực và thì giờ để nhận thêm trách nhiệm làm chồng? Lẽ dĩ nhiên điều đó còn tùy ở quan niệm về vợ hiền của bạn hiện nay như thế nào? Juan muốn bạn toàn quyền quyết định. Bạn đúng là một luồng sinh khí thổi vào đời anh, cũng như anh là niềm tự hào của nhưng con người yếu thế. Hôm nào nói chuyện với Juan, bạn cho tôi nhắn gửi những câu này:

Juan, anh là ánh mặt trời bất tận

Cho đời ai tăm tối muốn vươn lên."

Đọc đến đây chắc bạn tôi sẽ không khỏi lắc đầu mỉm cười. Nó rầu cái tật nhại thơ của tôi lắm. Chẳng biết rồi hai người có nên vợ chồng hay không, bởi các nhà tâm lý có nói họ qua cái tuổi xem tình yêu là cứu cánh của cuộc đời. Điều chắc chắn là họ đang bay bổng giữa lưng trời hạnh phúc. Tình yêu là lý tưởng sống của họ gây niềm phấn khởi trong tôi. "Cuộc

sống nhiều lúc thật là vui!" Tôi nghĩ vậy và đạp ga phóng thẳng về phía trước.

TRẦN THI KIM LAN

**REX
INSURANCE AGENCY
VĂN PHÒNG BẢO HIỂM
CHUYÊN NGHIỆP
TRẦN CÔNG TIẾN, Ph.D.**

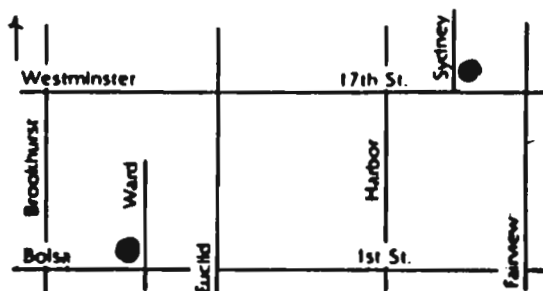
SANTA ANA OFFICE
2709 8. 17 th St. Suite C
Santa Ana, CA. 92703
(714) 554. 4742

WESTMINSTER OFFICE
10451 Bolsa Ave. Suite 207
Westminster, CA. 92683
(714) 531. 1341

BẢO HIỂM XE

Giá hạ cho quý vị mới có bằng lái, quý vị có quá trình lái xe không tốt, các em sinh viên học sinh.

**NHÂN THỌ, SỨC KHOẺ, NHÀ,
BONDS, THƯƠNG MẠI**



Văn phòng Santa Ana rất tiện lợi cho quý vị ở Orange, Tustin, Santa Ana, Garden Grove. Shopping Center chỉ có tầng trệt và chỗ đậu xe rộng rãi.

NHỚ LẠI QUÁN CAFE ĐƯỜNG GIA LONG

*Ghé lại đó ngồi cùng buổi sáng
phin cà phê và gói thuốc đen
bạn bè dầm đũa ngồi tán gẫu
riêng cõi lòng sầu không thấy em*

*Buổi sáng đi qua không trở lại
buồn lòng còn đó mãi không phai
sáng nay trường học đâu đó cửa
sao nghe phố xá quá u hoài*

*Ghé lại đó ngồi chờ buổi sáng
vắng bạn bè còn ly cà phê
chợt thấy nụ cười em trong nắng
theo bước ai lá đổ đường về*

*Ghé lại đó quán xưa đường cũ
mấy năm rồi chuyển ngõ chiêm bao
ta từ lạc bước qua ngàn phố
người cũng vui hạnh phúc nơi nào*

*Ghé lại đó một lần trong mộng
đêm ở quê người nước mắt rơi
quê hương ai bảo xa là hết
theo bóng thời gian theo ngậm ngùi*

*Ghé lại đó ly cà phê buổi sáng
Ngồi nhìn đời qua chầm đáy ly
bây giờ hồn chết nơi đất lạ
thương quá quê hương không lối về*

CÂU CHUYỆN DANH TỪ KHOA HỌC VÀ DANH TỪ Y KHOA

Trần Ngọc Ninh

(tiếp kỳ trước),

10.2.- Khoa-học-ngữ là một kiến-trúc thượng-tầng xây-dựng trên cơ-sở của một ngữ tự-nhiên.

Một ngữ là một hệ-thống, *une langue est un système*, như Ferdinand de Saussure đã viết. Đó là nói về ngữ tự-nhiên, như việt-ngữ, anh-ngữ, pháp-ngữ, latin-ngữ.

Khoa-học-ngữ cũng là một hệ-thống. Vì cái gốc của nó là một ngữ tự-nhiên. Và vì cái tính-cách duy-lí của khoa-học. Do điểm căn-bản ấy, *ngữ-vùng khoa-học là một khối từ có cơ-cấu thuần-nhất*.

Khoa-học hiện-đại, mặc-dầu có gốc Sumer, Egypta (Ai-cập) và India (Ấn-độ) (9) qua văn-minh Arabia, đã phát-triển và lớn-mạnh ở nền trời Âu-châu. Vì các lí-do lịch-sử ấy, khoa-học-ngữ đã từ các ngữ âu-châu, ý, anh, pháp, đức, mọc ra. Tất cả các ngữ ấy đều thuộc các dòng roman và germanic của *ngữ-tộc ấn âu*. Về từ-nguyên, họ dễ-dàng chấp-nhận một kho dạng-vị chung, rút ra từ cổ ngữ hellen (hi-lạp) và latin (la tinh). Về từ-pháp, họ có phép tiếp-đính (*affixation*) dùng những (tiếp) đầu-phần (*prefix*) và (tiếp) vĩ-phần (*suffix*). Về cú-pháp họ có phép chức-biến (*desineuce*-biến theo cách (*case*)) và có phép uốn-biến (*flexion*, biến theo liên-hệ ngữ-pháp).

Việt ngữ chúng ta thuộc một ngữ-tộc khác, có thể là *ngữ-tộc môn-khmer*. Nhưng rồi lại nhận ảnh-hưởng sâu đậm từ cõi đêm của tiền sử, do những đụng-chạm và chung-đụng với *thái-ngữ* và *tiền-nam đảo-ngữ*. Đến thời lịch-sử lại bị sự xâm-nhập sâu-đậm của *hoa-ngữ* hán-đường. *Cổ-ấn-ngữ* chỉ đưa vào việt-ngữ một số từ lẻ-loi rời-rạc, không ảnh-hưởng gì đến cơ-cấu ngữ-pháp của tiếng việt. Rút cục lại, trong việt-ngữ ngày nay của ta, không có chức-biến, không có uốn-biến. (10) Về sự tiếp-đính, thực ra chỉ có sự dùng (tiếp)-nội phần (hay trung-phần, *infix*), với một phép tiếp-vĩ rất đặc-biệt để chuyển nghĩa.

rất khác với phép tiếp-vĩ của các ngôn-ngữ ấn-âu. Còn về từ-vựng thì cái kho từ và dạng-vị của ta hoàn-toàn khác biệt với các ngữ của âu-châu, trong âm-vị cũng như trong ý-nghĩa-học.

Vấn-đề là phải dùng những khả-năng cơ-cấu của việt-ngữ cỡ gì ra đến cùng, để chuyển cái hệ-thống danh-từ khoa-học trong một ngữ âu-châu vào trong ngữ việt. Và chỉ khi nào đã tận-dụng những khả-năng ấy mà vẫn không thể nào làm được, thì mới đặt ra vấn-đề vay-mượn, trước nhất là vay-mượn danh-từ, sau là vay-mượn những cơ-cấu mới.

Có một đòi-hỏi rất lớn của việc soạn-thảo danh-từ khoa-học, là *không những phải chuyển-dịch từ một ngoại-ngữ sang việt-ngữ, mà còn phải chuyển-dịch ngược từ danh-từ tân-tạo của việt-ngữ sang lại ngoại-ngữ, mà không bắt người ta phải có những cố-gắng siêu-việt để ghi-nhớ*. Việc dịch xuôi từ ngoại-ngữ sang việt-ngữ phần lớn là trong chức-vụ của người thầy giáo, làm chuyện giảng bài hay truyền thụ cho một đại-chúng không biết ngoại-ngữ. Công việc ngược lại, đi từ việt-ngữ sang ngoại-ngữ, phần lớn là thuộc chức-nghiệp của người làm khoa-học, phải phương-trình-hóa được những danh-từ việt-ngữ học được ở trường với những danh-từ mà mình đọc thấy trong những sách báo ngoại-ngữ. Nếu việc thứ hai này không làm nổi thì làm gì có sự tiến-bộ, làm gì có sự khảo-cứu, làm gì còn có khoa-học?

Sự hệ-thống-hóa việc chuyển-dịch danh-từ khoa-học giải quyết được tất-cả những đòi-hỏi trên. Đòi-hỏi về tính-cách hệ-thống hay cơ-cấu của danh-từ khoa-học. Đòi-hỏi về sự thuận-nghịch của công-việc. Đòi-hỏi về sự giữ-gìn tối-đa những tính-cách đặc-thù của việt-ngữ mà không làm chướng-ngại sự tiến-bộ trong tương-lai.

Những nguyên-tắc hệ-thống-hóa mà ba bốn mươi năm xây-dựng ngôn-ngữ khoa-học đã đặt ra, tôi ghi lại ở đây một cách rất khái-quát để đánh dấu một chặng đường mở núi phá rừng đã qua.

10.2.1. - Lấy bất-cứ một ngữ tây-phương nào làm căn-bản, đại đa số các danh-từ khoa-học (và mở rộng ra, các danh-từ của cái thượng-tầng văn-hóa) có gốc ở tiếng hellen hay tiếng latin, hoặc được cấu-tạo bằng những dạng-vị có gốc trong hai tiếng ấy. Cả hai tiếng đều là cổ-ngữ và là tử-ngữ.

Dịch theo hệ-thống là dịch theo cấu-tạo của từ. Tôi lấy một vài thí-dụ để giảng các phương-thức và lẽ-lối cho cụ-thể hơn chút đỉnh. Có những thí-dụ có thực và có những thí-dụ giả-tạo. Khi giả-tạo thì có dấu hoa thị * Trước hết phải phương-trình-hóa và coi như tương-đương một số dạng-vị. Sự tương-đương này là trên diện ý-nghĩa-học (semantic) và phải nhớ là tương-đương tức là đại-khái, chứ không phải là in hệt. Chẳng hạn từ hán-ngữ sang việt-ngữ:

thượng: trên

; lên

: *nâng*, (*thượng*)

: *cao*, *cao nhất*

Một từ khoa-học của tây-phương có-thể chỉ có một dạng-vị gốc, thí-dụ:

Latin: *calx*, *calcis*: vôi, chất vôi, đá vôi cái (hán-việt)
hoặc hai dạng-vị gốc ghép vào nhau:

Anh: *calci-um*: (kim khí) (trong chất vôi)

Calci-tonin: (chất có tác-dụng vào) (calci trong máu)
hoặc ba dạng-vị gốc ghép vào nhau:

thyro-calcitonin (chất do tuyến thypo tiết ra) (có tác-dụng vào),
(lượng calci trong máu)

Lại có rất nhiều từ đeo thêm một dạng-vị-đuôi, thí-dụ:

Calci-fy: (calci) (làm thành) và thêm một dạng-vị đầu.

de-calcif-y: (phá) (cali) (làm thành)

Này ta coi dạng-vị gốc cũng như tiếp-vĩ-phần và tiếp-đầu-phần, và lập ra một số dạng-vị việt (hán-việt) tương-đương với mỗi dạng-vị của ngoại-ngữ. Khi dịch một danh-từ khoa-học của ngoại-ngữ sang tiếng việt, ta sẽ phân-tích danh-từ ấy theo cấu-tạo của nó, rồi chọn những dạng-vị tương-đương đúng nhất, hợp nhất, hay nhất mà dùng làm những thành-tổ của danh-từ tân-tạo việt-ngữ để dịch danh-từ khoa-học ấy. Thí-dụ:

Calcium : *Calci* (theo HXH)

canxixi (theo Hà-nội)

tiếp-vĩ-phần /-fy/ : *hóa thành tạo*

tiếp-đầu-phần / de - / : /hủy/ /-phá/ /-tiêu/ /-trừ/ /-loại/ (tiếp-vĩ-phần) vân vân...

Ta sẽ có thể dịch các từ trên một cách khá hệ-thống và gần như máy-móc:

Calcify : *calci-hóa* (* *vôi hóa*)

decalcify : * *calci-hủy* (* *calci-trừ*)

(* *calci-loại*, * *calci-khử*)

calcitonin: * *calci-dịch-tổ*, * *calci-giảm-tổ*,

* *calci-dịch chất* v.v...

Một từ có-thể đã được dịch ra hai ba cách để cho sự sử-dụng chấp-nhận hoặc đào-thải, hay cho một ủy-ban chọn-lựa để thành của chung trước khi được chính-thức-hóa trong một từ-điển.

Hai từ *calci-hóa* và *calci-hủy* cho phép tôi nói thêm một chút về từ-pháp việt-ngữ. Hai tiếp-vĩ-phần /-hóa/ và /-hủy/ đã cho hai từ trên có tính-cách động-từ rõ-rệt. Vì thế thực ra thì phải nói rằng vĩ-phần /-hủy/ là tương-đương với tổng-hợp (đầu phần /de/ vĩ-phần /fy/) trong anh-ngữ. Bởi vậy, nên không dùng được vĩ-phần /-hủy/ để dịch bất cứ đầu-phần /de - / nào của anh-ngữ (như *demence*: sự mất trí)

Hai động-từ trên có-thể biến-cải thành danh-từ để dịch những

danh-từ tương-ứng trong ngoại-ngữ. Đây là một điều rất quan-trọng vì sự danh-từ-hóa là một phép biến-cải rất thông-dụng trong ngôn-ngữ khoa-học. Nhưng phép biến-cải danh-từ-hóa (*nominalization*) trong việt-ngữ thường đem vào danh-từ những nghĩa-sắc-phụ, nên lại phải đặt ra vấn-đề chọn-lọc nữa, thí-dụ *calcification* là danh-từ của *calcify*: ta có thể dịch thành nhiều cách:

Calcification: sự calci-hóa (sự hóa vôi)

: việc calci-hóa

calci-hóa-vụ

và tùy theo nghĩa trong *đồng-văn* (*context*: Hà-nội dịch là *văn-cảnh*, không liên hệ với nhà khiêu-vũ Văn Cảnh ở Sài-gòn), các tác-gia khoa-học phải chọn một cách dịch: sự calci-hóa thì có-thể dùng trong mọi trường-hợp, calci-hóa tự-nhiên như trong cơ-thể, hay calci-hóa nhân-tạo trong phòng thí-nghiệm; còn hai từ kia (*việc*, *vụ*) thì chỉ dùng để nói về một công-việc của nhà hóa-học mà thôi.

Dịch theo hệ-thống là phương-pháp lí-tưởng. Nhưng sự chọn-lựa từ thích-đáng nhất để dùng là một công-việc ít nhiều chủ-quan. Việc phê-bình rất cần-thiết, nhưng sự sử-dụng trong những bài giảng và báo-cáo khoa-học mới thực là việc thử lửa. *Sự thông-dụng là bằng-chứng tối-hậu để nhận thực một danh-từ tân-tạo.*

10.2.2.- Khi dịch theo hệ-thống, có một vài nguyên-tắc nhỏ có-thể giúp cho sự dịch vượt qua một số trở-ngại hình-thức.

Nguyên-tắc thứ-nhất: *Những từ căn-bản nên được dịch bằng những từ đơn-văn ngắn nhất và gọn nhất.* Vì sao? Vì những từ này có-thể được dùng làm thành-tổ trong cấu-tạo của một từ có cấu-tạo phức-tạp. Thí dụ *mass*, tôi dịch là *trọng*, để có thể gọi *weight* là *trọng-lực* (sức nặng) vì *weight* là một lực. *Function* có thể là *chức-vụ*, là *cơ-năng*, là *chức-năng*, và trong hóa-học được gọi là *chức*; theo đó, tôi đề-nghị dùng từ *chức* để dịch *function*, dầu là toán, lí, hóa hay sinh-học.

Một đôi khi, cũng có-thể chấp-nhận được một từ phức, thí-dụ *cell* (Pháp: *cellule*) là *tế-bào*. Nhưng nhiều khi tôi vẫn tự hỏi tại sao không rút lại là *bào* mà thôi? Nghĩa đen của *cell* là "*phòng*": danh-từ này có tính cách lịch-sử. Nhưng người ta đã trót dịch là *bào* "bọc, bao"; sự sai-lầm cũng không kém, mà lại mất sử-tính, là cái lí do tồn-tại rất đáng tôn-trọng của từ *cell*. Nay thì *tế-bào* đã được thông-dụng rồi, cứ chấp-nhận đi cũng được. Nhưng khi được dùng như một dạng-vị buộc trong cấu-tạo của một từ phức dưới hình thức /- *cyte*/, như *leucocyte*, *lymphocyte*, *neurogliocyte*, *spongocyte*, thì bắt-buộc phải rút lại là /- *bào*/: * *bạch-bào*, * *lymphabào*, * *kinh-giao-bào*, * *phao-bào*, v.v... Nếu có chõng một đầu-phần lên trên nữa, thì cũng cứ theo nguyên-tắc mà dịch: *proleucocyte* là *tiền-bạch-bào*, *protolucocyte* là *nguyên-bạch-bào*, *protometrocyte* là *nguyên-mẫu-bào*. Và nếu /*cyte*,

cyto- / được dùng làm thành-tổ đi đầu như

cytoclasis là sự bào-hoại

cytology là (tế) bào-học

cytolysis là sự bào-giải (*bào-tiêu)

cytosoma là bào-thể

với một vài ngoại-lệ, như

cytomegalic, dịch là đại-bào (* bào-cự). Tên hóa-học không thuộc phạm-vi này và phải được phiên tự-dạng như sẽ nói sau:

cytosine là *cytosin*

cytochrome là *cytokrom*

10.2.3.- Nguyên-tắc thứ hai là để ý đến sự tương-ứng ngữ-pháp trong từ-pháp việt-ngữ. Chẳng hạn như loạt tiếp đầu phần phủ-định. Phía các ngôn-ngữ dùng hellen latin làm gốc có: /*a-*, *an-*/, /*anti-*/, /*de-*, *dis-*/, /*in-*/, /*un-*/, /*non-*/.

Việt-ngữ có những dạng-vị buộc tương-đương là: /*bất-*/, /*vô-*/, /*phi-*/, /*kháng-*/, /*thất-*/, /*không-*/

Kinh-nghiệm phiên-dịch trong quá-khứ cho phép viết:

/*a-*, *an-*/ : /*Phi-*/, /*bất-*/, /*vô-*/

/*anti-*/ : /*kháng-*/

/*in-*/ : /*bất-*/, /*vô-*/, /*không-*/

/*un-*/ : /*bất-*/, /*không-*/

/*non-*/ : /*không-*/

/*de-*, *dis-*/ : (ngoại lệ)

Trong thực-tế của sự phiên-dịch, phải để ý rằng:

- /*Bất*/ thường đi với động-từ hay trạng-từ (*bất-túc*, *bất-toại*), /*vô*/ thường đi với danh-từ (*vô-vị*, *vô-lí*), /*phi*/ cũng thường đi với danh-từ (*phi-pháp*, *phi-lí*). Từ được tạo ra là trạng-động-từ, trừ khi được sự biến-cải danh-từ-hóa. Tuy nhiên, nhiều từ cổ-diễn không theo những ngữ lệ này, chẳng-hạn như *bất-nhân*, *bất-nghĩa* (*bất* danh-từ), *vô-vi* (*vô* động-từ), *phi-phàm* (*phĩ* động-từ), và bộ ba *bất-thường*, *vô-thường*, *phi-thường*.

- /*Không*/ chỉ miễn-cưỡng làm được một tiếp-đầu-phần. Lí-do là vì /*không*/ đã hoàn-toàn việt-hóa và mất tính-cách dạng-vị buộc từ lâu (cuối thế-kỷ thứ mười lăm)

- /*thất*/ "mất" thường đứng trước danh-từ, (*thất-tình*, *thất-ngữ*), nhưng người xưa cũng ghép cả vào động-từ (*thất-thủ*). Trong danh-từ khoa-học thì không nên. /*Thất*/ dùng để dịch tiếp-đầu-phần /*de-*, *dis*/ và tiếp-vĩ-phần /*-lysis*/, /*-clasis*/ và /*-prive*/ trong nhiều trường hợp.

Sau đây là vài thí dụ

A-, AN- BẤT-, VÔ-, PHI-, KHÔNG

Pháp *anormal* không thường (cũ: dị thường)

Anh *abuormal* * ngoại thường (dị thường)

- anosmia* * vô khứu
atrophy * vô dinh (teo)
asymptote * bất ngộ (tiệm cận)
aphasia * vô ngôn (thất ngữ)
- *anesthesia* * (sự, phép) vô cảm (sự tê mê)
- *amoral* : phi luân
- *atressa* : * (sự) vô khổng (tật không tổ)
- *anisocytosis* : * (sự) bất-đẳng bào-hư
(sự tế-bào không-đồng-đều) (sự không đồng đều của tế-bào)
- *anemia* : * (sự) vô huyết (sự thiếu máu)

ANTI KHÁNG CHỐNG, TRỪ, KHỬ...

- *antibiotic* : kháng-sinh (trụ-sinh)
- *antibody* : kháng-thể
- *antinulean antibody* : kháng-thể kháng-hạch
- *antigen* : kháng-nguyên.
Chú ý: không dịch là kháng-sinh được
- *antitoxic* : kháng-độc-tổ
- *antiimmune* : kháng vô-nhiễm (kháng miễn-nhiễm)
- *anti inflammatory* : kháng viêm
- *anti microbial* : * kháng vi-sinh (kháng vi-khuẩn)
- *antiseptic* : * (sự) kháng mủ (sự khử trùng)
DE-, DIS-, THẤT (MẤT, HỦY, PHÁ, KHỬ, TIÊU)
- *deformity* : * thất dạng (kì-hình, dị-hình, dị-dạng)
- *degeneration* : * (sự) thất loại (sự thoái-hóa)
- *desensitization* : * (sự) khử-cảm-ứng
- *dehydration* : * (sự) thất-thủy (sự tiêu nước, sự mất nước)
- *disability* : (sự) thất năng (sự mất năng lực)
- *disease* : bệnh

IN -, IM - VÔ, BẤT, KHÔNG

- Immature* : không-trưởng-thành (chưa chín muồi)
Imbalance : * (sự) bất cân (sự thiếu cân bằng)
Immunity : * (sự) vô-nhiễm (sự miễn-nhiễm)
Impotence : (sự) bất lực (sự liệt dương).
(Trong trường hợp này, /bất/ đứng trước một danh từ (lực). Nếu dịch đúng cấu tạo thì *impotence* phải được dịch là * sự vô-năng)
Inominate : vô danh
Insane : * bất thường (tâm-trí) (điên, khùng, lãng trí)
Insomnia : sự mất ngủ
Insufficiency : * (sự) bất túc (sự thiếu, sự suy, sự bại)
Intolerance : * (sự) bất dung (sự không chịu)
UN - BẤT, VÔ, KHÔNG
Unconscious : vô thức (mê man) (bất tỉnh)

Undescended : không xuống

Undifferentiated : * bất-biệt-hóa, * không-biệt-hóa

Unmyelinated : * không-myelin-hóa

NON KHÔNG

Nonchromogenic : * Không-sắc-sinh

Nondisjunction : (sự) không-thất-kết (không tách rời)

Nonrotation : (sự) không-quay

Nonunion : (sự) không-liền

Những thí-dụ vừa được kể ra không thu hẹp trong y-khoa hay khoa-học; nhiều từ đã bị trung-tập bởi các nhà triết và nhà văn, tất nhiên là với một nội-dung khác. Sự sử-dụng một từ khoa-học trong văn-chương không-khoa-học hay ngược lại, mặc-dẫu có thể tạo ra một vài vấn-đề khó-khăn, nhưng không phải không có một khía-cạnh thú-vị.

10.2.4.- Nguyên-tắc thứ ba: Nếu có thể, thì tối đa dùng những dạng-vị hán-việt để dịch những dạng-vị gốc hellen (hi-lạp)

Các dạng-vị gốc latin thì dịch bằng tiếng việt gốc nếu có thể (thí-dụ: *cerveau*: óc, *oreille*: tai...). Nhưng trong các từ phức thì phần nhiều phải dùng hán-việt để dịch các dạng-vị buộc.

10.2.5.- Dạng-vị hán-việt và dạng-vị nôm không được phép ghép vào với nhau trong cấu-tạo của một từ phức (thí-dụ: **nôm-hóa*). Tôi đã thấy có người viết: *sự men-hóa rượu*; chưa thấy ai viết: *sự rượu-hóa bằng men*, tuy rằng có phần nào đúng hơn. Nói tiếng việt thì phải nói là *sự dùng men để chế rượu*; còn tiếng hán-việt là *diều-hóa rượu*. Nhưng *men-hóa* đã thông-dụng và phải được thu-nhận.

Tôi không có thắc-mắc gì khi móc một dạng-vị âu tây vào một dạng-vị hán-việt hay một dạng-vị việt gốc. Ngữ-pháp cần được tôn-trọng. Thí-dụ:

La myelinisation du système nerveux

Sự myelin hóa hệ (thần) kinh.

(Tôi đề-nghị bỏ chữ *thần* đi, vì vô-ích trong một đồng-văn rõ-ràng)

10.2.5.- Theo ý riêng của tôi, sự phiên-dịch theo những phương thức đã được hệ-thống-hóa phải được áp-dụng đến triệt-để, vì sự ưu-thắng và thuận-lợi của nó.

Nhưng phiên-dịch như thế không phải là để gạt bỏ hết những danh-từ không nằm trong hệ-thống, mà để xem cái khả-năng của phép dịch như thế có thể tới đâu. Tất-cả các từ được soạn-thảo ra còn phải được so-sánh với những từ đã có sẵn, trong các bộ *Danh-từ khoa-học* của ta cũng như của Trung-quốc và Nhật-bản, và được phê-bình chặt-chẽ trước khi được công bố để cho sử-dụng thử ở các trường Sư-phạm, đồng-thời đón-nhận các ý-kiến xây-dựng của các nhà giáo và của các nhà khoa-học. Sự chính-thức sử-dụng ở các trường cho học-sinh là giai-đoạn sau cùng.

Một số không nhỏ những danh-từ theo hệ-thống phải bị loại ngay từ đợt đầu. Vì lí-do ấy, tôi đã đặt một dấu hoa thị ở mỗi từ tân-tạo: trong ngữ-lí-học, dấu hoa thị là để chỉ những xây-dựng chưa hay không được công-nhận bởi cộng-đồng nói cái ngôn-ngữ của những xây-dựng ấy.

Trước hết phải loại đi những danh-từ trùng-hợp; trong những thí-dụ tôi kể ra ở trên, tuy chẳng có bao nhiêu, mà đã có sự trùng-hợp giữa hai từ: *anormal* được dịch theo cấu-tạo là *bất-thường* và *insane* cũng lại được dịch là *bất-thường* không phải chỉ có trường-hợp này mà thôi: chỉ thiếu một chút thì *antibiotic* và *antigen* cũng lại đụng nhau, vì theo gốc mà dịch thì cả hai là *kháng-sinh*, nên phải thêm một chữ là *kháng-nguyên*.

Sự dịch theo từ-nguyên lấy căn-bản ở hình-thức chứ không ở nội-dung. Ý-nghĩa phải được giảng theo đồng văn, tức là tùy theo mỗi khoa-học. Thí dụ như từ *derivation*, nghĩa đen là "sự rẽ ra, sự rời bến" được dùng trong toán, hóa, sinh, và ngữ-lí với những nghĩa khác nhau. Nếu phải dịch cho mỗi khoa có một từ riêng thì sẽ rất phức-tạp và vẫn không tránh được sự định-nghĩa. GS Hoàng Xuân Hãn tìm được chữ *đạo-hàm* và rất bằng lòng chữ này trong toán-học vì nó cũng bắt đầu bằng chữ cái *đ* như *dérivation* và *dérivée* của pháp-ngữ. Nhưng *đạo-hàm* không dùng được cho khoa-học khác: hóa dịch là *sự điều-chế dẫn-xuất* (dài quá), sinh dịch là *sự* hay *thuyết tiến-hóa* (trùng với *evolution* và *evolutionnisme*), ngữ dịch là *sự phái-sinh*, *sự bắt nguồn* (không rõ vì lí do gì), chưa kể đến thủy học (*đường dẫn nước*) và địa lí học (*sự bất nhánh*). Tại sao không cứ theo từ-nguyên, dịch đúng hình-thức một cách gần như máy móc, là *sự thất-ngạn* hay * *sự rẽ bờ* cho tất cả mọi khoa? Lúc đó ta sẽ nói *thất-ngạn của một bình quân* (12) (*la dérivée d'une équation*) và một từ *thất-ngạn* (*un mot dérivé*): nhà toán-học và nhà ngữ-học phải hiểu rằng đây là hai phép thất-ngạn không dính-dáng gì đến nhau, nhưng tiếng pháp (anh v.v...) gọi cả là *dérivation*, với những ý-nghĩa rất rõ-ràng minh-bạch cho mỗi khoa.

10.2.5.- Các danh-từ thuộc các danh-pháp quốc-tế để đặt tên cho các vật thuộc tự-nhiên-học như tên khoa-học của động-vật, thực-vật và hóa-chất là những danh-từ phải dịch-thuật theo hình-thức một cách rất sát.

Một số danh-từ này có từ tương-đương trong việt-ngữ hay hán-ngữ. Tôi nói là tương-đương chứ không phải in hệt, thí dụ như *canis* là *loài chó* (*cẩu*), *piscis* là *loài cá* (*ngư*). Mặc-dầu không có sự hoàn-toàn trùng-hợp, ta vẫn có-thể dùng được tiếng ta để dịch *dog* (*chiên*) là *chó* và *canidae* là *giống cẩu* (gồm cả chó sói và cáo), dịch *fish* (*poisson*) là *cá* và *pisces* là *loài cá*...

Nhưng đi sâu hơn nữa (mà trong khoa-học thì làm sao mà tránh khỏi được sự đi sâu cho tới cùng kì lí), thì tới một lúc nào đó không thể dịch được nữa và bắt buộc phải phiên âm hay phiên tự-dạng.

Tên khoa-học của các động-vật, thực-vật, vi-sinh-vật, virus (siêu-vi-sinh-vật) thường dùng tiếng latin, hoặc để xếp loại, hoặc để miêu-tả, hoặc để ghi nhớ tên của nhà khoa-học đã biệt-lập ra một loài mới.

Tên khoa-học của các hóa-chất vừa để xếp loại, vừa để ghi nhận cấu-tạo vừa để kí-chú cái hóa-chức, cũng có khi có một tính-cách lịch-sử. Danh-từ quốc-tế dùng tiếng latin, nhưng mỗi nước có thể tùy-nghị đổi ra tiếng nước mình, trừ một số nguyên-tố đặc-biệt (như radium, cesium, polonium...)

Tôi đề-nghị dùng danh-từ latin làm căn-bản và dịch sang việt-ngữ theo tự dạng với một bảng đối-chiếu mẫu-tự latin và mẫu-tự Việt-nam giản-uớc (bỏ dấu, bỏ đ, bỏ ch, bỏ ơ, ư). Các chữ viết ra được đọc theo âm việt-ngữ. Thí dụ anh-ngữ *hydrogen* thành việt-ngữ *hydogenom* (không phải khinh-khí, cũng không phải *hytrô*)

10.3.- Hệ-thống là cái chìa khóa của ngôn-ngữ khoa-học.

Nhưng không có chìa khóa nào có-thể mở được tất cả các cửa. Trong mỗi khoa-học, có một số danh-từ cưỡng lại sự dịch theo hình thức vì một lí-do nào đó; hoặc giả dịch được, nhưng lại tạo ra những khó-khăn phiên-toái làm cho đành phải bỏ đi.

Chẳng hạn như *atoma*. Theo từ-nguyên, thì phải dịch là * *bất-phân*, không thể chia được, hay * *bất-thiết*, không thể cắt nhỏ hơn được. Đó là nghĩa được đặt ra cho chữ *atoma* khi thi sĩ La-mã Lucretias đúc nên chữ ấy. Nay thì chúng ta đều đã biết rằng tuy không cắt được atom, nhưng có thể đập được atom thành những phần nhỏ hơn. Từ-nguyên của chữ *atom* đã bị quên từ lâu rồi (trừ ra chỉ có vài nhà học-giả kiểu thông kim bác cổ là nhắc đến mà thôi); nhưng *bất-phân* thì mới quá và còn rõ nghĩa quá : dùng chữ này để dịch *atom* là một sai-lầm lớn, nên phải vứt nó vào sọt rác.

Từ *anatomy* có căn /*tom*/ “cắt” giống *atom*. Ý-nghĩa theo từ-nguyên của *anatomy* (*ana tom*) là “cắt kĩ”, với /*ana*/ là hướng thượng, là chu-đáo kĩ-lượng, và /*tom*/ là cắt. Nếu dịch theo từ-nguyên và đứng trong hệ-thống thì *anatomy* có thể là * *thăng phân* hay * *tiến-thiết* và không còn ai hiểu được nó là cái gì nữa. Chúng ta đành trở về với những cách dịch đã được thông-dụng là *cơ-thể-học* và *giải-phẫu*. Theo ý riêng của tôi thì *cơ-thể-học* hẹp-hòi quá và không đúng, nên nếu phải chọn thì sẽ dùng chữ *giải-phẫu*, vì ít ra còn có dạng-vị *phẫu* là “mổ”, là “cắt” (13) trong cấu-tạo.

Trên đây là hai thí-dụ, dùng hai danh-từ rất thông-thường, để chứng-minh rằng sự áp-dụng phép dịch danh-từ khoa-học theo từ-nguyên và dựa vào hình-thức phải được hiểu một cách nghiêm-chỉnh nhưng rộng-rãi và uyển-chuyển. Khi nào dịch theo đúng hệ-thống mà

không trôi chảy thì phải chấp-nhận sự dịch theo nội-dung cho thoát, nhưng vẫn phải tôn-trọng những cơ-cấu của ngôn-ngữ Việt-nam. Và đừng sợ những trở ngại nhỏ, có tính-cách vụn-vật.

Để chấm -út một bài quá dài và quá khác-khổ, tôi kể lại một chuyện xảy ra trong một buổi thảo-luận tại Ủy-Ban Quốc-Gia Soạn-Thảo Danh-Từ họp ở Nha Học-Liệu, bữa ấy Tiểu-ban Y-khoa trình-bày, và ba chữ được nêu ra để dịch. Ba chữ ấy, thuộc Phẫu-khoa (khoa mổ xẻ), là *methode*, *procédé* và *technique*. Danh-từ Việt-ngữ được đề-nghị là *phương-pháp*, *thủ-thuật* và *kĩ-thuật*. Hầu-hết mọi người đều thấy xuôi tai và sắp chấp-nhận thì Giáo-sư Nghiêm-Toản, với sự uyên-thâm hán-học của ông, nêu lên một thắc-mắc nho-nhỏ rằng trong chữ hán đương thời, *thủ-thuật* có nghĩa là “cách thủ-dâm”. Đột-nhiên không-khí trở nên căng-thẳng, vì nếu *thủ-thuật* có cái nghĩa rắc-rối ấy thì có thể nói “thủ-thuật của Halstedt” hay thủ-thuật của một vị giáo-sư Việt-nam đáng kính hay không?

Một vị đề-nghị đối là *thủ-pháp*, nhưng cũng vướng vào sự trở-ngại in hệt. Và *thủ-phẫu*, *thủ-tác*, được nêu ra, nhưng cầu-kì quá và bị bác vì lí-do ấy. Giáo-sư Nguyễn Đình Cát, với sự ủng-hộ của toàn-thể Tiểu-ban Y-khoa, trở lại với chữ *thủ-thuật* và cương-quyết giữ lại chữ ấy với lí-do rằng trong một cuốn sách phẫu-khoa, đồng-văn không cho phép nghĩ ra ngoài việc mổ-xẻ và không thể có sự bẻ quẹo. Danh-từ *thủ-thuật* (*phẫu-khoa*) được đồng-thanh ghi nhận sau đó với sự đồng-tình của cả Giáo-sư Nghiêm Toản.

Tôi ước-mong rằng câu chuyện Danh-từ khoa-học sẽ còn được bàn cãi và được bàn cãi mãi mãi vì khoa-học và ngôn-ngữ đều vô tận vô chung.

Trần Ngọc Ninh
1989

Chú Thích:

(1).- Những nguyên-tắc chính-tả được chấp-thuận là: a- sự phân-biệt *s/x*, *ch/tr* theo dạng Trung và Nam; b- sự phân biệt dấu sắc, nặng, hỏi, ngã theo dạng Bắc; c- sự bác bỏ chữ cái *f* để phiên-âm *ph* trừ ở những từ phiên-âm pháp-ngữ như *film* (*film*); d- sự dùng *i* làm nguyên-âm (*lí trí*, *bác sĩ*) và *y* làm bán-nguyên-âm (*yêu*, *yên*) trừ trường-hợp nguyên-âm *trơ-trọi* (*y sĩ*) và bán-nguyên-âm đi sau một phụ-âm để thành một chũm (*kiều*, *tiền*). Vì lý do ấy, tôi viết *lí-trí*, *kĩ-ức* và viết *y-hướng*, *y-khoa*.

(2).- Theo đề-nghị của tôi trong cuốn *Cơ-cấu việt-ngữ* (Lửa Thiêng, 1973-1975). Gần đây, GS Nguyễn Đình Hòa và Ô. Hoàng Văn Chí cũng đã theo cách viết này. Thí dụ: *danh-từ*, *đào-thải*, *cơ-cấu-hóa*.

Hình-vị là *morphem* và là danh-từ thường dùng bởi các nhà ngữ-học miền Nam. Tôi dùng từ *dạng-vị* để dịch *morphem*. *Dạng-vị buộc* (hay *hình-vị buộc*) là *bound morphem* (Bloomfield), trái lại với *dạng-vị biệt-lập*, là *free morphem*.

(3).- Đây là một trong những lí-do tôi đề-nghị viết liền các từ phức theo từ-pháp hoa-ngữ thành một từ.

Những thí-dụ trên không có tính-cách tuyệt-đối và vĩnh-cửu. *Nhân* "mắt" cũng có thể là một từ trong thành ngữ *hợp-nhân*; khi biệt lập thì thường là quả nhân, cây nhân.

(4).- *Flexim*: thí-dụ: aim - e, aim -ai, aim -ais..., aim -ons, aim -ez, aim -ent...trong tiếng pháp.

(5).- *Affixation*: phép tạo từ bằng cách ghép *tiếp phần* (*affix*) vào những *căn*. Có ba loại tiếp phần: đầu-phần (thí-dụ: voir *pré*-voir), vĩ-phần (thí-dụ: amour : *amoureux*) và nội-phần hay trung-phần (*infix*) (*không có thí-dụ trong tiếng pháp, anh v.v...nhưng có trong việt-ngữ với -ập - như lập-lộc, thấp-thỏ, mập-mở, bập-bẹ, chập-chờn...*)

(6).- Sẽ có câu hỏi: thế thì gọi là gì? Tôi sẽ trả lời: gọi là gì thì gọi, nhưng bỏ vĩ phần /-tử/ ra ngoài cấu-tạo của từ. Chẳng-hạn *nguyên* là *atom*, *phân* là *molecule*, cũng được.

Nên nhớ rằng *atoma* là một từ đặt ra bởi thi-sĩ La mã Lucretius (99-55 BC). Nếu phải dịch thì thà là lấy điển trong Kinh Phật là *vi trần* có lẽ lại hay hơn là *nguyên tử*, mà lại ít dẫn-dắt đến sai-lầm. Bằng không thì gọi là *atom*.

(1).- Đây là một Tân-từ, gồm *thủ* (*mani*) và *thao-tác*: *pulate*: nắm tay.

(7).- Những điều tôi viết ở đây về danh-từ khoa-học cũng có-thể mở rộng ra cho danh-từ triết-học và văn-học. Tuy-nhiên các triết-gia và văn-học-gia lớn đều có một số từ-ngữ mượn của ngữ-vùng thông-thường hoặc do tác-giả đúc ra, thường chứa-đựng một ý-nghĩa đặc-thù với những màu-sắc sâu-đậm lí-thuyết. Sự dịch những danh-từ ấy không thể nào theo thông-lệ được và phải tùy-nghị thích-ứng vào mỗi trường-hợp.

(8).- Tôi nghĩ đến P. Valéry: "*Chaque atome de silence. Est la chance d'un fruit mur*" (Mỗi vi-trần yên-lặng, Là hứa một quả mùi) trong *Charmes*

(9).- Khoa-học trung hoa-việt nam cũng như khoa-học inca và maya đóng góp rất ít vào nguồn-gốc của khoa-học thái tây.

(10).- Thực ra thì có, nhưng rất giới-hạn và chỉ còn lại một vài di-tích

(12).- Trong một đoạn trên, *equation* vẫn được dịch là *phương-trình* theo sách của GS Hoàng Xuân Hãn. *Bình quân* là dịch theo từ-nguyên.

(13).- Căn /*tom*/ là "cắt" còn cho một chữ rất thông-dụng ngày nay là *tomography*. Dịch theo hình-thức, thì *tomography* là *phép thiết-kí*, *tomogram* là *thiết-kí*; muốn nói cho rõ hơn, có thể gọi là *ảnh thiết-kí*, nhưng không cần.

Computerized axial tomography là *phép thiết-kí trục toán-cơ*; viết tắt là CAT, ta đọc là (cắt) rất đúng.

"CHỊ EM" CỦA HÀ THÚC SINH

Thụy Khuê

Vốn hồ nghi những gì tôi cho là cực đoan: dường như cực đoan thì thái quá, thái quá đưa đến thiên lệch, mà thiên lệch thì không thể công bằng. Trong tôi, mơ hồ thấy những tương quan như thế. Còn thế nào là công bằng, tôi xin chịu, vì công bằng tuyệt đối, tôi chưa thấy bao giờ.

Đọc Hà Thúc Sinh, như có gì hơi quá đáng, trực trặc, không công bằng, tuồng như cực đoan. Phải rồi, chả cực đoan mà lại viết:

"Ngoài xa khơi vàng thái dương vừa nhú, ướt sừng và đỏ như máu. Nó đùn lên, lăm lăm, can đảm, cô đơn như chớp đầu của một đứa bé nhất quyết rời khỏi lòng mẹ để chịu đựng lấy cuộc đời riêng."

Cuộc sinh nở của mặt trời càng lúc càng vấy thêm máu vào tấm áo mây xám nhạt. Rồi tiếp theo lửa tóe ra như thiên địa đốt đuốc ăn mừng. Mỗi đỉnh núi bị văng dánh một đốm. Những đốm lửa lan dần và hè nhau tuôn xuống biển, nung đỏ những luồng sóng ngang thành nham thạch chảy khắp cùng"

(trang 14, Chị Em)

Ít người nhìn thấy hoàng hôn tóe ra những màu sắc nhiệt cuồng, những hình ảnh độc đáo, ngoạn mục đến di kỳ như thế. Nếu có, cũng chỉ tìm thấy trên những bức tranh Van Gogh, thời kỳ bắt đầu điên dại: Họa sĩ đã trở thành thiên tài.

Hà Thúc Sinh chưa là "thiên tài" và Chị Em cũng không là một "kiệt tác", những cả tác giả lẫn tác phẩm đều gần gũi chúng ta gần gũi đến vô cùng - với những khía cạnh rất "người" của nó: có cái cực đoan trong tư tưởng, nồng độ tha thiết trong yêu thương, khả năng tranh đấu đến tận cùng để sinh tồn, và cái vui, cái buồn, cái phải, cái trái của kiếp nhân sinh phù thế.

Cái thái quá của Hà Thúc Sinh, dĩ nhiên tôi đã bắt gặp nhiều lần trong Đại Học Máu, và ngay cả trong thơ:

"Cuộc đời bị đất lấm trắng ơi!

Muốn sống nhiều khi phải giết người".

(Năm bốn mươi tuổi, trong tập *Thơ viết giữa đường*)

Đồng ý với Hà Thúc Sinh, khi ông chỉ định những cán bộ miền Bắc là những "cán gối", khi ông gọi những người phía bên kia bờ "bọn giặc", "bọn cướp nước",... ư?

- Không đâu. Nhưng tôi coi thái độ đó là hậu quả hiển nhiên của chế độ lấy việc cải tạo tư tưởng con người làm lẽ tồn tại. Trong quốc sách giáo huấn tư tưởng, có người được hưởng cả đời, có người chỉ vài ba năm rồi thoát: Phùng Quán và Hà Thúc Sinh tiêu biểu cho hai trường hợp đó.

Mới đây tôi được đọc Tuổi thơ dữ dội của Phùng Quán, tác phẩm đầu tiên trình làng, con đẻ của sự tẩy não "đến nơi đến chốn": Phùng Quán tạo ra những cậu bé Vệ quốc quân, thẳng dư nghĩa cử cao cả phi thường, sẵn sàng cầm tử xông vào đất địch, hùng hổ tranh nhau đi hàng đầu; con nhà giàu thì bỏ bố, bỏ mẹ, bỏ đàn dương cầm, trốn đi, theo Vệ quốc quân trinh sát; con nhà nghèo, thì lặn lội hàng bao nhiêu cây số, vượt trạm gác tây, mang thuốc về cho từ mẫu ốm liệt giường... Những gương cao cả ấy trải dài trên ba quyển sách, hơn tám trăm trang, không thấy anh hùng nào mệt mỏi. Người đọc không can đảm thế, họ trần tục hơn nhiều, lười biếng nữa, quá mười trang, họ đã ngáp ngáp ngáp dài, gấp sách lại, dùng phép nội suy, đoán biết sự thế về sau.

Tôi chưa được đọc những sách khác của Phùng Quán, tuy nhiên qua tác phẩm này, tôi liên tưởng tới Phùng Quán ngày xưa, mà ái ngại cho Phùng Quán bây giờ: được in như thế, thà đừng in thì hơn.

Hà Thúc Sinh là sự cải tạo tư tưởng dang dở, "chẳng may" đứt gánh giữa đường: Đại Học Máu và, Chị Em là những đứa con hoang, xoắn, vượt ngục mà đi: những tác phẩm của Hà Thúc Sinh mang tính chất hoang toàng, bất chấp, nhưng lúc nào cũng được đầy nhân tính:

"Cái sinh tử lộn cái chơi

Cái ân lộn oán, cái vui lộn buồn"

(Tạ lỗi mười năm - trong tập *Thơ viết giữa đường*)

Chị Em biểu hiện hai thái độ của con người trước sự đe dọa của thiên nhiên và định mệnh: Lan và Trục, hai chị em, hay hai cái thân thể sống sót, trôi dạt trên hang đảo, sau cuộc vượt biển, thuyền chìm.

Chị Em cũng có thể đọc như một truyện phiêu lưu của hai kiếp sống: một cây tùng và một cây sậy, dựa vào nhau để sinh tồn.

Trên hải đảo không một bóng người (trừ vài bộ xương khô), Trục đeo theo bà chị, nhát như cạy, động tí là sợ, động tí kêu rú lên, chẳng làm được việc gì giúp em, chỉ biết lấy nước mắt phủ lên sự yếu đuối của mình.

"Ngủ đi cho con nhờ má ơi. Sao cứ nửa đêm lại giữ chúng khóc lóc thế này?"

(trang 61)

Nhưng cái yếu đuối của người chị, có hẳn là một gánh nặng cho em, hay chính là động cơ thúc đẩy Trục xông xáo kiếm ăn, xông xáo đến độ liều mình, để đùm bọc cái sức sống nhỏ nhoi, mong manh như tờ lá ấy?

Những lời đối thoại cực ngắn, nhưng nói được rấy nhiều:

"Trục mày đi đâu đấy, mày biết tối rồi không?"

Thằng quái đi đâu vậy?

"Đất lạ, mày coi chừng rắn rít cắn thì khôn!"

Người em chỉ âm ừ, đôi lúc Trục vô tình như cái tủ lạnh. Nhưng trong lớp vỏ lạnh lùng, gói ghém biết bao thương cảm đậm đà, ý tứ, quan tâm đến chị tới độ...dị thường, nhất là khi Trục đội mưa lấm lũi trở về lều nếm cho chị nắm xơ dừa thay bông vệ sinh: "Xơ dừa đây .. tôi già đập đến mức tối đa rồi... và có hơi lũa" (trang 116)

Hà Thúc Sinh là thế. Ông hay đi quá mức thường. Đó đây, ông gieo những cái nhìn sâu, sâu thăm thẳm vào nhân vật, khiến người "thường" đỏ mặt:

Trục kể cho chị nghe chuyện anh bị giam vào conex, vì đập chai xì dầu lên đầu một thằng bạn. Trục nói tại sao anh đánh nó:

"Khổ, cũng vì nó hỏi tôi mày có thủ dâm bao giờ không. Tôi bảo không. Nó khẳng quyết tôi nói dối. Nó bảo khoẻ như tôi và ăn tạp như tôi chém chết phải thủ dâm. Tôi bảo không nó một mực bảo có. Cái giá trả cho sự phán đoán ấy là cái chai xì dầu của tôi. Bọn trại tự trại trời tôi nộp cho quân giáo. Tôi bị cất vào conex. Ngày đầu, thằng vệ binh ngồi gác bên trên buồn tình hỏi nguyên do. Tôi không đáp mà hỏi ngược lại nó: anh có thủ dâm không? Thằng vệ binh tức thì trừng trị tôi bằng những ánh sáng động xuống conex. Chị phải biết cứ mỗi cái động như thế, chiếc conex sẽ như có một phái đại bác bắn xuyên qua. Tôi đình tại nhức óc. Nhưng tôi chấp và tiếp tục hỏi nó qua tới ngày thứ ba. Nó cuối cùng phải thua sự lì lợm của tôi, đã hét lên: Tiên nhân mày, nếu không có bác Hồ thủ dâm ở chiến khu đã không có bác Hồ ngồi ở Hà Nội. Lúc ấy tôi mới đáp: Đấy, nếu tôi có sự thật như bác Hồ để thỏa đáp một khát khao sự thật của bạn tôi, tôi đã không vào conex."

Lan thấy ngượng quá với lối nói buông tuồng của em, gạt đi:

"Mà sao mày nói chuyện nhảm ấy với tao?"

(trang 70)

Câu chuyện của Trục thật ra có nhảm, nhưng không nhảm như ý Lan. Thủ dâm là việc thường. Mà bác Hồ có thủ dâm chẳng nữa, cũng lại là việc thường: đời làm gì có thánh? Cái nhảm của Hà Thúc Sinh ở chỗ đã làm cho anh cán bộ vọt miệng ra những điều mọi người đều nghĩ mà không ai dám nói ra.

Hà Thúc Sinh không tìm con đường dễ đi: Không lười cuốn đọc giả bằng những hoàn cảnh éo le, ghê rợn: trạng huống có thể xảy ra cho những người sống trên hoang đảo. Ông dùng những hình ảnh sinh hoạt tầm thường hàng ngày của đời sống, gây hào hứng cho nhân vật và độc giả:

Trục đã trở lại tính lười cũ hủu. Miệng anh lảm nhảm trong lúc vật lông sống con sáo. Chỉ thỉnh thoảng Lan nghe được một tiếng "vô" lúc Trục hơi lao đầu tới trước, chân đập mạnh như đá một vật gì. Kế anh huyýt một tiếng sáo dài kiểu người ta ngưỡng mộ một mình tỉnh hay một người đẹp.

Thấy thái độ lạ thường của em, Lan không ngậm miệng được lâu. Nàng hỏi dè chừng:

- Cậu lảm bảm gì mãi thế?

Trục vẫn ngậm tằm. Nàng hỏi nữa:

- Nói gì thế?

Trục chột ngừng tay. Con sáo đã chết. Cần cổ gầy guộc chỉ còn những lỗ chân lông rướm máu ngoẹo sang bên. Trục đưa đẩy con sáo qua ngọn lửa nhỏ. Bất ngờ anh buột miệng:

- Nhiều khi bà làm tôi mất hứng.

- Tao làm gì mày mất hứng?

- Đang tưởng thuật buổi đá-bóng-tường thì bà cứ chen vào hỏi lung tung.

- Đá-bóng-tường là cái gì?

Trục loay hoay tìm một nhánh cây khô nhỏ. Anh tuốt lá, găm một đầu vào lưng con sáo rồi hơ trên ngọn lửa. Anh nhướn một chân mày lên, ngo chệ:

- Con người sống có lao động thì phải có ăn, có giải trí thì phải có thú chơi. Nhưng ở những nông trường thanh niên và những trại cải tạo, mà bố nó không có ăn mà cũng không có chơi. Một kiếp thú trong thiên đường.

Lan ngẩn ra với câu nói không rõ đầu đuôi của em. Nàng hỏi:

- Mày nói gì thế?

- Thì chị đang hỏi tôi làm gì.

- Tao chỉ hỏi mày lắm lắm cái gì.

Rồi nhìn vào nét mặt ngơ ngác ủa chị, Trục thấy cần có một giải thích, anh tiếp:

- Lâu lâu cuối tuần tụi tôi tụm lại năm ba thằng trên ban chỉ huy. Chúng tôi chui vào tấm chăn với cái máy vi âm. Tôi đóng vai tường thuật. Chị nghe đây:

Thưa quý vị, tỷ số hiện tại vẫn không-không cho đôi bên. Bóng hiện trong chân Ngà, Ngà chuyển cho Chi, Chi lật cánh và thừa quý vị từ cánh phải như mũi tên Bằng phóng xuống vợt quả bóng và.....(Ồ..Ồ..Ồ)." (trang 50, 51)

Dĩ nhiên trận cầu càng ngày càng sôi nổi, Trục cho người đọc thưởng thức những cú đá thần tình, những quả phạt góc, những cú sút...hựt, đủ cả, như xem đá banh...thiệt vậy.

Trong Chị Em có hai chỗ sơ hở, buồn cười:

- Anh chàng bộ đội đang nói: "A nô! A nô! ..." mấy giây sau đã đổi giọng bình thường, hết giọng: "Và chiếu lệnh uỷ ban quân quản..." (trang 80). Khó đấy.

- Việc gì Trục cũng thạo cả, trừ lược trứng: Bỏ trứng vào "nồi" lúc nước gần sôi, tránh sao khỏi vỡ.

Riêng về ông Bạch, cha Lan và Trục, tôi thấy tâm lý ông ấy gượng ép thế nào:

Biết code, biết địa điểm trục thẳng đến bốc, ông nhất định bắt gia đình ở lại. Dù ông đi đã nhiều, đã du học Mỹ, đã biết không đâu bằng quê hương (theo tôi, người Việt nào cũng nghĩ thế cả), quyết định của ông vẫn có phần ích kỷ, độc đoán và tàn nhẫn nữa. Ở lại làm việc cho chính quyền cộng sản, được trọng dụng, ông thực hiện động tác "hy sinh" cuối cùng: phá hoại kế hoạch viện trợ ba tỷ mỹ kim của Kuwait (ba tỷ hơi nhiều, đối với một xứ như Kuwait) cho nhà cầm quyền cộng sản Việt nam. Việc này, trên thực tế, làm sao thực hiện nổi? Ông chỉ là một thông dịch viên, có thể nào lật đổ được cả một chương trình to lớn thế? Chưa kể, hành sự như vậy - cho dù để chống cộng- có nên chăng?

Việc làm của ông Bạch, cũng như những lời biện bạch với con gái về triết lý sống của ông, có vẻ luẩn quẩn không thực tế. Hà Thúc Sinh nhẩy bèn bao nhiêu, khi ông viết về những cảm tình đột xuất, hay những hành động của con người do trực giác mà ra, thì khi ông phiêu du vào những dòng biện luận có màu sắc triết lý, những phân tích tâm lý dài dòng, bút pháp ông dường như ngập ngừng không thoải mái, do đó người đọc khó tiếp nhận. Điều này như một bệnh chung của rất nhiều tác giả hiện thời.

Những trang hay nhất trong Chị Em là những trang cuối: Hà Thúc Sinh để lại cho người đọc một ấn tượng day dứt, khó quên. Đường như nồng độ cảm xúc của độc giả bị nén mạnh rồi bùng lên, gia tăng theo vận tốc gió. "*Gió càng lúc càng dữ dội. Trời mới trong vắt đó mà thoáng chốc đã nhiều mây. Tình tứ như đã rụng quá nửa. Vầng trăng tái tái, mờ đục dần như khuôn mặt kẻ cơ hàn đến hồi kiệt sức*" (trang 128). Hình ảnh Lan, cây sậy, chạy ra chạy vào duy trì một ngọn đuốc soi đường cho em trong đêm đông bão, ám ảnh người đọc lâu dài sau khi câu truyện chấm dứt. Mượn bóng nhá nhem, Hà Thúc Sinh đã đem sinh mệnh hai chị em trà trộn với thực và hư, với hi vọng và tuyệt vọng, giữ bất ngờ cho người đọc tới dòng chữ cuối cùng.

"*Ngọn lửa đốt bập bùng trên một triền núi, khi lớn, khi nhỏ, khi tỏ, khi mờ*" là hình ảnh của con người còn tại thế hay đã bước sang cõi khác? là niềm hy vọng đang nhú lên dù chỉ ngấp ngừng? hay sự thoi thóp của con người trước thế vận năng của thiên nhiên và bạo lực?

Không ai biết được.

THÔNG BÁO CỦA UCI LIBRARY VIETNAM/SOUTHEAST ASIA ARCHIVE

Sau một thời gian chuẩn bị, Trung tâm văn khố Việt Nam và Đông Nam Á nay đặt cơ sở thường trực tại lầu 3 của Thư viện Đại học UCI.

Tất cả sách báo tài liệu về Việt Nam nay được lưu trữ tại cơ sở này. Đại học UCI đã đặt mua 40 luận án liên quan tới Việt Nam và Đông Nam Á, và hơn một nửa số này Trung tâm văn khố đã nhận được. Nhiều sách báo Việt ngữ cũng đã được những cơ quan xuất bản, học viện, đoàn thể, tác giả trực tiếp gửi tặng Trung tâm.

Trung tâm Văn khố Việt Nam và Đông Nam Á trân trọng kính xin cộng đồng người Việt hợp tác chặt chẽ với Trung tâm, bằng cách gửi về cho chúng tôi các tài liệu, sách báo liên quan tới Việt Nam để chúng tôi phân loại, phiên dịch và lưu trữ. Mong ước của Đại học UCI là Trung tâm Văn khố VN/ĐNA sẽ là một nguồn tài liệu dồi dào, đầy đủ nhất cho các học giả, văn nghệ sĩ khắp nơi tham khảo.

Trung tâm Văn khố cũng sẽ thông báo hằng tháng diễn tiến hoạt động của Trung tâm.

Mọi liên lạc về Trung tâm Văn khố VN/ĐNA, xin liên lạc với:

Anna Frank

UCI Library Vietnam/Southeast Asia Archive

The University Library

PO Box 19557

Irvine, California, 92713

CHÁO LÚ

Hoàng Khởi Phong

Kính Tặng Anh Hồn Vĩ Ý Nhân Dịp Giỗ Đầu

Khi tôi tới nhà nguyện, trời mới 5 giờ chiều, nắng đầu mùa xuân rực rỡ hơn trải trên những thảm cỏ xanh một màu vàng lưu ly, những cụm hồng, khóm cúc và đủ mọi loại hoa, đủ màu sắc nằm rải rác đó đây trên các cây thấp tự. Bên kia bức tường nghĩa trang, xa lộ 5 vào giờ đông xe nhất, cả một rừng xe trôi lừ đừ, có một lúc tôi tưởng chừng như cả cái giòng xe đó cũng chết, hoa đó, nắng đó, thảm cỏ đó, và ngay cả 4 anh em chúng tôi đây tuy chưa chết, nhưng thực ra không còn sống. Đúng vậy, ngay cả chính tôi đây, tôi chỉ là một cái xác còn cử động, còn ăn uống, hít thở khí trời và đôi tuần một lần, có đi tới một chỗ nào đó làm tình. Bởi sự sống không giản dị bao gồm những hoạt động có tính chất sinh lý, nên có những cái chết mà dường như sự sống còn lẫn quất đâu đây, còn chi phối những người ở lại, có những đời sống có cũng như không, có chỉ tồn cơm trời, nước mưa, đó là chưa kể đến những đời sống làm di hại, ung thối đến những người thân cận.

Khi tôi bước vào nhà nguyện, nếu không có những hàng ghế dài cho thân bằng, quyến thuộc ngồi đó thì căn phòng này quả là một mật thất sau chùa, một ngôi chùa nào đó, ở thật xa nơi đây, thật xa cái giòng xe cộ không bao giờ dứt này cả vạn dặm. Bầu không khí u uất bao phủ khắp căn phòng, nó lan sang nét mặt của mọi người, chỉ một người duy nhất thật bình thản, người đó chính là anh, nằm gọn lỏn trong quan tài, mở nắp nửa phần trên để mọi người nhìn anh lần chót. Sau cặp kính lão anh như đang ngủ một giấc thật yên bình, cái tẩu thuốc nơi tay phải, đây là lần đầu tiên tôi không thấy nụ cười hồn hậu nơi anh, đây là lần đầu tiên, tôi không thấy cặp mắt hóm hỉnh ranh mãnh phụ họa cho giọng nói từ tốn, trầm ấm và khoan hoà của anh, khoan hoà với tất cả mọi người tốt cùng như xấu. Dĩ

nhân tự anh, anh đã biết anh khoan hòa với mọi người không có nghĩa là anh hòa mình với tất cả mọi người, tự thâm tâm anh tôi biết anh yêu điều thiện, ghét điều ác một cách tự nhiên, yêu điều thiện vì điều thiện chứ không phải yêu điều thiện như một điều kiện để sau này lên được niết bàn anh đã yêu điều thiện vì điều thiện chứ không phải vì sẽ được bạn bè kính nể. Trong tinh thần đó, chưa đầy 20 tuổi, anh đã vào đời với một niềm tin bạt núi ở tương lai, tưởng cũng nên nhớ anh hưởng thọ 66 tuổi, khi anh vừa rời khỏi ghế trung học. ra Hà Nội vào những năm đầu của thập niên 40, đó là những năm sôi sục nhất của lịch sử Việt trong thời cận đại, thời gian này Pháp đã bị Nhật thay thế ở Đông Dương, dẫu phát xít Nhật với chiêu bài Đại Đông Á, nứa hện cho toàn cõi Đông Dương đủ điều, song trên thực tế Phát xít Nhật bóc lột dân ta còn tệ hại hơn thực dân Pháp, nạn đói 45 xảy ra trên toàn cõi Bắc Việt chính là hậu quả của Phát Xít Nhật đã cưỡng bách đồng bào ta, không trồng lúa mà trồng đay để dùng cho kỹ nghệ chiến tranh của họ. Thế hệ Vĩ Y là hai thế hệ kế tiếp của thế hệ đã phát động phong trào Đông Du, phong trào này sản xuất những Lương Ngọc Quyến, Lương Nghị Khanh...cùng hàng trăm thanh niên ưu tú khác, dưới sự lãnh đạo của cụ Phan Bội Châu lên lút xuất dương cầu học. Cái nhân Đông Du nẩy mầm nơi những Nguyễn Thái Học, Nguyễn Tổng, Đoàn Trần Nghiệp v.v... cùng hàng ngàn thanh niên ưu tú khác, chính cái mầm này nẩy ra hàng vạn đóa hoa của thế hệ Lý Đông A, Vĩ Y. Lúc này triều Nguyễn ở Huế chỉ còn thoi thóp thở, có một ông vua an phận cùng với những bầy tôi già, khu khu với tất cả những cái hay, cái đẹp cùng với cái xấu và tồi của Khổng học. Cả triều đình đó, cũng như vạn đóa hoa nở ra của thế hệ Vĩ Y chờ những ngọn gió mới từ khắp nơi thổi về. Triều đình Huế thật giống như một ngọn đèn chờ tắt, còn vạn đóa hoa đời kia chờ những ngọn gió mới đem nhụy hoa đực trải ra khắp nơi chờ kết trái cho đời. Những năm đầu thập niên 40, thế chiến gieo thảm kịch xuống đầu nhân loại, những đồng thời nó cũng mở ra những hy vọng cho một số các quốc gia bị trị từ Á sang Phi, tại những quốc gia này, những con dân yêu nước âm thầm vận động một trận chiến khác tranh đấu cho quyền tự quyết của dân tộc mình

Xã hội Việt Nam là một xã hội khép kín, dân trí của cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20 và dân trí của thời Lý, Trần không cách nhau là mấy. Khi nhà Long phục quốc được với sự giúp đỡ của kỹ thuật phương Tây, một số những nhà nho tiến bộ, có cơ hội thấy tận mắt sức mạnh của kỹ thuật đã giống những tiếng chuông cảnh tỉnh, song tầm mắt Thiệu Trị, Tự Đức chỉ thấy được tới điện Thái Hòa, và đám quan lại tổng nho hết như bầy hạc gỗ đã đưa triều Nguyễn đến chính sách bế quan tỏa cảng. Cứ đọc bút phê của Tự Đức vào những bản điều trần của Nguyễn Trường Tộ sẽ thấy

được cái giá mà chúng ta sẽ phải trả cho sự ngu muội, và tự mãn của triều đình. Khi Nhật Bản đã canh tân xong, trận hải chiến ở eo biển Đối Mã, xóa tan hạm đội Nga đồng thời đưa nước Nhật từ trong bóng tối nhảy vọt ra vũ đài quốc tế. Sĩ phu Trung Hoa, Việt Nam như tỉnh giấc ngủ ngàn năm, Đông du là một phong trào lớn nhất thời đó, sản xuất những trang anh kiệt đã đem máu của mình thấm vào lòng đất, để tưới những cây hoa tự do của xứ sở, đại đa số những con dân yêu nước, không có điều kiện và hoàn cảnh xuất dương cầu học xứ người thì tìm đọc mọi trào lưu tư tưởng các nơi, những luồng gió mới từ tứ phương thổi về, xung đột với nền tảng của Khổng Học tới tận cội rễ mà những đại diện sau cùng là bầy hạc gỗ của triều Nguyễn. Trong bối cảnh lịch sử đó, Vĩ Ý muốn đem tuổi trẻ của anh đóng góp với đời trong phong thái của một hiệp sĩ cứu khổ phò nguy, chứ không muốn làm một trang phong lưu tài tử, cười cợt gió trăng. Vĩ Ý soạn mình thành một người tranh đấu cho quốc gia, dân tộc chứ không dọn mình thành một nghệ sĩ tài hoa. Khởi đầu Vĩ Ý sinh hoạt với nhóm đại học Hoàng Mai Trong nhóm này chúng ta không thể không nhắc tới Lý Đông A, lý thuyết gia là đáng trường đầu tiên của Đại Việt Duy Dân, một đảng phái đào tạo nhiều thế hệ tranh đấu chống lại mọi chính quyền phản động. Cũng nên nhắc lại khi Lý Đông A lập thuyết và lập đảng ông mới 23 tuổi, rất nhiều đệ tử của ông lớn hơn ông cả 20 tuổi đầu, tư tưởng của ông tới bây giờ vẫn là kim chỉ nam cho hàng ngàn đảng viên cả quốc nội cũng như ở hải ngoại. nh hưởng của ông không hạn hẹp trong khuôn khổ Duy Dân mà bằng bạc qua một số những từ ngữ chính trị do ông sử dụng, những từ ngữ này lâu dần trở nên đại chúng, cũng như tư tưởng của ông chẳng những được các đảng viên Duy Dân triệt để áp dụng, còn được đáp ứng bởi những cảm tình viên hay những cán bộ của phong trào Duy Dân.

Vĩ Ý giống như, một cánh chim bằng, lập chí bay cao vạn dặm, tôi không hiểu vì lý do gì khi trận chiến Nga Mi Sơn xảy ra anh không có mặt, chiến khu Nga Mi này do Duy Dân lập ra vừa để chống thực dân Pháp, đồng thời đấu tranh với những người cộng sản, bởi lẽ những người cộng sản đã lợi dụng sự đoàn kết chống kẻ thù chung là thực dân Pháp, đã tìm cách ám hại, thanh toán những đảng phái quốc gia, vốn nhiều khuynh hướng, lại thiếu phương tiện tổ chức cũng như huấn luyện. Trong thời gian này Đại Việt Quốc Dân Đảng và Đại Việt Duy Dân chính là hai mục tiêu lớn cộng sản thấy phải thanh toán không thể để lớn mạnh với thời gian. Khi Nga Mi vỡ, vì bị cộng sản đại tấn công, người đáng trường trẻ tuổi tài ba bỏ đi, bởi lẽ lòng người chưa đủ thuận, chưa đủ hòa, ngay chính đảng của ông cũng đã phân thành 2 mảng lớn, trước trận chiến này những xung đột nội bộ đã phát hiện, một số lớn muốn lập chiến khu để đấu tranh với

lực với cả thực dân lẫn cộng sản, một số khác, trung thành với lý thuyết Duy Dân chủ trương cách mạng bằng văn hóa, đánh vào lòng người nên không gia nhập trận chiến trên Nga Mi. Có một điều chắc sự ra đi của Lý Đông A là một thiệt thòi không bao giờ lấy lại được của Đại Việt Duy Dân nói riêng, đối với lực lượng dân tộc mất đi một lãnh tụ tài ba.

Vị Ý có lẽ ở vào nhóm thứ 2 này, nhóm chủ trương cánh mạng văn hóa, đánh vào lòng người. Khi tin buồn đem tới (từ miền thượng du), đại cuộc mà anh ấp ủ trong lòng đem hết tâm huyết soạn mình những mong trở thành một trong những con chim đầu đàn sát cánh cùng những cánh chim bằng khác, những muốn bay suốt chiều dài lịch sử. Nào ngờ đại cuộc rồi cũng hồng, lại nữa lòng người mỗi ngày mỗi ly tán hơn, từ hai mảng lớn của Duy Dân, chẳng những đã không hàn lại được, nó lại còn vỡ vụn thêm ra, mỗi một nhóm trung thành với một số lý thuyết mà họ có được trong tay. Tin tức về người đáng tưởng tài ba mỗi ngày mỗi huyền hoặc sản cái vốn liếng học thức không nhỏ với thời đó, Vi Ý vào đời lần thứ hai bằng nghề viết báo, những mong dùng ngòi bút kêu gọi sự đoàn kết chẳng những của Đại Việt Duy Dân không mà thôi, mà là kêu gọi sự đoàn kết chung của đại khối dân tộc, bởi lẽ cùng một lúc dân tộc đang chịu áp lực nặng nề của hai kẻ thù lớn, một là thực dân Pháp, lúc này đã trở lại Đông Dương sau đệ nhị thế chiến kẻ thù thứ hai là cộng sản lúc đó tuy chưa đủ sức mạnh, nhưng hậu thuẫn của nó thì thật vô lường. Thời gian này, dường như bị ám ảnh bởi trận chiến Nga Mi Sơn, anh có đóng góp vào phần xây dựng lý thuyết cho một đảng phái quốc gia khác vốn thành danh là một đảng đã tranh đấu bằng võ lực. Tự đáy lòng anh, anh vẫn là người Duy Dân, những cánh chim đại bàng anh đã gặp một lần trong đời đã bay cao tới chín tầng trời đã bay vào vùng tối của huyền sử, anh dọn người thành một nghệ sĩ đích thực, dâng đời mình cho nghệ thuật phục vụ dân tộc, đem những hiểu biết anh có, làm một chiến sĩ văn hóa, nâng cao dân trí, phục vụ dân sinh, cùng tranh đấu cho dân quyền.

1954, thảm kịch ở quê ta vừa xong màn một trong cái màn một này, thực dân Pháp xuống tàu về nước, nhưng quốc gia và dân tộc bị chia đôi, nửa miền Bắc nằm trong vùng ảnh hưởng của đế quốc đỏ, miền Nam vĩ tuyến 17 nằm trong quỹ đạo của đế quốc trắng. Dĩ nhiên tôi chỉ nói đến thành phần lãnh đạo của hai miền, còn đối với dân tộc, Bắc cũng như Nam đều bị áp lực của ngoại bang, Vị Ý, người chiến sĩ văn hóa không vợ, không con, gia sản mà anh có được là trái tim yêu đời, yêu người, thật không có lý do gì ở lại một vùng đất chết. Anh vào Nam những mong đóng góp tài mình trong một vùng đất mới, những mong góp sức tài mình trong một hoàn cảnh lịch sử mới, chờ ngày quang phục quê nhà. Suốt trong thời gian này, anh thực sự làm quen với hội họa, vốn là một bộ môn anh đã tìm tòi

học hỏi, nghiên cứu từ lâu. Cũng trong thời gian này, vốn đã từng sinh hoạt và chịu ảnh hưởng không nhỏ nơi Lý Đông A, anh trước tác một cuốn sách lấy tên là "Kinh Hịch", tác phẩm này đưa anh tới vị trí của một lý thuyết gia, dẫn cho ảnh hưởng Duy Dân bằng bạc trong cái "triết tùy" của anh. Đóng góp lớn nhất trong sinh hoạt văn học nghệ thuật của anh lại chính là hội họa. Đây là cánh cửa đời thứ ba của anh. Sau khi mở cánh cửa "cách mạng" và cánh cửa "văn chương". Do đó người ta chỉ biết Vị Ý "họa sĩ" tác giả của những bức tranh vĩ đại đầy lòng yêu nước như bức "Hội nghị Diên Hồng" "Ta thà làm quỷ nước Nam" hay một cặp tranh khác gợi ý từ bài thơ Hồ Trường của Nguyễn Bá Trắc, tên riêng của hai bức tranh này gồm "Vỗ gươm mà hát", Nghiêng bầu mà hỏi". Tôi không biết gì về hội họa, chỉ cảm nhận được một điều anh đúng là một nghệ sĩ đích thực, và không ai có thể phủ nhận lòng yêu nước vô bờ của anh thể hiện trong tất cả các lãnh vực anh sinh hoạt: cách mạng và văn nghệ.

Ngày Vị Ý sinh hoạt với "Nhóm sinh hoạt Hoàng Mai" tôi chưa ra đời, khi Đại Việt Duy Dân ra tuyên ngôn lập đảng chính là lúc tôi lọt lòng mẹ, để rồi 24 năm sau do những tình cờ run rủi, tôi được anh tiếp tay cho tập sách đầu đời của tôi. Đó là một tập thơ in dưới cái tên của nhà xuất bản "Đại Nam Văn Hiến" do Thế Phong chủ trương. Đạo đó vào đầu năm 67, anh tiếp tôi tại nhà anh, một căn nhà lá vách ván trong một ngõ hẻm ở xóm Bàn Cờ, trong lần gặp gỡ này anh nói với tôi thật ít, muốn xem bản thảo tập thơ, anh chỉ nói vắn tắt: "Đọc xong nếu có hứng anh sẽ vẽ cho tôi một cái "portrait". Anh bảo tôi ngồi chơi, rồi chạy ra ngoài, vài phút sau về với hai chai nước ngọt tôi thật ngỡ ngàng khi anh bắt đầu dở tập bản thảo, không biết làm gì hơn là ngó dáo dác khắp nhà. Đến bây giờ đã 20 năm qua, tôi vẫn còn nhớ thật rõ đồ đạc trong nhà. Có một cái ghế bố, kê dưới cửa sổ, một cái bàn gỗ tạp, một cái ghế tròn không tựa, và sau cùng, trong một góc tối trong cùng là lu nước. Quả là đồ dùng chỉ có thể, dĩ nhiên con số những khung tranh nhiều hơn, vài bức vẽ xong được xếp úp mặt vô vách, và hai bức đang vẽ dở. Có lúc tôi đứng dậy đi lại, muốn lật mấy bức tranh anh đã vẽ rồi để xem, nhưng rồi lại thôi, nằng nịu qua những kẽ hở của vách ván thành những vết dài trong phòng, nắng xuyên qua qua những khe nhỏ của mái lá thành những lỗ nhỏ.

Cả tiếng đồng hồ sau, anh xếp tập bản thảo của tôi lại, anh lên tiếng hỏi về đời sống của tôi, cách hỏi hết như một người anh phụ dụ và khích lệ người em. Sau cùng anh bảo tôi: "Ba ngày nữa cậu lại đây lấy cái "portrait" về. Ngừng một chút anh tiếp: "Tôi thích một vài bài thơ của cậu. Tôi thích cái hơi thơ của cậu, chưa chắc nó đã hay. Trong toàn tập tôi thật thích hai bài đó là bài Cháo Lú và bài thơ đầu của tập". Ba ngày sau tôi tới lấy cái portrait về đem giao cho nhà in. Lần gặp gỡ thứ hai này, anh rủ tôi

ra một quán cóc đầu ngõ anh ở ăn hủ tầu. Hôm sách in xong, tôi mang lên biếu anh một quyển sách vào chính lúc anh vắng nhà.

Từ đó tôi lê la trong quán ngũ, trôi nổi khắp các nơi. Rồi tôi nghe tin anh lập "quán Lú" tôi có ghé quán một lần cũng không được gặp. Rồi mùa thăm kịch thứ hai ập tới, tôi có một chút may mắn là thoát được ra khỏi nước ngay từ những ngày đầu, song bố mẹ, vợ con, anh em đều không một ai có mặt bên ngoài địa ngục. Những năm đầu nơi xứ người, tôi sống như một kẻ mộng du. Bây giờ cơn mộng du đó đã lui, bởi lẽ tôi cũng là một con người bình thường, có thể nói là tầm thường, nếu không đẩy lui được cơn mộng du này tôi đã điên tù mười năm trước. Đường như chúng ta hiện lưu lạc xứ người có tới cả triệu, nhưng hình như chúng ta có không tới một ngàn người điên. Thời gian và lòng ham sống lúc nào cũng là những liều thuốc màu nhiệm. Và chẳng nữa, những đớn đau tôi chịu đựng ở đây, so với anh không bằng một mẩu, so với các bạn khác ngụp lặn trong tù đầy thì có lẽ cũng chỉ bằng cái móng tay. Còn so với những người thân quen đang chịu đựng những đắng cay đau buồn chẳng cũng được một khúc. Đã từ hơn 10 năm nay, tôi đi làm ca đêm, cứ người ta ngủ thì tôi thức và ngược lại. Con bò nào rồi sau cùng cũng phải tới lò sát sinh. Nó tới đó một lần, sau đó cuối nhà sát sinh nó trở thành những miếng steak, những miếng dồi, và một đồng đa bầy nhầy, tôi là một con bò trong 13 năm nay đã có tới ba ngàn lần chui vào xuống máy để mỗi khi ra về lại chết đi một chút. Tôi là một chuột đánh vòng, mỗi ngày là một vòng quay, tôi tìm mọi cách để tránh khỏi những suy nghĩ bi quan đó. Tôi chọn rất nhiều con đường tới sở, để mỗi hôm đi một đường về một ngã, có khi rời nhà cả tiếng trước để đi một khúc đường mà đồng nghiệp chỉ cần mười phút trên xa lộ. Tôi đổi sở luôn luôn, có khi đổi sở vừa phải đi xa lại lương ít. Tôi dọn nhà để chừng cũng tới hai mươi lần. ở trong xuống, để cho đêm dài chóng qua, mỗi khi tôi thò ngón tay vào cái nút, máy móc làm việc của nó, tôi lập tức ngồi xuống ghế suy nghĩ, tôi nghĩ đủ mọi chuyện từ lớn tới nhỏ. Từ xa tới gần, từ những ngày ấu thơ dưới mái trường tiểu học ở Hải Dương, cho tới chuyện mới xảy ra trong ngày. Tôi nghĩ tới người thân cho tới sơ, có lúc tôi suy nghĩ mạch lạc, từng chi tiết về một người, có lúc bạ cái gì nghĩ cái ấy. Sự suy nghĩ này giúp tôi chóng qua đêm cũng như cho khối óc tôi không trì trệ không chai cứng. Thú thật với anh tôi cũng có Nghĩ Cho Một Tác Phẩm, nhưng hể cứ cầm bút là lại lười. Tôi phải thú thật rất hiếm khi nào

nghĩ về anh, bởi lẽ cho dù anh có vẽ cho tôi một cái chân dung trong quyển sách nhưng cộng số tuổi của anh và tôi có được cho tới hôm nay là 111 năm. Thế là tôi chỉ gặp anh được có 2 lần. Hể cứ nghĩ về anh là lập tức tôi thấy một căn nhà lá vách ván, đồ đạc không có gì ngoài cái ghế bố, cái bàn gỗ tạp cùng một lu nước mà theo lời Thế Phong thì lu nước này

chính là nước ăn, nước uống, nước rửa mặt, đánh răng cũng như để dội cầu của anh. Tất cả đều mờ nhạt và tan biến đi trong cái biển người mà tôi đã gặp ở Phú Quốc, Quy Nhơn, trong suốt thời gian còn tại ngũ, cũng như tan biến đi nơi các túi người khổng lồ ở Đà Nẵng, Nha Trang lúc cuối mùa chém giết, cũng như tan biến đi nơi các trại tỵ nạn xứ người.

Gần đây, quá chán cái cảnh làm một con bò chui mũi vào lò sát sinh mà không gặp cái búa điện, tôi mở một quán cà phê, tôi có nghĩ tới quán Lú, và mừng cho anh bỏ được nơi muốn bỏ, để sẽ tới nơi phải tới. Tôi không định sống bằng cái quán này, chỉ muốn mở ra cho vui những ngày tuổi già sắp tới. Hôm khai trương, tình cờ của tôi, nhưng hữu ý của anh chị Trịnh Đình Thắng, anh lù lù tới và lại là người khách đầu tiên. Thoạt trông thấy anh, tôi biết ngay là ai, dẫu những lúc thoáng hoặc nghĩ về anh, tôi không thấy được anh rõ nét. Đây là lần gặp gỡ thứ ba của 111 năm đời sống hai người gộp lại, anh vừa từ một đảo tới nơi chín ngày. Anh không có gì thay đổi, ngoại trừ sự khác biệt của tuổi tác. Giữa hai lần gặp gỡ hai mươi năm đã qua đi, anh từ tuổi tứ tuần nhảy một bước thành một ông già lục tuần. Tôi từ một thanh niên yêu đời yêu người có làm thơ, viết văn không phải vì văn chương sẽ mang lại những người bạn gái, tôi làm thơ viết văn với niềm tin vũ bão: "THƠ LAM LỚN DẬY CON NGƯỜI". Bây giờ tôi đã 45 tuổi, mệt mỏi, chán chường, đã có những sợi tóc, sợi râu chớm bạc và xa gia đình cả một đại dương. Tin anh chết đến với tôi thật ngỡ ngàng, tôi hơi cáu, tại sao lại vô lý như thế? Con người đó đã sống tới hơn sáu chục năm trong đời, thậm chí đến độ chưa bao giờ lấy vợ, để hiến đời mình cho đại cuộc, đã trải qua bách chiết thiên ma, đã nhiều lần cận kề cái chết những tưởng rằng bây giờ là lúc anh yên hưởng tuổi già, suy nghĩ về tác phẩm hội họa mà dựng trong đầu, tác phẩm anh lấy đề tài lịch sử từ khi dựng nước cho tới hiện đại. Tất cả gồm năm? mười? hay hai mươi bức tranh? Mới chỉ dựng có cái dàn đề vẽ mà chỉ ngã một cái đã ra người thiên cổ, làm sao mà không oán trời, trách đất được?

Trong chớp mắt tôi thấy được cái sinh hoạt của đại học Hoàng Mai, ngay cả con người của huyền thoại Lý Đông A, tôi cũng thấy rõ nét những Vị Y, Nghiêm Xuân Hồng, Vũ Khắc Khoan, Thái Lăng Nghiêm... tất cả đều rõ nét dẫu cho những danh tánh tôi vừa kể tôi biết mặt được hai người là anh và thầy dậy sử Vũ Khắc Khoan của tôi. Hình như chính tôi cũng đã ra vào cái nơi huấn luyện đầu tiên của Duy Dân, hình như tôi có thấy những tranh luận của hai khuynh hướng lập chiến khu và ngược lại, tôi thấy đồi núi của tỉnh Hoà Bình, có phải Nga Mi Sơn là nơi tiếp giáp chỗ vua Đinh Tiên Hoàng khởi nghiệp, tôi thấy có một cái gì không ổn, từ những tranh luận đưa đến chỗ không hợp nhất này. Và cái lảng mạn của tuổi trẻ tài ba lỗi lạc như Lý Đông A, nhiệt thành như Thái Lăng Nghiêm. Bởi lẽ chỗ vua

Đinh khởi nghiệp hơn ngàn năm trước có thể là một địa điểm chiến lược, nhưng ở vào thời đại của chúng ta, mảnh đất đó bị cô lập, thiếu phương tiện giao thông tôi chưa kể đến quân số chênh lệch, và cộng sản một khi đã phát hiện tài năng của họ Lý dẫu có phải chuyển quân lệch nước, họ cũng sẽ vây Nga Mi Sơn họ sẽ phải đánh, dẫu cho phải trả bằng giá nào. Như vậy thì một ngàn quân nhân nghĩa làm sao có thể đương cự được với cả vạn quân bạo tàn của cộng sản đổ dồn từ mấy tỉnh Trung Châu đổ về. Những người ở lại không tham gia trận chiến trên Nga Mi, chắc hẳn đều thấy lòng buồn bã, Nghiêm Xuân Hồng, thành danh là một luật gia kiêm chính trị gia, Vũ Khắc Khoan thành danh như một bậc thầy của bao thế hệ "Chu văn An", và anh thành danh như một họa sĩ muốn thể hiện cả sức sống của dân tộc Việt trên khung vải. Bốn mươi năm đã qua đi, những dữ kiện lịch sử đó thiết tưởng chúng ta nên dựng lại, đã đến lúc những đảng viên Duy Dân nên vẽ lại đầy đủ những dữ kiện, cũng như công bố toàn bộ lý thuyết Nhân chủ, đó mới thực đúng tinh thần Duy Dân.

Tin anh chết đến với tôi như một nhát búa. Bây giờ anh nằm đó, nơi quan tài anh, có một cái huy hiệu mà tôi đoán là lá cờ mộng tưởng của anh. Lá cờ anh đã gọi ra trong tác phẩm "Kinh Hịch". Có một người già cùng ba người lứa tuổi bốn mươi, tiến đến, tôi nghe người già hô "nghiêm", tiếng hô không lớn nhưng đồng đặc, dứt khoát, tôi nghe khẩu lệnh "chào tay" rồi cả bốn người chào anh lần cuối, cái chào rõ không phải của nhà binh, đây là kiểu chào tay của đảng phái, nắm tay lại thành quyền, đưa lên thái dương. Dẫu anh không hoạt động với Duy Dân từ sau vụ Nga Mi. Dẫu anh có viết sách và lập thuyết nhưng anh chưa bao giờ lập đảng. Do đó cái "chào" đó phải là người của "Duy Dân" đến tiễn anh lần chót. Cả vùng đồi núi trung châu, cả vùng rừng rậm biên giới, cả cái không khí bí mật, chết chóc, như bỗng trở về cùng với cái chào đặc biệt này. Anh bỏ đi sao đành, những bức tranh chưa kịp vẽ bây giờ sẽ vào lòng đất! Không phải, sẽ tan theo khói mây, bởi lẽ anh sẽ được hỏa thiêu. Vẫn biết rằng sinh, lão, bệnh, tử là bốn giai đoạn của một đời người, nhưng anh chưa tới giai đoạn bệnh, anh vẫn còn mạnh, nhất là tinh thần đã gìn giữ được suốt hơn mười năm trời trong nước, vừa đặt chân tới xứ người đã toan tính làm một việc vĩ đại khác, đã toan tính thể hiện cả sức sống của dân tộc mấy ngàn năm lên khung vải. Anh Vị Y thân, quán Lú giờ này đâu mồ của? Anh vội về làm chi, chao đó lúc nào mà chả còn, ở đâu mà chả thể, tôi chắc rằng anh và tôi vẫn như xưa dẫu còn sống hay đã chết, dẫu bốn mươi lăm hay sáu mươi, bởi lẽ chúng ta đã sinh ra, thì rồi cuối cùng chúng ta sẽ phải đi cho hết đường tên của mình. Đó có phải là điều mà hai mươi năm trước nhờ đó anh nhìn tôi như một người bạn vong niên. Tôi không có gì để có thể tiến đến quan tài anh "chào" với một nắm tay co lện để vào thái

dương, chỉ có thể chép lại đây, một đoạn thơ cũ trong tập thơ đầu tay của tôi, và anh đã từng chia sẻ:

Tôi sẽ phải ăn "Cháo Lú" để xóa nhòa một kiếp người đi lạc.
Nhưng tôi quên sao được: thân thể tôi mang vết hằn bom đạn.
Mất tôi phải nhìn ngó thường nhật những thầy người đổ xuống
Mà sao bất công vẫn cứ đầy đầy
Tại tôi đó nghe toàn lời than thở
Còn của hồn tôi buông thõng như cây lúa non chịu trận mưa rào
Dù thế nào tôi cũng phải ăn để quên hết mọi điều ám ức
Chỉ xin nhớ một điều duy nhất
Trọn kiếp trước sinh làm dân nhọc tiểu
Những bất công mà các anh
Những người ngoại quốc vẫn mình tự do
Những dân tộc đàn anh cộng sản
Đã dành cho đất nước chúng tôi. Đã ăn sâu vào trong não tủy
Tôi sẽ tái sinh không cần đánh dấu bằng miếng da vá chó
Mà đánh dấu bằng hận thù truyền kiếp xa xăm
Khi bánh xe Pháp luân đẩy lại lên trần
Nhân danh người Việt Nam da vàng nhọc tiểu
Tôi sẽ tranh đấu chống lại các anh với hận thù kiếp trước nhưng với
khởi điểm mới trong thời gian tôi vắng mặt trên trần
Tôi sẽ tranh đấu chống lại các anh
Cho trọn kiếp người bỏ dở.

(Cháo Lú- Mặt Trời Lên
Đại Nam Văn Hiến 1976)
HOANG KHOI PHONG
1988

NÓI CHUYỆN NGƯỜI THƠ

Nguyễn Nghĩa

THỰC

*thiền giả sớm mai lên ngọn núi
nhập đất trời, tâm sự hư-vô
thiền-giả ban trưa trườn xuống núi
miếng lót lòng ta hóa hư-vô*

NHỚ RA

*trăng tuyền vọng đêm nào giữa biển
bơi cạnh thuyền khấn khoản van xin
có chàng thi sĩ đang say sóng
muốn vớt trăng lên, ngại chết chìm*

TÌNH

*một bầu thi phú, thêm bầu rượu
khi ra thơ nói chuyện trên trời
khi cạn rượu đi tìm dưới đất
thấy trần gian cũng đủ đề tài*

Nguyễn Nghĩa

QUA KÍNH CHIẾU HẬU

Đọc lại tiểu luận của Võ Phiến

Quỳnh Giao

Viết về một nhà phê bình là một điều đã khó lại tế nhị. Vì phải viết về tác phẩm được phê bình (mà nhiều khi mình hiểu khác, hoặc có khi còn...chưa đọc!), và về người phê bình, cùng cách phê bình (mà nhiều khi mình không hiểu, hoặc không có cùng một cách thẩm định). Tôi thật không có tham vọng này khi cầm tác phẩm Tiểu Luận của Võ Phiến ở trong tay. Nhưng sau khi đọc xong, tôi thấy hứng thú đến nỗi bạo gan cầm bút viết xuống một số cảm nghĩ của mình về nhà văn Võ Phiến, qua cách viết của ông.

Tôi xin có đôi hàng về cuốn Tiểu Luận này, trước khi đi vào nội dung những cảm nghĩ của người đọc.

Cuối năm 1988, nhà xuất bản Văn Nghệ cho ra mắt một cuốn sách 363 trang của Võ Phiến, dưới tên Tiểu Luận, gồm ba tác phẩm đã được xuất bản, hay đăng tải tại Saigon trước 1975: - *Tiểu thuyết hiện đại*, do nhà xuất bản Thời Mới xuất bản lần đầu năm 1963 tại SaiGòn;

- *Chúng ta qua cách viết*, do nhà xuất bản Giao Điểm xuất bản lần đầu năm 1972 tại Saigon;

- *Chúng ta qua tiếng nói*, đã được đăng tải trên các tạp chí Thời Tập và Văn trong các năm 1974 và 1975, và chưa từng được xuất bản.

Như vậy, nhà Văn nghệ tập trung lại cho độc giả hải ngoại những bài tiểu luận đã được Võ Phiến viết rải rác, sớm thì hơn một phần tư thế kỷ, trễ thì ngay trước khi mất Saigon, và viết về cách viết (và cả cách nói) của chúng ta thời đó.

Gọi những tác phẩm này là phê bình văn học thì chắc tác giả không chịu. Vốn tính dè dặt và khiêm nhường, ở tác phẩm đầu, Võ Phiến tự nghĩ mình chỉ "tìm hiểu về tiểu thuyết hiện đại" trong ý nghĩ của một người *chưa hiểu mà muốn* hiểu về những biến chuyển trong ngành tiểu thuyết thời đó. Trong tác phẩm thứ hai, *Chúng ta qua cách viết*, tập trung những bài viết cách đây tròn 20 năm, Võ Phiến cũng dè dặt nhận mình là chỉ "thử suy nghĩ về mấy đặc điểm của lớp người chúng ta, bằng cách theo dõi lối viết của chúng ta hiện nay". Cũng vậy trong tác phẩm thứ ba, *Chúng ta qua tiếng nói*, tác giả trình bày những suy nghĩ của mình trong thời kỳ 1974-1975, về ngôn ngữ ta sử dụng. Biến cố 75 đã gián đoạn việc tác giả bình luận về tiếng nói của chúng ta. Mãi cho đến năm 1988, Võ Phiến mới làm được việc đúc kết cho tài liệu đồ sộ này trong một hội nghị tại Adelaide (Úc Đại Lợi) và toàn bộ cả ba tác phẩm mới được nhà Văn Nghệ xuất bản dưới tên Tiểu Luận.

Chính vì nghĩ là Võ Phiến chỉ trình bày những tìm hiểu về cảm nghĩ của mình về tiểu thuyết, và nói chung về văn chương và ngôn ngữ của chúng ta trong thời kỳ 1960-1975, nên người đọc mới dám viết về những điều tiếp nhận từ tác giả, khi cùng nhìn lại tiểu thuyết và văn chương khoảng hai mươi năm về trước.

Hai mươi năm về trước, văn chương tiểu thuyết của miền Nam có thấy một hiện tượng một số người cầm bút đi tìm những cái mới, Võ Phiến chẳng phê phán hay dõng những hiện tượng mới này. Ông chỉ trích dẫn một đoạn văn rỗng rang, gọi đó là sự... "*phiền hà*". Nếu đã quen Võ Phiến trong lối phân tách tỉ mỉ và sâu sắc, nhiều khi tai ác mà luôn luôn duyên dáng, người đọc mới thấy sự tự chế đáng yêu của ông khi bày tỏ sự hoài nghi một cách hết sức nhẹ nhàng như vậy. "*ở thời nào cũng có những người a dua, cóp nhặt những mẫu văn khuôn sáo trống rỗng; nhưng mỗi thời đại lại có những khuôn sáo khác nhau.*" Xu hướng gọi là "mới" trong tiểu thuyết của ta vào thời đó chẳng lẽ chỉ có vậy, có cái "tham vọng triết lý... một nỗi bức dọc, gắt gỏng, phá phách..."? Chẳng lẽ chúng ta từ Võ Phiến thời đó đến đọc giả của mọi thời trước và sau, lại "tối" đến mức không hiểu gì về hiện tượng đó? Võ Phiến không phủ nhận những đặc tính mới lạ, ông còn cẩn thận nhắc nhở những người ưa chuộng tiểu thuyết gọi là "bình thường, cổ điển" là nên dẹp bỏ thành kiến, và vượt qua sự hiểu biết của mình để khách quan mổ xẻ vấn đề.

Tiểu thuyết mới là gì? Tiểu thuyết là gì? Cái gọi là "mới" đó tìm thấy ở đâu? Rồi tiểu thuyết mới sẽ đi về đâu?

Hơn hai mươi lăm năm sau, đọc lại Võ Phiến viết về hiện tượng tiểu thuyết mới, người đọc như thấy có một cái gì đang biến dần sau lưng, giống cảnh vật nhìn từ kính chiếu hậu của một xe hơi.

Theo những định nghĩa cổ điển của Tây phương về bộ môn tiểu thuyết (chúng ta dùng một từ của Trung Hoa - *tiểu thuyết* - để dịch một từ của Pháp - *Roman*-, nên có gặp những bất tiện (về ngôn ngữ), đó là một thể loại văn chương trình bày một câu chuyện bịa đặt, viết bằng văn xuôi, trong đó tác giả hoặc mô tả các tình cảm, các phong tục, hoặc kể những sự việc kỳ lạ, cốt gây hứng thú cho độc giả. Tiểu thuyết là truyện giả tưởng, dĩ thường, viết bằng văn xuôi, để người đọc giải trí. Đây là một thể loại nghệ thuật bị một số khuynh hướng nghệ thuật và văn chương khác coi là kém, chỉ có giá trị mua vui. Mà muốn mua vui phải có cốt truyện làm cho người đọc hứng thú.

Nhưng, qua Võ Phiến, người đọc thấy là theo khuynh hướng chủ quan duy lý của Tây phương vào thế kỷ trước, người viết tiểu thuyết đã hạ cốt truyện từ thế giới thơ mộng xuống thế giới con người, và muốn dùng ngòi bút diễn tả thực tế cho thực "người". Cốt truyện "hay" là cốt chuyện sát với thực tế, chứ không còn kỳ dị lạ thường như trước đó nữa. Đã sát với sự thực, cốt truyện nhiều khi mất hẳn đặc tính gay cấn, gây hồi hộp hay hứng thú cho người đọc. Khi tiểu thuyết đi từ thế giới phi thường đến thế giới con người, cốt truyện mất đặc tính dị thường mà trở nên tầm thường. Đó là sự chuyển biến thú nhất sang giai đoạn thứ hai.

Rồi chưa hết, từ tình trạng tả thực một chuyện bình thường, tiểu thuyết bắt đầu trở thành mới, khi bắt đầu quảng cả cốt truyện đi. Trong giai đoạn thứ ba này, tiểu thuyết không còn mục đích tiêu khiển, mà cũng chẳng có tham vọng tả thực, trình bày những tình cảm tình vi hay những rung động tâm lý tế nhị nữa. Nó muốn bày tỏ một thái độ, một quan niệm triết lý. Cốt truyện, một trong ba yếu tố trở thành tiểu thuyết, đã không còn tầm quan trọng. Điều quan trọng chính yếu là tư tưởng được chuyển chở trong tác phẩm...

Qua ba giai đoạn của tiểu thuyết, người ta nhận thấy ba quan niệm khác hẳn nhau về kết cấu của câu chuyện tác giả muốn kể trong tiểu thuyết. Mỗi tác giả theo một khuynh hướng coi lại quan niệm của mình là chính thống, có khi chê quan điểm khác là tà ngụy. Muốn bước vào thế giới của tiểu thuyết mới, Võ Phiến nhắc người đọc là phải rũ bỏ những quan niệm của các khuynh hướng mà ta tưởng là truyền thống kia.

Nhưng, tựu chung, tiểu thuyết mới sử dụng văn chương của một câu chuyện để diễn tả một cái gì khác. Cái khác đó là cái gì, chính các tác giả của thể loại "tiểu thuyết mới" cũng không thể đồng ý với nhau. Vất vả thật!

Sau cốt truyện, Võ Phiến phân tích tới nhân vật trong tiểu thuyết.

Tiểu thuyết thơ mộng viết về những nhân vật dị thường, những người hùng trong văn chương. Khi tiểu thuyết đi vào giai đoạn tả thực, người

hùng hết hùng mà chỉ là người thường, càng thường càng hay. Nhân vật trong truyện *Le hero du roman* - chỉ là người mà ta có thể gặp bất cứ nơi đâu, bị tác giả xốc thẳng vào truyện, đặt dưới kính hiển vi, và phân tích mổ xẻ dưới mọi góc cạnh, cho lộ hết chân tướng mới thôi. Phép "chiếu điện" tưởng là đã chính xác và chân thực với khả năng toàn vẹn của khoa học thời đó. Vậy mà không. Cõi người ta có đơn giản đến độ tâm tính nhân vật lại được trình bày toàn diện và trọn vẹn như vậy đâu? Tiểu thuyết khi thành "mới", đào sâu hơi :âm lý con người, đào sâu hơn và xé rộng ra những ẩn ức trong ý thức và cả trong vô thức của nhân vật. Phan phui không thương tiếc đến tận những chỗ thâm thiết sâu kín nhất hay siêu linh nhất của nhân vật xong rồi, người ta để nguyên đấy, cho người đọc kết luận và phán đoán. Những tác giả của bộ môn tiểu thuyết mới đi từ khách quan tuyệt đối đến chủ quan tuyệt đối khi họ muốn trình bày nhân vật dưới mọi góc cạnh "khách quan" (không chỉ dưới hình thức phân tích tâm lý của họ) mà rốt cuộc để nói một điều gì đó khác hơn là nhân vật bị mổ xẻ. Điều đó là điều gì?

Điều đó có thể là một quan niệm tư tưởng, triết học, phân tâm học, xã hội học, v.v... của tác giả. Điều đó có thể là một ẩn số vu vơ mà tác giả muốn chính người đọc tìm ra. Vì vậy, đọc tiểu thuyết mới người ta thấy mệt, thấy mọi sự đều mông lung mơ hồ. Đăm ra, người đọc không phải chỉ hiểu cốt truyện, hiểu nhân vật, mà còn phải hiểu cả tác giả nữa. Tác giả muốn nói gì vậy?

Câu hỏi có khi thành tiếng hét thất thanh, khi người đọc đứng đến đặc tính tiêu biểu nhất của tiểu thuyết "mới": Vô Phiến dẫn ta vào kỹ thuật viết truyện. Thời kỳ tiểu thuyết thơ mộng và dị thường, người ta được dắt tay vào truyện, hoặc đúng như Vô Phiến viết, được *nghe kể* câu truyện một cách có lớp lang, mạch lạc. Nghe xong thấy thích thú và nghe chưa hết thì còn thòm thòm, tò mò, muốn theo dõi cho hết câu chuyện. Sang đến giai đoạn tả thực, người ta rơi từ thế giới viễn mơ, với câu truyện có đầu có đoạn, xuống cái thế giới rắc rối của cuộc đời. Nhưng, kỹ thuật tinh vi của tiểu thuyết tả thực cũng còn có cái "chủ quan". Nó là đời sống thật đấy, nhưng mà chỉ là đời sống qua sự trình bày và phân tích tỉ mỉ, có khi công phu và tài hoa, của tác giả. Nó là đời sống qua ống kính của kẻ viết lại câu truyện, qua cách tác giả giải phẫu tâm lý nhân vật.

Sang đến tiểu thuyết mới, kỹ thuật kể truyện đã dứt, mà cả kỹ thuật phân tích cũng hết luôn. Vì người ta không tin vào sự thu xếp dàn dựng của tác giả nữa, người ta muốn dẫn độc giả một bước đi thẳng vào cõi "thật": ba hồi nghe nhân vật phân trần, ba hồi theo người viết chạy theo một góc cạnh khác của câu truyện, có khi lại nghe cả dĩ vãng lẫn thực tại cùng ồn ào lên tiếng một lúc, trong sự nín thinh của tác giả... Kỹ thuật của

"tiểu thuyết mới" có tham vọng vút người đọc vào ngay trong cuộc sống phức tạp để đi từ tâm tư nhân vật, qua sự việc, vào đối thoại, ra tả cảnh, thời gian và không gian đều rối bù trong những hình ảnh mờ mịt chồng chất lên nhau. Người viết không chỉ dùng một, mà nhiều ống kính thu hình và chiếu cho ta trên cùng một trang giấy tất cả những gì "sống" nhất họ đã chớp được. Làm sao mà người đọc không có lúc choáng váng chẳng hiểu ai nói câu này, ai tâm sự điều kia, sự việc đó xảy ra trước hay sau, thuộc về ký ức của tác giả hay hiện tại của câu truyện, v.v....?

Vô Phiến thông cảm với nỗi băn khoăn của người đọc, nên chịu khó tìm kiếm lời giải thích của chính những tác giả tiêu biểu nhất. Chẳng hạn như Claude Simon. Ông ta giản dị trả lời độc giả: *"Điều mà tôi muốn tìm kiếm, ấy là sự chính xác của cái ký ức vô thức mà Proust đã nói, thứ ký ức duy nhất có giá trị"*. Cũng Claude Simon, khi giải thích thêm về ngôn ngữ trong tiểu thuyết, đã cho biết: *"Khởi điểm... theo tôi, đó là cách chép lại cái nhìn chủ quan của tôi đối với sự vật. Nhưng, có điều ngộ nghĩnh là mặc dầu lúc đầu ta tự bảo: "Tôi thủ diễn tả chuyện này hay chuyện nọ, dịch" cái này hay cái kia, thế rồi từ chính trong ngôn ngữ, từ trong vật liệu ta dùng, xuất hiện ra những cái làm cho ta phải ngạc nhiên, những cái mà ta không hề có ý định làm ra..."*

Khi chính tác giả còn ngỡ ngàng vì cái đã sáng tạo tự tại tại của ngôn ngữ, bảo sao mà độc giả không kinh ngạc khó hiểu?

Độc giả Việt Nam khi đọc những tác phẩm theo "động lực của ngôn ngữ" này đôi lúc có cảm giác như xem một bức họa bất ngờ: Nghệ sĩ định vẽ một điều, nhưng trong những màu sắc tìm kiếm, ông bắt được một màu xanh rất...Chagall, rồi một màu vàng rất...Van Gogh, bèn phóng bút tô xanh tô vàng cả bức tranh, với kết quả làm ông hài lòng, và làm người xem phiến hà...

Với đầu óc của một người hơi bị méo mó bởi âm nhạc, tôi có cảm tưởng như nghe một bản nhạc chói tai pha trộn đủ thứ tác giả, đôi khi Ravel lẫn với Bartok, Stravinsky trộn Scriabin, và cuối cùng thứ không rõ tonalité lẫn nhịp điệu gì...

Đọc lại tác phẩm đầu của Vô Phiến, về tiểu thuyết hiện đại (chữ này ông dùng đúng hơn "tiểu thuyết mới" vào thời kỳ 1950-1970), chúng ta nhớ lại là tiểu thuyết của ta có bị ảnh hưởng đột ngột, dồn dập ít gọn lọc hay chưa gọn lọc của tiểu thuyết Pháp, rồi Mỹ. Thực ra, bộ môn tiểu thuyết đã có nhiều thời kỳ, biến đổi từ trạng thái nguyên thủy vào thế kỷ 11 sang các thể loại khác, trong đó có loại thơ mộng và tả thực cùng nổi lên từ đầu thế kỷ 17, loại phân tách nội tâm và tự truyện vào thế kỷ 18, loại lãng mạn và có tham vọng toàn diện vào thế kỷ 19, loại luận thuyết vào đầu thế kỷ

này. Trong những trào lưu dồn dập đó, cái gọi là "tiểu thuyết mới" chỉ xuất hiện và khoảng 1950 (lấy Alain Robbe-Corillet và tác phẩm *Les Gommages* làm các mốc) và cũng bị một loại khác tranh giành ảnh hưởng là loại tự truyện (autobiographies).

Tiểu thuyết mới gây sóng gió vì kỹ thuật và ngôn ngữ mới, muốn đi ngược lại khuynh hướng chủ quan của tiểu thuyết cổ điển hay "truyền thống" mà đề cao cái khách quan tuyệt đối của sự việc. Nhưng, khách quan đến tuyệt đối rồi cũng chỉ là sự chủ quan tuyệt đối không kém như ta đã thấy ở trên. Sau cùng, năm 1984 mới đây, chính Robbe-Corillet cũng tự chấm dứt giai đoạn đập phá và tìm cái mới của mình bằng một tác phẩm có đặc tính tự truyện (*Le Miroir qui Revient*) và tác giả trở lại vị trí người kể truyện, gần với loại tiểu thuyết cổ điển trước đây từng bị "vượt qua".

Như vậy, so sánh với "tiểu thuyết mới" của thời kỳ 1950-1970, giờ này, tiểu thuyết nào mới là mới? Nhà lập thuyết của tiểu thuyết mới đã nói đến một cấu trúc chuyển dịch (*une structure en mouvement*). Độc giả Việt nam đọc lại Võ Phiến thì hiểu một cách giản dị là mỗi thời lại có một số trào lưu thịnh hành, cái "mới" của hôm qua, đã là cái "cũ" của ngày hôm nay. Thời xưa, tiểu thuyết mới chưa thành hình ở Việt Nam, nhưng, Võ Phiến ghi nhận là *có những tác giả hể động đến viết mà không xáo trộn thời gian loạn xạ, không chấm dứt thật hiếm, không vắng tục...v.v...thì có lẽ tự lấy làm ngượng ngùng hơn là lết thang lầu*. Theo dõi những sáng tác mới đây tại hải ngoại, chúng ta thấy hiện tượng yếu bóng vía đó đã cáo chung. Và nếu bạo gan một chút, người đọc Tiểu Luận của Võ Phiến đã có thể nói là những sáng tác nào mới của chúng ta mà còn một chút ít ảnh hưởng của "tiểu thuyết mới" cái ảnh hưởng đã từng là thời thượng của Sài gòn năm xưa - giờ này đã có một chút gì đó trái mùa, lạc lõng. Sau những gặm thét của một thời, tiểu thuyết mới cũng bắt đầu già nua ngay trên quê hương của nó, và càng lạc loài trong cõi văn chương Việt Nam ở ngoài quê hương của chúng ta.

Lời khuyên nhủ của Võ Phiến, một nhà văn có vị trí vững vàng và tư cách bình thản nhất của những thập niên qua, chắc chắn vẫn có giá trị cho những nhà văn thời nay: "*Phớt lờ những đổi thay xấu xa và rõ ràng của đường hướng văn nghệ gần đây (hai mươi lăm năm trước), không chịu biết để, ôm khư khư những nguyên tắc thẩm mỹ cũ, thì là một thái độ ngoan cố đáng giận... Nhưng thừa dịp đổi mới rầm rộ mà lật đặt vùi vàng học lại chỗ được chỗ mất những mới lạ vừa trông thấy của người, thì cũng là những hoạt động phí công đáng tiếc*" Tiểu thuyết mới sẽ đi về đâu, Võ Phiến từng không tin là các tác giả ngoại quốc sẽ *xuống* cho các tác giả Việt Nam theo. Ông có lý, và cho là người sáng tác ở nước ta sẽ tự định lấy cho mình một hướng đi. Gần một phần tư thế kỷ sau, đọc lại mới thấy thấm thía lời

căn dặn của ông: "Đi về đâu mặc lòng, những kẻ thành công vẫn chỉ là những kẻ tiến bước với thái độ chân thành."

Hơn hai mươi năm trước, Võ Phiến không chỉ tỉ mỉ phân tách thật rạch ròi hiện tượng "tiểu thuyết mới" ông còn để ý đến nhiều hiện tượng khác trong văn học. Những hiện tượng mà giờ nay đọc lại, người đọc thấy lẫn lộn một nỗi buồn man mác và một sự hứng thú như được xem lại những tấm ảnh cũ trong album vậy.

Chắc chắn không phải là một ngẫu nhiên mà Võ Phiến đã đồng ý cho nhà Văn Nghệ in lại các tác phẩm viết về tiểu thuyết hiện đại và về cách viết, cách nói của chúng ta trong một tập Tiểu Luận. Tôi nghĩ là các tác phẩm này bổ túc cho nhau.

Cùng với thời kỳ mà một số tác giả vội vã đi tìm cái "mới" trong kỹ thuật viết tiểu thuyết cho kịp với trào lưu văn chương Pháp, Mỹ, thì tại miền Nam, người ta thấy xuất hiện một phong trào viết truyện dài đăng từng kỳ trên báo. Một "cuộc tổng động viên" như Võ Phiến kể. Hầu hết các nhà văn đã hay sắp nổi tiếng đều trước sau nhập cuộc. Nguyên nhân? Hiện tượng nhật báo xuất bản đông đảo là chính. Truyện nhật trình vì vậy đã có tầm ảnh hưởng của nó đối với nền văn học, đối với độc giả. Nhưng, ngược lại, thể loại truyện dài từng trang in báo ngày cũng chi phối cả bút pháp và kỹ thuật viết truyện của các tác giả.

Không phải ngẫu nhiên mà hiện tượng văn chương tả thực lại phát đạt trong thời kỳ văn chương nhật báo này. Người ta viết như nói, truyện là lời nói, *đối thoại* là đặc tính của rất nhiều tác phẩm thời đó. Nhân vật trong truyện nói như người ngoài đời đã dành, mà còn nói nhiều, nói cộc lốc, nói dăm da dăm dấn, có khi gắt gỏng, thô lỗ. Thời đó, độc giả dường như thích vậy.

Vì sao? Vì truyện tả thực như ở ngoài đời? Vì người ngoài đời thấy mình cũng sống và nói như nhân vật trong truyện? Vì chiến tranh và những thống khổ của đời sống khiến chúng ta muốn tìm trong truyện "người ta có như vậy không"? Người đọc thử đề đặt nêu thêm một điều giải thích: tình trạng ngột ngạt của xã hội thời chiến có đưa con người ta đến phản ứng nhòem qua nhà bên xem "ngoài đó ra sao"? Loại truyện tràng giang đại hải với những lời đối đáp hồn nhiên trung thực của nhân vật phơi trải từ trang này qua trang khác, từ ngày nay qua ngày khác, được độc giả ưa thích vì đáp ứng một nhu cầu thầm kín của con người ta trong thời đó. Những truyện càng viết ra cái trung thực có khi đến sống sượng lại càng được coi là hay. Người ta thích sự sống động đã dành, nhưng đã sống động mà còn sống sượng thì rõ là có hàm ý một sự chống đối, bất chấp. Kỹ thuật dùng khẩu ngữ được tận dụng thay cho văn ngữ, và trong văn chương đối

đáp, càng nói ra lời thiếu văn vẻ, thiếu nghiêm túc, thiếu trau chuốt, càng sơ sài mọc mọt là càng đất cách.

Xuyên qua những điều Võ Phiến ghi lại về chúng ta qua cách viết (và cách đọc) thời trước, độc giả thời nay mới lưu ý đến những hiện tượng xã hội tiềm ẩn bên dưới phong trào tiểu thuyết ngày xưa. Hình như là trong khi một số người muốn khai phá và tìm ra một hướng đi cho tiểu thuyết được mới, thì lạng lẽ, không tuyên ngôn ồn ào, tiểu thuyết ta đã đi tới chỗ rất thật và mới của nó. Những bất bình, phẫn uất, những bức dọc khó chịu của người ta đã đi vào tiểu thuyết và đưa đến những hiện tượng văn chương khẩu ngữ buông thả, nghênh ngang như coi không có một chuyện gì đáng là quan trọng nữa, trên cõi đời này. Chính lối viết và đọc của chúng ta có phản ánh thái độ sống của chúng ta thời đó.

Đọc lại, và nghiền ngẫm lại Võ Phiến trong Tiểu Luận, chúng ta như thấy lại cả một không khí phức tạp, xô bồ và đầy mâu thuẫn ngổn ngang của chúng ta trước đây. Nhớ lại không khí đó, và nhớ lại hình ảnh đĩnh đạc, trầm lặng của một Võ Phiến nhà văn, làm sao chúng ta không thấy có sự tương phản? Kết hợp hình ảnh của nhà văn bình thản đó với những nhận xét sắc sảo tinh quái của Võ Phiến trong Tiểu Luận, chúng ta thấy có một sự tương phản khác. Khi cho tái bản những bài tiểu luận này, có lẽ Võ Phiến cũng muốn nhắc giới cầm bút thời sau về những tương phản của dân tộc tính chúng ta: Rất cụ thể trong tâm lý và ngôn ngữ, nhưng tràn đầy cảm quan trong tứ văn, tứ thơ, chứ không nghiêng về lý trí. Cái cảm quan nhiều hơn lý luận khiến chúng ta yêu thích thơ văn hình như nhiều hơn các sắc dân khác.

Mấy mươi năm sau, nhìn lại không khí sáng tác thời trước mờ dần như nhìn vào một tấm kính chiếu hậu, người đọc thấy may mắn là Võ Phiến vẫn còn đó để nhắc chúng ta, thiếu sót lưu vong ở hải ngoại, về khung cảnh đang vùn vụt lao tới ở trước mặt: Thời gian qua rất nhanh, hãy cố truyền nhau giữ được Việt Ngữ, cái phương tiện duy trì một cách cảm nghĩ chung, một lối đi về với nhau về mặt tinh thần. Nếu không, người Việt ở nơi này, gặp người Việt ở nơi kia, sẽ không khỏi ngỡ ngàng vì những xa cách trong tiếng nói và tâm hồn.

Cũng vì muốn giữ lối đi về này mà nhà xuất bản Văn Nghệ đã hoạt động rất mạnh và việc tái bản quyển Tiểu Luận là một điều đáng mừng cho chúng ta. Người viết xin có vài ý mọn về việc ấn loát tác phẩm này: Nhà Văn Nghệ chăm sóc việc đánh máy văn bản rất kỹ, và không phạm lỗi chính là hay ấn loát. Nhưng, có hai lần bị nhầm về kỹ thuật xếp trang (trang 58 nhầm thành 59 và ngược lại; trang 65 nhầm thành trang 66 và ngược lại). Chắc chắn những lỗi này sẽ được điều chỉnh trong kỳ tái bản

tối, với ước mong là quyển sách sẽ được tái bản, vì tin là tất cả những ai quan tâm tha thiết đến văn chương và tiếng Việt nói chung đều tìm đọc...

Quỳnh Giao.

15 tháng 3, 1989

**CENTRAL VALLEY
MEDICAL CLINIC**

7227 RESEDA BLVD., RESEDA, CA 91335

Tel. (818) 708-7227

B.S NGUYỄN VĂN HUNG M.D.

**Bác sĩ Điều trị OLIVE View Medical Center
(Khu Cấp cứu và Quang tuyến)**

B.S. TRƯƠNG NGỌC THẠCH M.D.

**Bác sĩ Điều trị OLIVE View Medical Center
(Khu theo dõi Nội khoa và Chương trình Sản sóc Toàn
diện)**

GIỜ LÀM VIỆC

Thứ hai-Thứ sáu 9 AM đến 8 PM

Thứ bảy-Chủ nhật 9 AM đến 3 PM

**NHẬN MEDICAL, MEDICARE & BẢO HIỂM
BÃI ĐẠU XE RỘNG RÃI VÀ MIỄN PHÍ**

THƯ TÍN

Lưu Trọng Cao Nguyên.- Đã nhận được hai lần thư, trước sau bốn bài thơ. Đã chuyển hết tất cả cho H.K.P. người phụ trách bài vở chung cho Văn Học kể từ số 39. Mong nhận được sáng tác mới của anh. Thân

Nguyễn Lý.- Khi Văn Học nhận được thơ của anh thì số Xuân đã trên đường đến nhà in. Do đó VH mong anh gởi cho những sáng tác không mất thời gian tính.

Nguyễn Lập Đông.- Lục Bát tò vò sẽ đi trong số tới. Gửi thêm sáng tác mới cho VN. Chúc vui.

Trúc (T.N.T.T.).- Địa chỉ của anh cho VN biết là anh ở vùng này (Orange County). H.K.P. mong được đi uống cà phê với anh. Trong trường hợp có thể xin anh gọi về số (714) 547-6631.

Bùi Hoàng Ngâu.- Đã đọc thật kỹ "Sông Lúa". Nếu được góp ý trong tình thân thì rất cảm động đã nhắc tới Hoàng Đông Quải một người bạn cũ, một bút hiệu bấy giờ ít ai nhắc tới ngay cả chính đương sự. Vẫn trong tình thân bài viết quá dài mà VH chỉ có một số trang hạn hẹp. Hy vọng sẽ có dịp thảo luận trực tiếp cũng như rất mong sáng tác khác "thuần chất truyện ngắn" hơn. Thân. H.K.P.

Ngô Du Trung.- Đã nhận được "Đêm Trăng". Đang đọc. Mong sáng tác khác của anh. Thân.

Phạm Quang Bình.- Đã nhận Đi "B". Đang đọc, mong anh cho một truyện khác thuần chất văn chương hơn. Thân.

SÁCH MỚI TRONG THÁNG

Bước sang năm 89, chưa bao giờ sách Việt ngữ được in nhiều như thế, ngay cả các nhà xuất bản Đại Nam, Xuân Thu vốn chỉ chuyên in lại sách cũ cũng đã có những sách mới tinh hảo. Vồn vện trong 60 ngày đầu của năm 89, Văn Học nhận được hơn 10 tác phẩm đủ mọi đề tài: Truyện dài, truyện ngắn, kịch, thơ và truyện dịch... Văn Học cố làm một việc khiêm

nhường là giới thiệu những sáng tới mới này tới các độc giả của Văn Học cho dù có nhận được sách của các tác giả gửi tặng hay không? Đây không phải là những bài điểm sách, lại càng không phải là những bài viết có tính cách phê bình văn học.

Điểm sách mà giữ được sự vô tư, không để tình cảm bạn bè đã khó, huống hồ một bài viết phê bình văn học ngoài sự vô tư đôi khi đòi hỏi sự can đảm trung thực của ngòi bút còn khó hơn một bậc. Khách quan mà nói ở hải ngoại chúng ta chưa có những cây bút phê bình văn học đúng nghĩa. Dưới đây là phần giới thiệu những cuốn sách còn thơm mùi giấy, mực.

1.- SA MẠC.

Đây là tác phẩm thứ hai (viết ở Mỹ) của nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng. Tác phẩm dài 288 trang do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành trên giấy tốt, không có hoặc có rất ít những lỗi chính tả, kỹ thuật ấn loát cao. Độc giả sẽ bắt gặp những nhân vật có thật, những sự kiện có thật và rất nhiều chất thời sự được dàn trải trong tác phẩm này. Với riêng N.X.H. ông đã từng phát biểu: "không có một nền văn chương nào khởi đi từ hư vô" do đó ông móc một sự kiện nào đó, một nhân vật nào đó vào tác phẩm, và cho những nhân vật có thật này xoay quanh nhân vật chính. Có làm bật được đời sống "thực" hay không chính là tài năng của tác giả, và một phần nữa là do nhãn quan của độc giả. Với N.X.H. dường như ông có một chút nào đó có thật trong Kha: nhân vật chính, một trí thức tiểu tư sản xuất hiện khi thì "uy vũ bất năng khuất" khi thì ơ hờ với tất cả mọi sự việc, khi thì suy tư, thao thức như một triết gia khi khác lại sống "vật vờ" như một ngọn cỏ, ông chỉ vẽ lại được cái phần lỏng lẻo của xã hội thu nhỏ lại trong cộng đồng Việt hải ngoại. Dường như xã hội không phải chỉ thuần có lỏng lẻo, ơ hờ. Dường như xã hội có rất nhiều mặt, mặt nào cũng có thể là mặt trái. Cái mặt trái dưới mắt người này không phải là mặt trái dưới mắt người khác. Có một điều chắc chắn trong "Sa Mạc" dường như không có một nhân vật nào có được sự "quản bình" trong đời sống, kể cả Kha. Trong *Sa Mạc* chúng ta bắt gặp một N.X.H khác hẳn với kỹ thuật của "Tự truyện một người vô tích sự" đã đăng trong VH số trước. Xin mời độc giả đi thẳng vào sự khác biệt này. Sách đã bán ở các tiệm sách với giá \$10.00

2.- ĐƯỜNG LÊN TRỜI

Tuyển tập dịch thứ hai của Vũ Huy Quang, cũng do nhà xuất bản Xuân Thu ấn hành đây 181 trang gồm có hai kịch bản, một tiểu luận, một bài thơ, ba truyện ngắn và hai bài văn xuôi đối thoại liên hệ đến triết gia Socrates từ hơn hai ngàn năm trước. Nếu kể đến danh tánh thì phần đối thoại do triết gia Plato ghi lại. Đường lên trời - truyện của E.M. Forster.

Sân tình - truyện của John Collier. *Abe Sada* - thơ của Yokio Mishima và sau cùng là tiểu luận: *Suy nghĩ, như một thú tiêu khiển của William Golding*.

Sách in đẹp, trình bày trang nhã với 181 trang Vũ Huy Quang dẫn đọc giả đi suốt một không gian rộng lớn bao phủ các quốc gia Hi Lạp, Anh, Mỹ, Nhật Bản, Mỹ Châu La Tinh và Trung Đông. Về thời gian ông dẫn chúng ta trở ngược lại hơn 2000 năm trước thuở phôi thai của văn minh và triết lý tại ngay cái nôi nguyên thủy của nền văn minh Âu Châu. Văn Học không có tất cả những nguyên bản, và ngay cả trong trường hợp có đầy đủ các tài liệu trong tay cũng chưa chắc đã có đủ trình độ ngoại ngữ của một dịch giả để có thể đưa những văn phẩm này lại gần độc giả.

Nhà văn Vũ Huy Quang đã làm được một việc có ý nghĩa là mang những nền văn chương của dân tộc khác lại gần với độc giả yêu chuộng chữ nghĩa.

Sách giá \$10.00. Hiện đã có bày bán ở các nhà sách.

3.- TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH

Tập truyện đầu tay của nhà văn Nguyễn Ý Thuần do nhà xuất bản Văn Nghệ ấn hành. Sách dày 221 trang gồm 13 truyện ngắn và một bài tựa của nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Nếu kể về thời gian viết thì dường như Nguyễn Ý Thuần chỉ mới xuất hiện vài ba năm gần đây, theo tiểu sử ông sinh năm 1953, bây giờ 36 tuổi. Cái tuổi khởi đầu của trí tuệ thật sự. Cái tuổi có thể bình tĩnh quay lại quá khứ của mình không mặc cảm tự ti thất trận và cũng không mặc cảm tự tôn của một...Nhà văn Nguyễn Ý Thuần quả là một cái chồi, cái mầm bụ bẫm trong khu vườn văn chương. Nuôi dưỡng được, giữ được cái nhựa sống tràn trề trong cái mầm này là việc làm của chính ông. Ông khởi đi thật nhanh, thật mạnh, từ một ít bài thơ lác đác trên các tạp chí, chỉ trong vài ba năm ông có mặt ở hầu hết các tạp chí văn học của người Việt hải ngoại. Trong 13 truyện ngắn của tập sách đầu tay dường như có tới sáu truyện viết về... ái tình. Từ những cuộc tình thơ mộng đến trắc trở, có lúc lại rắc rối, éo le, khi thì vô vọng và có lúc như đây tội lỗi. Ông viết thật dễ trong những truyện tình này, ngòi bút như một gã phong lưu trong túi có tiền nên không bao giờ phải ngừng lại, cú gõ của nhà này, bước vào quán khác. Tôi nghĩ có lẽ chính ông cũng thích cái dễ tài dễ dàng với chính ông, nhưng nhân dạng thật của ông có lẽ nằm đâu đó trong "Cậu út", trong "Tìm lại trái tim" và trong truyện mang tên toàn tập. Tôi mượn câu chốt bài viết của nhà văn Nguyễn Mộng Giác để nói về văn chương cũng như con người Nguyễn Ý Thuần: "*Tập truyện này mở ra bằng những lời yêu thương và đóng lại bằng những tiếng nức. Màu sắc tuy có khác nhưng cái nhất quán là ước vọng bay bổng thật lãng mạn của Nguyễn Ý Thuần mà thôi*"

Giống như những sách khác của nhà Văn Nghệ, được coi sóc cẩn thận, trình bày trang nhã. Giá bán \$10.00. Đây là một quyển sách nên có trong tủ sách của các người thích văn chương.

4.- CÂY GẬY LÀM MƯA

Truyện đầu tay của nhà văn Đỗ Kh., sách đầu tay của nhà xuất bản Tân Thư đây gần 300 trang in đẹp, trình bày trang nhã.

Hãy nói về cái tên tác giả. Tôi mong mỗi được đọc một cuốn sách khác ký tên là Đỗ Khiêm, đây là tên thật và đầy đủ của nhà văn. Có thể chính tác giả có lý do riêng, dù lý do nào đi nữa tôi vẫn thích một cái tên đầy đủ, không viết tắt trên bìa quyển sách.

Có lẽ Đỗ Khiêm và Nguyễn Ý Thuần cùng tuổi có thể xê xích một hai năm. Có điều chắc chắn họ cùng một thế hệ, cái thế hệ có được một, hai năm dính dáng với cuộc chiến đúng hồi kết thúc. Họ khác nhau một chút nhỏ Đỗ Khiêm du học từ năm 69, hưởng được cái tự do trong nền giáo dục của Pháp. Sau bốn năm ở Pháp, ông về nước và lần này học chung trường Đại Học với Thuần, đó là Đại học Đà Nẵng, Đại học chiến tranh, và bài học của họ có một chút máu, xương và người chết. Do sự khác biệt của nền học vấn mà trường ốc ban cho mỗi người, cung cách họ đến văn chương cũng khác biệt. Nếu Nguyễn Ý Thuần là một cái chổi, một cái mầm bụ bẫm thì Đỗ Khiêm lại là một bông hoa thật lạ. Đỗ Khiêm giống như một kỳ mã lông buông tay khấu trong khu rừng văn chương, con ngựa ngừng lại ăn một nhúm cỏ ven đường, con ngựa ngừng lại vểnh cái đuôi lên, để làm cái việc không tao nhã, con ngựa nghiêng cổ hý hay ý ra không chịu cái vó, chàng kỳ mã vẫn mặc, chàng cũng có cái tự nhiên của chàng. Cái đầu bay lượn lúc ở Việt Nam, vài giò sau đã thấy ở Ý, ở Trung Đông rồi chớp mắt lại ở khu Bolsa, cái ông chú ý nhìn có khi là một thiếu nữ Việt có đủ tính tốt và xấu, vài giò sau, hay chỉ một trang sau đã là một chị Armenia có cái thế ngồi không đẹp trên bồn cầu qua mười một truyện ngắn rất nhiều kỹ thuật, bút pháp cũng thay đổi không ngừng. Có điều chắc chắn Đỗ Kh. là Đỗ Khiêm không dính dự, không ảnh hưởng bởi bất cứ một nhà văn nào trước ông. Tôi không mong gì hơn là Đỗ Khiêm cũng như Nguyễn Ý Thuần tiến xa hơn nữa chứ không ngừng lại ở mức khởi hành này.

Sách bán giá bán \$12.00. Nếu đã có một tủ sách tại sao lại không có cái bông hoa lạ này?

5.- THƯƠNG NÀNG BẤY NHIÊU

Tập truyện của Kiệt Tấn do nhà xuất bản Người Việt ấn hành. Sách đây 222 trang gồm bảy truyện ngắn và bốn phụ bản của Thái Tuấn, tranh bìa của Nguyễn Thị Hợp. Sách in đẹp, ít lỗi chính tả.

Trong tiểu sử ông khởi đi là một nhà thơ tác phẩm đầu đời là một tập thơ: *"Diệp khúc tình yêu và trái phá"* in năm 1966. Văn Học không có được tập thơ này trong tay, nhưng với ông bước vào cái tuổi ngũ tuần ông không thể quên được Thơ, cái nguồn cội văn chương của ông. Bấy truyện ngắn được dẫn vào bằng bảy đoạn thơ, phần lớn là ca dao có khi là thơ của người khác đã làm ông rung cảm như Kiều, Cung Trầm Tưởng, Nguyễn Bính. Vẫn chưa đủ, trong bảy truyện ngắn không có một truyện nào không có những chữ in nghiêng. Tám phần mười những chữ in nghiêng này là thơ, hai phần mười còn lại là những đoạn nhạc, một đôi lúc hiếm hoi những giòng chữ in nghiêng này nhấn mạnh một đôi điều. Thí dụ: *"Phạm một con hải cẩu đến mùa rụng đục...không thiết đến ăn uống nghỉ ngơi"*. Truyện của ông bên ngoài cái cốt...thơ còn rất nhiều...tình dục. Kỳ lạ ở chỗ ông viết thẳng băng vào vấn đề này như người ta đường hoàng đẩy cái cửa trước khi đi vào nhà, thế mà không thấy cái phần xấu của tình dục, ông không kích thích ai hết, ông viết đến tình dục một cách thành thật, bởi vì đó là những đoạn trong đời ông, những mẩu tự truyện nhỏ góp dần lại thành Kiệt Tấn hay Tấn Kiệt cũng vậy. *Đêm Có Tuyết* là một truyện hay. *Chuông ngân chạnh nhớ người yêu đầu* là một truyện hay khác. Tôi thú thật hơi ngỡ ngàng với Diane trong *"Người em xóm học"*. Tôi không ngỡ ngàng về Diane, bởi lẽ Diane không thể nào gần với Kiệt bằng Tuyết, cái tôi ngỡ ngàng là cái tình anh em của Kiệt và Lộc, tôi có thể đồng ý với Kiệt Tấn về việc tình yêu và tình dục phải được thể hiện cùng một lúc, nhưng tôi chưa đủ can đảm làm cái việc Lộc đã làm với Tuyết và Kiệt đã làm với Diane. Dẫu gì chăng nữa. Đây là một tập truyện ngắn hay, còn Kiệt Tấn chính ông là cả một khu rừn kỳ dị khi thì mộc mạc dịu dàng như những câu ca dao ông dẫn vào truyện, khi thì cuồng nhiệt, xối xả đến độ coi thường tất cả mọi sự kiện chung quanh. Có một điều chắc chắn với văn chương ông là Kiệt Tấn, với đời sống ông là Tấn Kiệt. Giữa Kiệt Tấn và Tấn Kiệt quả là một tấm kính và độc giả có thể nhìn thấu qua tấm kính này. Một điều chắc chắn nữa ông là một trong những người thuộc thơ của người khác nhiều đến độ rải rác trong tác phẩm của ông chúng ta có thể bắt gặp hàng chục, hàng trăm thi sĩ, nhạc sĩ khác không kể tới chất liệu chính là Ca dao.

Sách bán \$12.00 cũng không nên thiếu trong tủ sách của mọi nhà.

Kỳ tới: Đọc và giới thiệu các tác phẩm mới của Phạm Công Thiện, Nguyễn Tất Nhiên, Nguyễn Thị Thanh Bình và những sách mới xuất bản trong tháng 4-89

Hoàng Khởi Phong



Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301, Westminster, CA 92683. U.S.A.

Phone: (714) 832-8445

Ngân, chi phiếu xin đề VĂN NGHỆ

Đã Phát Hành

IVO ANDRITCH

Giải Nobel 1961

CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA

Bản dịch của NGUYỄN HIẾN LÊ



văn nghệ

Giá \$14.00 MK

Ngoài Hoa kỳ thêm \$2.00 MK

Giá 3 Mỹ kim